

Phụ lục I
DANH MỤC HỒ SƠ KHAI THUẾ
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu	Điều, khoản viện dẫn
1. Hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế			
1	01/KHBS	Tờ khai bổ sung	Khoản 3 Điều 17 Chương III
2	01-1/KHBS	Bản giải trình khai bổ sung	Khoản 3 Điều 17 Chương III
3	Kèm theo: - Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót đã được bổ sung; - Chứng từ, tài liệu có liên quan (nếu có).		
2. Hồ sơ giải trình hồ sơ khai thuế			
1	01/VBGT	Văn bản giải trình	Khoản 7 Điều 17 Chương III
2	Kèm theo: - Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót đã được điều chỉnh, bổ sung; - Chứng từ, tài liệu khác có liên quan.		
3. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế			
1	01/GHKT	Văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế	Khoản 4 Điều 18 Chương III
2	Kèm theo: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát sinh trường hợp được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế		
4. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng			
4.1 Hồ sơ khai thuế đối với phương pháp khấu trừ			Khoản 5 Điều 19 Chương III
a) Hồ sơ khai thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh			Khoản 5 Điều 19 Chương III
1	01/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)	

2	01-2/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện	
3	01-3/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán	
4	01-6/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp (Trừ hoạt động sản xuất thủy điện, hoạt động kinh doanh xổ số điện toán)	
5	01-7/GTGT	Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng đầu vào cho các đơn vị phụ thuộc	
6	01-8/GTGT	Phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng	
7	05/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Áp dụng đối với khai thuế đối với hoạt động xây dựng, hoạt động chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng/quý theo kỳ tính thuế của người nộp thuế đang áp dụng).	
b) Hồ sơ khai thuế đối với dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế			Khoản 5 Điều 19 Chương III
8	02/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế)	
4.2 Hồ sơ khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng			Khoản 5 Điều 19 Chương III
9	03/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)	
4.3 Hồ sơ khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu			Khoản 5 Điều 19 Chương III
10	04/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Áp dụng đối với người nộp thuế tính	

		thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)	
4.4 Thay đổi kỳ tính thuế			Khoản 1 Điều 19 Chương III
11	01/DK-TĐKTT	Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý	
5. Hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt			Khoản 4 Điều 20 Chương III
1	01/TTĐB	Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt	
2	01-2/TTĐB	Bảng xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, hàng hóa nhập khẩu	
3	01-3/TTĐB	Bảng phân bổ số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán	
4	01-4/TTĐB	Phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học	
6. Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp			
6.1 Hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh			
a) Đối với hoạt động không phát sinh thường xuyên			Khoản 5 Điều 21 Chương III
1	04/TNDN	Tờ khai thuế TNDN (Áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)	
b) Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản			Khoản 5 Điều 21 Chương III
2	02/TNDN	Tờ khai thuế TNDN (Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tài sản khác theo từng lần phát sinh)	
3	06/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới	

		hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)	
c	Đối với hoạt động bán, bán đấu giá bất động sản, tài sản khác là tài sản bảo đảm		Khoản 5 Điều 21 Chương III
	02/TNDN	Tờ khai thuế TNDN (Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tài sản khác theo từng lần phát sinh)	
d) Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài			Khoản 5 Điều 21 Chương III
4	05/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài)	
5	Kèm theo: Bản sao hợp đồng chuyển nhượng		
e) Đối với hoạt động chia lợi tức cho tổ chức đầu tư			Khoản 5 Điều 21 Chương III
6	07/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động chia lợi tức cho tổ chức đầu tư của Quỹ đầu tư chứng khoán)	
6.2 Hồ sơ khai quyết toán thuế			Khoản 5 Điều 21 Chương III
a) Trường hợp áp dụng phương pháp tỷ lệ trên doanh thu			
1	04/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)	
2	Kèm theo: Báo cáo tài chính năm (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính) theo quy định của pháp luật về kế toán và báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (trừ trường hợp không bắt buộc phải kiểm toán) theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.		
b) Trường hợp áp dụng phương pháp doanh thu, chi phí			Khoản 5 Điều 21 Chương III
1	03/TNDN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)	
2	03-2/TNDN	Phụ lục chuyển lỗ	

3	03-3A/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với thu nhập từ dự án đầu tư, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	
4	03-3C/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi (Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ)	
5	03-3D/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi (Áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao)	
6	03-4/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp đối với thu nhập ở nước ngoài	
7	03-5/TNDN	Phụ lục thu nhập đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	
8	03-6/TNDN	Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ	
9	03-8/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với cơ sở sản xuất	
10	03-8A/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	
11	03-8B/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện	
12	03-8C/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán	
13	03-9/TNDN	Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm	

		nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm	
14	Kèm theo: - Báo cáo tài chính năm (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính) theo quy định của pháp luật về kế toán và báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (trừ trường hợp không bắt buộc phải kiểm toán) theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. - Phụ lục giao dịch liên kết theo quy định tại Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (nếu có). - Thông báo về số vốn đăng ký đầu tư của dự án đầu tư mở rộng (nếu thuộc trường hợp phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế TNDN) - Các tài liệu khác đối với trường hợp người nộp thuế kê khai phụ lục 03-4/TNDN: + Trường hợp có thu nhập tại nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: Bản sao Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế hoặc văn bản giải trình trong trường hợp chưa có Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài; Bản sao chứng từ nộp thuế TNDN ở nước ngoài hoặc bản sao văn bản xác nhận của cơ quan thuế nước ngoài về số thuế TNDN đã nộp hoặc bản sao chứng từ có giá trị tương đương có xác nhận của người nộp thuế. + Trường hợp được khấu trừ theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: Hồ sơ chứng minh số thuế đã nộp tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 34 Chương III		
7. Hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân			
7.1 Khai thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công		Khoản 1 Điều 22 Chương III	
a) Khai thuế đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập		Khoản 1 Điều 22 Chương III	
a.1) Hồ sơ khai thuế theo quý		Khoản 1 Điều 22 Chương III	
1	05/KK-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)	
2	05-1/PBT-KK-TNCN	Phụ lục Bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và trúng thưởng (<i>trường hợp khai tập trung số thuế đã khấu trừ</i>)	
a.2) Hồ sơ khai quyết toán thuế		Khoản 1 Điều 22 Chương III	

3	05/QTT-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)	
4	05-1/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần	
5	05-2/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần	
6	05-3/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh	
b)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập		Khoản 1 Điều 22 Chương III
1	08/UQ-QTT-TNCN	Giấy ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân	
c)	Khai thuế đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế		Khoản 1 Điều 22 Chương III
c.1)	Hồ sơ khai thuế theo quý		Khoản 1 Điều 22 Chương III
1	02/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN (Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)	
c.2)	Hồ sơ khai quyết toán thuế		Khoản 1 Điều 22 Chương III
2	02/QTT-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)	
3	02-1/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc	
4	Kèm theo: Bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp;		

5	Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài	
6	Hồ sơ xác định khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân.	
	Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, khai thác được thông tin có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì người nộp thuế không phải nộp các thành phần hồ sơ theo quy định tại mục 4,5,6 điểm này	
d) Khai thuế đối với tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ cổ phiếu thưởng cho người lao động, cổ phiếu ESOP		
1	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)
2	06-2/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập từ cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).
7.2 Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh		
Khoản 2 Điều 22		

a) Khai thuế đối với tổ chức khai thay cho cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức			Khoản 2 Điều 22 Chương III
1	01/TCKT	Tờ khai thuế của tổ chức khai thay (Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản)	
2	01/BK-KTHTKD	Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Kèm theo Tờ khai 01/TCKT áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức)	
b) Khai thuế đối với tổ chức khấu trừ thuế, khai thay, nộp thay thuế đối với hoạt động đại lý bán đúng giá bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp; hoạt động môi giới			Khoản 2 Điều 22 Chương III
1	01/XSBHDCMG-CNKD	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức khấu trừ thuế, khai thay, nộp thay thuế đối với hoạt động đại lý bán đúng giá bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp, hoạt động môi giới; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác)	
2	01/BK-XSBHDCMG	Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu (Kèm theo Tờ khai 01/ XSBHDCMG-CNKD kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)	
c)	Khai thuế đối với cá nhân cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; cá nhân làm đại lý bán đúng giá đối với hoạt động bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp; cá nhân thực hiện hoạt động môi giới thuộc trường hợp phải nộp thuế nhưng chưa được tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay trong năm		Khoản 2 Điều 22 Chương III
1	01/TKN-CNKD	Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế năm (Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có	

		doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế đề nghị hoàn thuế; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; cá nhân làm đại lý bán đúng giá đối với hoạt động bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp; cá nhân thực hiện hoạt động môi giới thuộc trường hợp phải nộp thuế mà chưa được tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay trong năm)	
d) Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân trên thu nhập tính thuế			Khoản 2, Điều 22 Chương III
1	02/CNKD-TNCN-QTT	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân trên thu nhập tính thuế)	
e) Khai thuế đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú			
e.1) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế			
1	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)	

2	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).	
e.2) Cá nhân trực tiếp khai với cơ quan thuế			Khoản 2 Điều 22 Chương III
5	04/NNG-TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ: kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số)	
7.3 Khai thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản			Khoản 3 Điều 22 Chương III
Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, khai thác được thông tin có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì người nộp thuế không phải nộp các thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm này. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng hình thức trực tiếp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng hình thức điện tử thì phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ trên hồ sơ.			
a) Hồ sơ khai thuế trong trường hợp cơ quan thuế tính thuế và thông báo nộp thuế theo hồ sơ khai thuế của người nộp thuế			
a.1) Trường hợp chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là nhà ở, nhà ở thương mại, công trình xây dựng hình thành trong tương lai, công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về nhà ở (sau đây gọi tắt là nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai)			
1	03/BĐS-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)	

2

Kèm theo: (1) Bản sao hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; (2) Bản sao Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp I, cấp II hoặc sản giao dịch của chủ dự án (đối với trường hợp chuyển nhượng); (3) Bản sao Văn bản pháp lý chứng minh quyền được nhận thừa kế, quà tặng (đối với trường hợp nhận thừa kế, quà tặng); (4) Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai (nếu chuyển nhượng từ lần thứ hai trở đi thì cung cấp thêm bản sao hợp đồng chuyển nhượng lần trước liền kề); (5) Bản sao Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định; (6) Bản sao Văn bản ủy quyền (nếu có).

a.2) Trường hợp ủy quyền mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung như quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự

1

03/BĐS-TNCN

Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

Kèm theo: (1) Bản sao hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; (2) Bản sao Hợp đồng ủy quyền bất động sản mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung như quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự; (3) Bản sao Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

a.3) Trường hợp chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài

1

03/BĐS-TNCN

Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

Kèm theo: (1) Bản sao hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; (2) Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại nước ngoài (đối với trường hợp chuyển nhượng), (3) Bản sao Văn bản pháp lý chứng minh quyền được nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản tại nước ngoài (đối với trường hợp nhận thừa kế, quà tặng); (4) Bản sao Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định, (5) Bản sao Văn bản ủy quyền (nếu có).

a.4) Các trường hợp khác với quy định tại điểm a.1, a.2, a.3

1	03/BDS-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)	
	Kèm theo: (1) Bản sao hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; (2) Bản sao giấy tờ, hồ sơ là căn cứ xác định giá trị chuyển nhượng nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; (3) Bản sao Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp I, cấp II hoặc sản giao dịch của chủ dự án; (4) Bản sao Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định; (5) Bản sao Văn bản ủy quyền, hợp đồng góp vốn, văn bản xác định bên thứ ba có liên quan được phép bán tài sản của cá nhân theo quy định của pháp luật, ... (nếu có)		
b) Hồ sơ khai thuế trong trường hợp cơ quan thuế tính thuế và thông báo nộp thuế theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyển đến			
1	Bản sao hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế		
2	Bản sao Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định		
7.4 Khai thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn		Khoản 4 Điều 22 Chương III	
a) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn trong nước			
1	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giải thưởng phát tài nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân	

		không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)	
2	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).	
b) Đối với thu nhập từ đầu tư vốn trong trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu, cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn.			Khoản 4 Điều 22 Chương III
b.1) Tổ chức khai thay, nộp thuế thay			Khoản 4 Điều 22 Chương III
1	04/ĐTV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn, cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	
2	04-1/ĐTV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết (Kèm theo Tờ khai mẫu số 04/ĐTV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	
b.2) Cá nhân thực hiện khai thuế, nộp thuế trực tiếp cho cơ quan thuế			Khoản 4 Điều 22 Chương III
1	04/ĐTV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn, cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	

c) Cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt Nam chỉ trả trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế			Khoản 4 Điều 22 Chương III
	04/NNG-TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ: kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số)	
7.5 Khai thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán			Khoản 5 Điều 22 Chương III
(1) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (không bao gồm chuyển nhượng chứng khoán)			
a) Cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn thực hiện khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế; Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân			
1	04/CNV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	
2	04-1/CNV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn (Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	
3	+ Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng vốn. Trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp thì Hợp đồng chuyển nhượng vốn được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn; + Bản sao tài liệu xác định trị giá vốn góp theo sổ sách kế toán, trường hợp vốn góp do mua lại thì phải có hợp đồng chuyển nhượng khi mua; + Bản sao các chứng từ chứng minh chi phí liên quan đến việc xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp. - Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân, tổ chức khai thay, nộp thay lưu trữ tại đơn vị hồ sơ, tài liệu chứng minh giá chuyển nhượng, giá mua, chi phí liên quan:		

+ Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng vốn. Trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp thì Hợp đồng chuyển nhượng vốn được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn; + Bản sao tài liệu xác định trị giá vốn góp theo sổ sách kế toán, trường hợp vốn góp do mua lại thì phải có hợp đồng chuyển nhượng khi mua; + Bản sao các chứng từ chứng minh chi phí liên quan đến việc xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp.		
b) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú		Khoản 5 Điều 22 Chương III
4	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giải thưởng phát tài nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)
5	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).
(2) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán		Khoản 5 Điều 22 Chương III
a) Tổ chức khấu trừ thuế		
1	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển

		nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giám phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)	
2	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).	
b) Cá nhân trực tiếp khai thuế			Khoản 5 Điều 22 Chương III
3	04/CNV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	
4	Kèm theo: Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán. Trong trường hợp góp vốn bằng chứng khoán thì Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn.		
c) Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán			
5	04/CNV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân).	

6	04-1/CNV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn (Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)	
Tổ chức khai thay, nộp thay lưu trữ tại đơn vị hồ sơ, tài liệu chứng minh giá chuyển nhượng: Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán. Trong trường hợp góp vốn bằng chứng khoán thì Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn.			
7.6 Khai thuế TNCN đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng			Khoản 6 Điều 22 Chương III
a) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế			
1	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giải phát tài nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)	
2	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).	
3	05-1/PBT-KK-TNCN	Phụ lục Bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và trúng thưởng (áp dụng đối với tổ	

		chức khấu trừ thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán)	
b) Cá nhân có thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng mà tổ chức, cá nhân khác trả thu nhập chưa thực hiện khấu trừ thuế hoặc cá nhân nhận được thu nhập do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt Nam chỉ trả thực hiện khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế			Khoản 6 Điều 22 Chương III
1	04/NNG-TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ: kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số)	
7.7 Khai thuế TNCN đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng (trừ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản)			Khoản 7 Điều 22 Chương III
1	04/TKQT-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biển số xe trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế)	
2	Bản sao Văn bản pháp lý chứng minh quyền nhận thừa kế, quà tặng.		
3	Hồ sơ xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định..		
	Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, khai thác được thông tin có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì người nộp thuế không phải nộp các thành phần hồ sơ theo quy định tại mục 2,3 điểm này.		
7.8. Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ thu nhập khác			Khoản 8 Điều 22 Chương III
a) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế từ chuyển nhượng nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số			Khoản 8 Điều 22 Chương III

1	06/TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)	
2	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động).	
b) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá mà tổ chức, cá nhân khác trả thu nhập chưa thực hiện khấu trừ thuế hoặc cá nhân nhận được thu nhập do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt Nam chỉ trả			Khoản 8 Điều 22 Chương III
1	04/TKQT-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biển số xe trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế)	
2	Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá		

c) Cá nhân trực tiếp khai thuế đối với chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số giả mà tổ chức, cá nhân khác trả thu nhập chưa thực hiện khấu trừ thuế hoặc cá nhân nhận được thu nhập do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt Nam chỉ trả			Khoản 8 Điều 22 Chương III
1	04/NNG-TNCN	Tờ khai thuế (Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ: kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số)	
8. Hồ sơ khai thuế tài nguyên (trừ hoạt động dầu khí và bán dầu khí)			Khoản 4 Điều 23 Chương III
1	01/TAIN	Tờ khai thuế tài nguyên, khai quyết toán thuế tài nguyên	
2	01-1/TAIN	Phụ lục Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện	
9. Hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường			Khoản 4 Điều 24 Chương III
1	01/TBVMТ	Tờ khai thuế bảo vệ môi trường	
2	01-1/TBVMТ	Phụ lục Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với than	
3	01-2/TBVMТ	Phụ lục bảng phân bổ số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với xăng dầu	
4	01-3/TBVMТ	Phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế bảo vệ môi trường	
10. Hồ sơ khai thuế, khoản thu khác liên quan đến sử dụng đất đai			
10.1 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			Khoản 1 Điều 25 Chương III
a) Đối với hộ gia đình, cá nhân			

1	01/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân)	
2	03/TKTH-SDDPNN	Tờ khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)	
3	Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế: Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có); Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo hồ sơ khai thuế. Cơ quan thuế khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.		
4	Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế (nếu có).		
b) Đối với tổ chức			
1	02/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (Áp dụng đối với tổ chức)	
2	Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế: Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có); Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo hồ sơ khai thuế. Cơ quan thuế khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.		
3	Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế (nếu có).		
10.2 Thuế sử dụng đất nông nghiệp			Khoản 2 Điều 25
1	01/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (Áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế)	
2	02/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)	
3	03/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (Áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)	
4	Bản sao các giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế (nếu có).		

10.3 Tiền thuê đất đối với trường hợp chưa có quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất (bao gồm cả trường hợp thuê đất đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng chưa được gia hạn thời gian sử dụng đất)			Khoản 3 Điều 25
1	01/TMĐN	Tờ khai tiền thuê đất (Áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước, bao gồm cả trường hợp thuê đất đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng chưa được gia hạn sử dụng đất)	Khoản 3 Điều 25 Chương III
2	Bản sao các giấy tờ liên quan khác (nếu có)		
11. Hồ sơ khai khoản thu khác			
11.1 Hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			Khoản 1 Điều 26 Chương III
1	01/PBVMT	Tờ khai phí bảo vệ môi trường (Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)	
11.2 Hồ sơ khai lệ phí trước bạ <i>Bản sao trong hồ sơ khai lệ phí trước bạ là bản sao hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng hình thức trực tiếp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối liên thông điện tử với cơ quan có liên quan thì hồ sơ khai lệ phí trước bạ là Tờ khai lệ phí trước bạ</i>			
a) Hồ sơ khai lệ phí trước bạ nhà, đất			
1	01/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (Áp dụng đối với nhà, đất)	Khoản 2 Điều 26 Chương III
2	Bản sao các giấy tờ chứng minh tài sản (hoặc chủ tài sản) thuộc diện miễn lệ phí trước bạ (nếu có);		
3	Bản sao giấy tờ chứng minh nhà, đất có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật;		
4	Bản sao giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật về việc chuyển giao tài sản ký kết giữa bên giao tài sản và bên nhận tài sản;		
b) Hồ sơ kê khai lệ phí trước bạ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam			Khoản 2 Điều 26 Chương III

1	02/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (Áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)	
	Bản sao phiếu báo hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc tàu thủy, thuyền thuộc đối tượng được đăng ký sở hữu		
c) Hồ sơ khai lệ phí trước bạ đối với tài sản khác, trừ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam			Khoản 2 Điều 26 Chương III
1	02/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (Áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)	
2	Bản sao các giấy tờ về mua bán, chuyển giao tài sản hợp pháp		
3	Bản sao các giấy tờ chứng minh tài sản hoặc chủ tài sản thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ hoặc được miễn lệ phí trước bạ (nếu có);		
4	Đối với tài sản đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng lần đầu, người nộp thuế nộp Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng dùng cho xe cơ giới hoặc các giấy tờ, văn bản của cơ quan có thẩm quyền thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu của kiểu loại xe trên Bảng giá (đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự);		
5	Đối với tài sản đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng từ lần thứ 2 trở đi tại Việt Nam, người nộp thuế nộp Bản sao Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe của cơ quan Công an xác nhận hoặc Bản sao giấy đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của chủ cũ;		
11.3 Khai phí, lệ phí khác			Khoản 3 Điều 26 Chương III
1	01/PH	Tờ khai phí	
2	01/LP	Tờ khai lệ phí	
12. Hồ sơ khai lợi nhuận, cổ tức nộp ngân sách nhà nước			
12.1 Khai lợi nhuận sau thuế còn lại			Khoản 1 Điều 27 Chương III
1	01/QT-LNCL	Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	

		về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
2	01-1/QT-LNCL	Phụ lục bảng phân bổ số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán (Kèm theo Tờ khai quyết toán mẫu số 01/QT-LNCL)	
12.2 Khai cổ tức, lợi nhuận được chia			Khoản 2 Điều 27 Chương III
1	01/CTLNĐC	Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên	
13. Hồ sơ khai phí, lệ phí cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài			Khoản 1 Điều 28 Chương III
1	01/PHLPNG	Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam ở nước ngoài thực hiện thu (trường hợp khai theo quý)	
2	02/PHLPNG	Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam ở nước ngoài thực hiện thu (trường hợp khai quyết toán năm)	
3	02-1/PHLPNG	Phụ lục bảng kê phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp theo từng cơ quan đại diện nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam ở nước ngoài thực hiện thu (Kèm theo Tờ khai quyết toán năm)	
14. Hồ sơ khai thuế và các khoản thu đối với hoạt động dầu khí			
14.1 Đối với Liên doanh Vietsovpetro			Điểm a Khoản 2 Điều 29 Chương III
1	01/TK-VSP	Tờ khai thuế và phụ thu phát sinh trong năm	
2	02/TK-VSP	Tờ khai quyết toán thuế và phụ thu	

3	01/PL-DK	Phụ lục sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí (kèm theo Tờ khai 02/TK-VSP)	
3.1	Kèm theo bản sao: Báo cáo tài chính năm hoặc tại thời điểm kết thúc Hiệp định Liên Chính phủ theo Chế độ kế toán áp dụng tại liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.		
4	01/KD-VSP	Tờ khai phụ thu, thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với tiền kết dư của phân dầu, condensate, khí để lại)	
5	02/KD-VSP	Tờ khai quyết toán phụ thu, thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với tiền kết dư của phân dầu, condensate, khí để lại)	
6	01/LNCN-VSP	Tờ khai tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà	
7	02/LNCN-VSP	Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà	
8	02/PL-DK	Phụ lục phân chia tiền dầu, khí xuất bán (kèm theo Tờ khai 02/LNCN-VSP)	
14.2 Đối với các hợp đồng dầu khí			Điểm b Khoản 2 Điều 29 Chương III
1	01/TK-PSC	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên đối với dầu khí.	
2	01/PL-PSC	Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí (kèm theo TK 01/TK-PSC)	
3	02/TNDN-PSC	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí.	
4	01/PL-PSC	Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí (kèm theo TK 02/TNDN-PSC)	
Kèm theo bản sao: Báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính đến thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí; Báo cáo thu hồi chi phí, báo cáo Dầu Lãi và Khí Lãi, báo cáo định giá sản phẩm, báo cáo dầu thuế tài nguyên và khí thuế tài nguyên theo năm hoặc tại thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí theo pháp luật dầu khí và hợp đồng dầu khí.			

5	02/TAIN-PSC	Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí	
5.1	01/PL-PSC	Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí (kèm theo TK 02/TAIN-PSC)	
5.2	01/PL-DK	Phụ lục sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí (kèm theo TK 02/TAIN-PSC)	
6	01/PTHU-PSC	Tờ khai phụ thu	
7	01/PTHU-PSC	Tờ khai quyết toán phụ thu	
8	02/PTHU-PSC	Tờ khai quyết toán phụ thu	
9	01/TNS-DK	Tờ khai các khoản thu từng lần phát sinh thuộc nước chủ nhà	
10	01/LNCN-PSC	Tờ khai đối với tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà.	
11	02/LNCN-PSC	Tờ khai quyết toán đối với tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà.	
12	02/PL-DK	Phụ lục phân chia tiền dầu, khí xuất bán (kèm theo TK 02/LNCN-PSC)	
14.3 Đối với hoạt động chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí			Điểm c Khoản 2 Điều 29 Chương III
1	03/TNDN-DK	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia Hợp đồng dầu khí của tổ chức tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí)	
<i>Kèm theo:</i> (1) Bản sao hợp đồng chuyển nhượng (bản tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt); (2) Giấy xác nhận của nhà điều hành, công ty điều hành chung, các bên tham gia doanh nghiệp liên doanh, Tập đoàn Công nghiệp-Năng lượng Quốc gia Việt Nam về tổng số chi phí mà bên chuyển nhượng gánh chịu tương ứng với giá vốn của phần quyền lợi chuyển nhượng của bên chuyển nhượng và các tài liệu chứng minh;			

(3) Bản sao chứng từ chứng minh các khoản chi phí liên quan đến giao dịch chuyển nhượng; (4) Trường hợp chuyển nhượng làm thay đổi chủ sở hữu của nhà thầu đang nắm giữ quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí tại Việt Nam, nhà thầu nước ngoài tham gia trực tiếp vào hợp đồng dầu khí tại Việt Nam có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thêm bản sao các tài liệu sau: (i) Cơ cấu cổ phần của công ty trước và sau khi chuyển nhượng; (ii) Báo cáo tài chính 02 năm của doanh nghiệp nước ngoài và các công ty con/chi nhánh nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí tại Việt Nam; (iii) Báo cáo đánh giá tài sản và các tài liệu định giá khác sử dụng để xác định giá trị chuyển nhượng của cổ phiếu, vốn đầu tư ở nước ngoài theo hợp đồng; (iv) Báo cáo tình hình nộp thuế thu nhập của doanh nghiệp nước ngoài liên quan đến việc chuyển nhượng làm thay đổi chủ sở hữu của nhà thầu đang nắm giữ quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí tại Việt Nam; (v) Báo cáo mối quan hệ giữa doanh nghiệp nước ngoài chuyển nhượng và các chi nhánh hoặc công ty con nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí tại Việt Nam về: vốn góp, hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu, chi phí, các tài khoản, tài sản, nhân sự.		
15. Hồ sơ khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài		
15.1 Đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo quy định tại điểm 4 Phụ lục này, khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm 6 Phụ lục này.		Khoản 1 Điều 30 Chương III
15.2 Đối với trường hợp nộp thuế giá trị gia tăng tính trực tiếp trên doanh thu, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế (gọi chung là phương pháp trực tiếp)		Khoản 2 Điều 30 Chương III
a) Hồ sơ khai theo từng lần phát sinh, theo tháng nếu phát sinh nhiều lần trong tháng		Khoản 2 Điều 30 Chương III
1	01/NTNN, NCCNN Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài)	
2	- Kèm theo: Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu)	
b) Hồ sơ khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng		Khoản 2 Điều 30 Chương III

1	02/NTNN	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài)	
2	02-1/NTNN	Phụ lục Bảng kê các nhà thầu nước ngoài	
3	02-2/NTNN	Phụ lục Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu	
15.3 Đối với trường hợp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (gọi chung là phương pháp hỗn hợp)			Khoản 3 Điều 30 Chương III
a) Hồ sơ khai theo từng lần phát sinh, theo tháng nếu phát sinh nhiều lần trong tháng			
1	03/NTNN	Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài	
2	- Kèm theo: Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu)		
b) Hồ sơ khai quyết toán khi kết thúc hợp đồng			Khoản 3 Điều 30 Chương III
1	04/NTNN	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài	
2	02-2/NTNN	Phụ lục Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu	
15.4 Hồ sơ khai thuế theo quý đối với hãng hàng không nước ngoài			Khoản 2 Điều 30 Chương III
1	01/HKNN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài	
2	- Kèm theo: Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu)		
15.5 Hồ sơ khai quyết toán thuế năm đối với hãng vận tải nước ngoài			Khoản 2 Điều 30 Chương III
1	01/VTNN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài	

2	01-1/VTNN	Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác tàu)	
3	01-2/VTNN	Phụ lục bảng kê bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Áp dụng đối với trường hợp hoán đổi/chia chỗ)	
4	01-3/VTNN	Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ	
15.6 Hồ sơ khai thuế theo quý đối với tái bảo hiểm nước ngoài			Khoản 2 Điều 30 Chương III
1	01/TBH	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài	
2	01-1/TBH	Phụ lục hợp đồng tái bảo hiểm, chứng từ tái bảo hiểm theo tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài	
16. Hồ sơ khai thuế của nhà cung cấp nước ngoài			
16.1 NCCNN trực tiếp khai thuế thực hiện khai thuế và điều chỉnh hồ sơ khai nếu phát hiện sai sót như sau:			Khoản 1 Điều 31 Chương III
1	02/NCCNN	Tờ khai thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam	
2	02-1/NCCNN	Bảng kê chi tiết các khách hàng Việt Nam có giao dịch với nhà cung cấp nước ngoài	
16.2 Trường hợp NCCNN ủy quyền khai thuế theo quy định, bên được ủy quyền thực hiện thủ tục về khai thuế tương ứng theo quy định tại điểm 16.1 Phụ lục này.			Khoản 2 Điều 31 Chương III
16.3 Cá nhân không cư trú kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán			Khoản 3 Điều 31 Chương III
1	03/CNNN-TMĐT	Tờ khai thuế đối với cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán	

17. Hồ sơ kê khai và nộp thay số thuế đã khấu trừ của tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế khi mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài			
1	01/NTNN, NCCNN	Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế	Điều 32 Chương III
2	- Kèm theo: Bản sao hợp đồng (giấy hoặc điện tử) của Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam ký kết với nhà cung cấp nước ngoài.		
18. Hồ sơ khai thuế thay của chủ quản nền tảng TMĐT, nền tảng số			
1	01/CNKD-NCCNN-TMĐT	Tờ khai khấu trừ thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài, hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử	Khoản 1 Điều 33 Chương III
2	01-1/BK-CNKD-NCCNN-TMĐT	Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của nhà cung cấp nước ngoài, hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử	
3	01/BKNT-TMĐT	Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử	
19. Mẫu biểu khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài			
1	02/HTQT	Giấy đề nghị khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam	Điều 34 Chương III

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI BỔ SUNG

[01] Mẫu tờ khai:
[02] Mã giao dịch điện tử:.....
[03] Kỳ tính thuế:
[04] Bổ sung lần thứ:
[05] Tên người nộp thuế:
[06] Mã số thuế:
[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền:

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
		
	Tổng cộng:	[10]

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền:

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Xã/Phường/Đặc khu	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<Phụ lục bảng phân bổ: mẫu số ...>					
	<Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>					
	<Tiêu mục>					
						
2						
						
Tổng cộng:						[11]

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày....../....../.....:

b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm:

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền:

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
		
	Tổng cộng:	[12]

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền:

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
		
	Tổng cộng:	[13]

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn:..... Đồng Việt Nam.....

2. Quyết định hoàn thuế: Số ... ngày ... cơ quan thuế ban hành quyết định

3. Lệnh hoàn thuế: Số ... ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x thời gian tính tiền chậm nộp [14] x mức chậm nộp):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

* Thông tin <...> chỉ là ví dụ.

* Chỉ tiêu [01]: Ký hiệu mẫu biểu của tờ khai người nộp thuế khai bổ sung.

* Chỉ tiêu [02]: Mã giao dịch điện tử của tờ khai lần đầu có sai, sót cần bổ sung, điều chỉnh.

* Chỉ tiêu [04]: Số thứ tự lần người nộp thuế khai bổ sung so với tờ khai lần đầu đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận.

* *Chỉ tiêu A: Xác định số thuế phải nộp, tiền chậm nộp (nếu có), số thuế được khấu trừ hoặc số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm giữa tờ khai bổ sung so với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó đã nộp và được cơ quan thuế chấp nhận, ví dụ:*

- *Tờ khai bổ sung lần 1: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 1 với tờ khai lần đầu của kỳ tính thuế;*

- *Tờ khai bổ sung lần 2: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 2 với tờ khai bổ sung lần 1 của kỳ tính thuế.*

- *Chỉ tiêu [10] + [11] = Chỉ tiêu [07] phụ lục 01-1/KHBS.*

- *Chỉ tiêu [12] = Chỉ tiêu [08] phụ lục 01-1/KHBS.*

- *Chỉ tiêu [13] = Chỉ tiêu [09] phụ lục 01-1/KHBS.*

* *Chỉ tiêu B: Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có): Người nộp thuế kê khai khi tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn không đúng quy định phải nộp trả NSNN.*

- *Số tiền thu hồi hoàn: Chênh lệch giữa tờ khai bổ sung với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó, ví dụ:*

+ *Tờ khai bổ sung lần 1: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 1 với tờ khai lần đầu của kỳ tính thuế;*

+ *Tờ khai bổ sung lần 2: Là số chênh lệch giữa tờ khai bổ sung lần 2 với tờ khai bổ sung lần 1 của kỳ tính thuế.*

- *Thông tin Quyết định hoàn, Lệnh hoàn theo thông tin số tiền đã được hoàn thuế. Trường hợp có nhiều Quyết định, Lệnh hoàn thì khai nhiều dòng tương ứng với từng số tiền thu hồi hoàn.*

- *Chỉ tiêu [14]: Xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định 252/2026/NĐ-CP.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai:
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế:
[04] Bổ sung lần thứ:
[05] Tên người nộp thuế:
[06] Mã số thuế:

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	<Tờ khai mẫu số: ...>						
							
							
2	<Phụ lục bảng phân bổ: mẫu số ...>						
							
							
3	<Phụ lục ưu đãi thuế TNDN: mẫu số ...>						
							
							
4	<Phụ lục khác: mẫu số ...>						
							
							
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:						[07]	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:						[08]	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:						[09]	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có): <Kê khai chi tiết các tài liệu gửi kèm chứng minh các
thông tin điều chỉnh>

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

Thông tin <...> chỉ là ví dụ.

Chỉ tiêu [01]: Ký hiệu mẫu biểu của tờ khai người nộp thuế khai bổ sung.

Chỉ tiêu [02]: Mã giao dịch điện tử của tờ khai lần đầu có sai sót cần bổ sung, điều chỉnh.

Chỉ tiêu [04]: Số thứ tự lần người nộp thuế khai bổ sung so với tờ khai lần đầu đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận.

Chỉ tiêu A: Ghi cụ thể tất cả các chỉ tiêu có có chênh lệch hoặc thay đổi trên tờ khai, phụ lục của tờ khai bổ sung so với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó đã nộp và được cơ quan thuế chấp nhận.

Cột (6): Kê khai dữ liệu chênh lệch/thay đổi của tất cả các chỉ tiêu có sai, sót cần điều chỉnh trên tờ khai, phụ lục.

Cột (7): Kê khai chỉ tiêu thay đổi về số thuế phải nộp, số thuế được khấu trừ, số thuế đề nghị hoàn có sai sót cần điều chỉnh trên tờ khai, phụ lục bổ sung đã được điều chỉnh.

Trường hợp NNT khai bổ sung tờ khai thuế GTGT làm giảm khấu trừ làm tăng phải nộp thì kê khai vào chỉ tiêu [07] và chỉ tiêu [08]; giảm đề nghị hoàn làm tăng khấu trừ thì kê khai vào chỉ tiêu [08] và chỉ tiêu [09];...).

Chỉ tiêu B: Kê khai danh mục các tài liệu chứng minh thông tin điều chỉnh kèm theo hồ sơ. Trường hợp thu hồi hoàn phải gửi kèm Quyết định hoàn, Lệnh hoàn liên quan đến số thuế bị thu hồi.

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....thángnăm

VĂN BẢN GIẢI TRÌNH

[01] Mẫu tờ khai:

[02] Mã giao dịch điện tử:.....

[03] Kỳ tính thuế:.....

[04] Lần giải trình:

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

A. Thông tin điều chỉnh so với số đã kê khai:

Đơn vị tiền:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
1	<Tờ khai mẫu số: ...>					
						
						
2	<Phụ lục bảng phân bổ: mẫu số ...>					
						
						
3	<Phụ lục ưu đãi thuế TNDN: mẫu số ...>					
						
						
4	<Phụ lục khác: mẫu số ...>					
						
						
Tổng cộng tăng (+) phải nộp:						[10]
Tổng cộng giảm (-) khấu trừ:						[11]

B. Thông tin giải trình

I. Điều chỉnh tăng số thuế phải nộp

[12] Số thuế đã truy thu sau thanh tra, kiểm tra (nếu có) : đồng;

Theo Quyết định số ngày tháng năm ... của;

[13] Số thuế còn phải nộp sau điều chỉnh: đồng;

[14] Lý do điều chỉnh:

II. Điều chỉnh giảm số thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau

[15] Số thuế còn được khấu trừ chuyển kỳ sau đề nghị giảm: đồng;

[16] Lý do điều chỉnh:

III. Điều chỉnh giảm số thuế đã được hoàn

[17] Số thuế đã được giải quyết hoàn: đồng;

Theo Quyết định số ngày tháng năm ... của; Theo Lệnh hoàn số ngày tháng năm ... của;

[18] Số thuế đề nghị thu hồi hoàn: đồng;

[19] Lý do điều chỉnh:

C. Tài liệu kèm theo (nếu có): <Kê khai chi tiết các tài liệu gửi kèm chứng minh các thông tin điều chỉnh>

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

Thông tin <...> chỉ là ví dụ.

Chỉ tiêu [01]: Ký hiệu mẫu biểu của tờ khai người nộp thuế điều chỉnh.

Chỉ tiêu [02]: Mã giao dịch điện tử của tờ khai lần đầu có sai sót cần điều chỉnh.

Chỉ tiêu A: Ghi cụ thể tất cả các chỉ tiêu có có chênh lệch hoặc thay đổi trên tờ khai, phụ lục của tờ khai điều chỉnh so với tờ khai cùng kỳ liền kề trước đó đã nộp và được cơ quan thuế chấp nhận.

Cột (6): Kê khai dữ liệu chênh lệch/thay đổi của tất cả các chỉ tiêu có sai, sót cần điều chỉnh trên tờ khai, phụ lục.

Cột (7): Kê khai chỉ tiêu thay đổi về số thuế phải nộp, số thuế được khấu trừ có sai sót cần điều chỉnh trên tờ khai, phụ lục đã được điều chỉnh.

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số:
V/v đề nghị gia hạn nộp hồ sơ
khai thuế

....., ngày.....thángnăm

Kính gửi: <Tên cơ quan thuế>

- [01] Tên người nộp thuế:
[02] Mã số thuế:
[03] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[04] Mã số thuế:
[05] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[06] Đề nghị <tên cơ quan thuế> gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

[06.1] Thông tin hồ sơ khai thuế đề nghị gia hạn:

STT	Mẫu tờ khai	Kỳ tính thuế	Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế (ngày/tháng/năm)		Số ngày gia hạn
			Trước gia hạn	Sau gia hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					
...	...				

[06.2] Lý do đề nghị gia hạn:.....

[07] Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao):

<Tên người nộp thuế> cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ
THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận
điện tử/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh:

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày.....

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/ phường/ đặc khu..... [11c] Tỉnh/Thành phố.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22]
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	[24]
	Trong đó: hàng hóa nhập khẩu	[23a]	[24a]
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25]
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]-[32b]; [28]=[31]+[33])	[27]	[28]
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	[33]
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không kê khai tính nộp thuế	[32a]	
e	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính vào giá tính thuế giá trị gia tăng	[32b]	
3	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật thuế giá trị gia tăng	[34a]	
4	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]+[34a]; [35]=[28])	[34]	[35]
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])		[36]
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ		[39a]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0}		[40a]

2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ($[40b] \leq [40a]$)	[40b]	
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ($[40] = [40a] - [40b]$)	[40]	
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này ($[41] = ([36] - [22] + [37] - [38] - [39a]) \leq 0$)	[41]	
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn ($[42] \leq [41]$)	[42]	
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ($[43] = [41] - [42]$)	[43]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chi tiêu [01a]: Người nộp thuế lựa chọn một trong các hoạt động sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
- Hoạt động xố số kiến thiết, xố số điện toán
- Hoạt động khai thác dầu khí
- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính
- Nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính.

2. Chi tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do Thuế tỉnh/thành phố quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chi tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chi tiêu này.

3. Chi tiêu [32b]: Khai giá trị hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp không tính vào giá tính thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.

4. Chi tiêu [34a]: Khai doanh thu của hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

5. Chi tiêu [37] và [38]:

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào chi tiêu [37] kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế). Trường hợp sau khi điều chỉnh, cơ sở kinh doanh có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào chi tiêu [38] kỳ tính thuế có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thực hiện khai vào chi tiêu [37] hoặc [38] tháng, quý phát hiện sai, sót nếu việc khai thuế được thực hiện vào tháng, quý phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

- Trường hợp người mua nhận được hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính thì kê khai vào chi tiêu [37] hoặc [38] của kỳ tính thuế nhận được hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

- Trường hợp người nộp thuế chuyển đổi phương pháp tính thuế từ phương pháp khấu trừ thuế sang phương pháp trực tiếp trên doanh thu thì kê khai điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ hết vào chỉ tiêu [37] tại kỳ tính thuế cuối cùng trước khi chuyển đổi phương pháp tính thuế (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

- Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ và Phụ lục II Thông tư này.

6. Chỉ tiêu [39a]: Khai số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chưa đề nghị hoàn của dự án đầu tư chuyển cho người nộp thuế là chủ đầu tư hoặc người nộp thuế khác do chủ đầu tư giao quản lý hoạt động kinh doanh tiếp tục khấu trừ (là số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, không đủ điều kiện hoàn, không hoàn mà người nộp thuế đã kê khai riêng tờ khai thuế dự án đầu tư) khi dự án đầu tư đi vào hoạt động hoặc số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc khi chấm dứt hoạt động, hoặc số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

7. Chỉ tiêu [40b]: Khai tổng số thuế giá trị gia tăng đã khai tại chỉ tiêu [28a] và [28b] của Tờ khai thuế mẫu số 02/GTGT./.

Phụ lục

**BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN**

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm hoặc Quý năm

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số thuế GTGT phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
			Xã/phường/đặc khu	Tỉnh/thành phố				
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]=[11]x [10]
1	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10a]		
1.1	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy							
1.2	Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)							
2	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10b]		
2.1	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy							
2.2	Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)							
...	...							
Cộng ([13]=Σ[10]; [14]=Σ[12])						[13]		[14]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cột chỉ tiêu [07], [08]: Khai tên xã/phường/đặc khu, tỉnh, thành phố nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện và nơi có nhà máy thủy điện. Trường hợp một nhà máy đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do cùng một cơ quan thuế quản lý thì chọn 1 xã/phường/đặc khu trong các xã/phường/đặc khu nơi có nhà máy để kê khai vào chỉ tiêu này.
2. Cột chỉ tiêu [09]: Chỉ khai cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ.
3. Cột chỉ tiêu [10]: Người nộp thuế tự xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp của nhà máy thủy điện để kê khai vào chỉ tiêu [10a], [10b], các ô còn lại để trống.
4. Cột chỉ tiêu [11]: Khai tỷ lệ phân bổ cho từng tỉnh, thành phố theo tỷ lệ giá trị đầu tư nhà máy thủy điện trên từng tỉnh, thành phố.
5. Cột chỉ tiêu [12]: Số thuế phải nộp cho từng tỉnh/ thành phố, được xác định bằng số thuế phải nộp của nhà máy thủy điện nhân (x) với tỷ lệ phân bổ cho từng tỉnh/ thành phố.
6. Các trường hợp phân bổ theo Phụ lục này được thực hiện đến hết ngày 31/12/2026.

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] BỔ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế :

[05] Mã số thuế:

[06] Tổng doanh thu thực tế:..... đồng

Đơn vị tiên: *Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh
			Xã/phường/đặc khu	Tỉnh/thành phố				
[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]=[13]/[06]x100%	[15]=chỉ tiêu [40]x[14]
1	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>							
2	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>							
3	<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/dịa điểm kinh doanh>							
...	...							
	Cộng theo từng tỉnh							[16]
	Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính							[17]=Σ[16]
	Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([18]=chỉ tiêu [40]-[17])							[18]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cột [08] :

- Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính: Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [08].

- Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính: Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [08].

- Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh: Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [08].

2. Chỉ tiêu [10], [11]: Kê khai địa bàn cấp xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế tỉnh, thành phố thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một xã/phường/đặc khu để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế cơ sở thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

3. Chỉ tiêu [17] + chỉ tiêu [18] phải bằng chỉ tiêu [40] trên Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT.

4. Chỉ tiêu [40] lấy trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Mẫu số: 01-6/GTGT
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP

(Trì hoạt động sản xuất thủy điện, hoạt động kinh doanh xổ số điện toán)

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01a] Hoạt động phân bổ: □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất.

☐ Đơn vị phụ thuộc kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau.

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

II	Địa điểm kinh doanh									
1	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố với nơi NNT đóng trụ sở chính>									
...	...									
Cộng theo từng tỉnh									[18]	[22]
Cộng các tỉnh									[19]=Σ[18]	[23]=Σ[22]
Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([20]=[06]-[19] hoặc [24]=[06]-[23])									[20]	[24]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM TRỦ TỤC VỀ THUẾ

..., ngày..... tháng..... năm.....

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [01a]: Người nộp thuế lựa chọn một trong hai hoạt động phân bổ sau:
 - Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất và cơ sở sản xuất điện mặt trời mái nhà.
 - Đơn vị phụ thuộc kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau.
- Chỉ tiêu [06], [07]:
 - Trường hợp lựa chọn phân bổ cho cơ sở sản xuất: Người nộp thuế tự xác định số thuế phải nộp và doanh thu chưa có thuế GTGT của cơ sở sản xuất nhưng không được lớn hơn số thuế phải nộp và tổng doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT.
 - Trường hợp lựa chọn phân bổ cho kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau: Người nộp thuế tự xác định số thuế phải nộp của dịch vụ viễn thông cước trả sau tại chỉ tiêu [06] nhưng không được lớn hơn số thuế phải nộp trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT, chỉ tiêu [07] để trống.
- Chỉ tiêu [11], [12]: Khai tên xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố với nơi đóng trụ sở chính.
- Các trường hợp phân bổ theo Phụ lục này được thực hiện đến hết ngày 31/12/2026.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CHO CÁC
CHI NHÁNH KINH DOANH VIỄN THÔNG

(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm/Quý năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế: (Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông).....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[07] Mã số thuế:.....

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chi nhánh và trụ sở chính cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông	MST chi nhánh và trụ sở chính cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông	Tổng doanh thu để xác định tỷ lệ phân bổ (không bao gồm doanh thu không chịu thuế)	Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào phân bổ (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phân bổ cho các chi nhánh và trụ sở chính	Ghi chú
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1						
2						
3						
...						
	Tổng cộng					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠİ DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Kèm theo Tờ khai mẫu số ... <01/GTGT hoặc 02/GTGT>)

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

1. Thông tin đề nghị hoàn:

STT	Kỳ đề nghị hoàn thuế		Trường hợp đề nghị hoàn thuế	Số tiền đề nghị hoàn	Ghi chú
	Từ kỳ	Đến kỳ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

2. Thông tin về hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào đề nghị hoàn: <Hệ thống của cơ quan thuế sẽ hỗ trợ hiển thị thông tin cho NNT chọn nếu có trong CSDL của cơ quan thuế>

3. Thông tin xác định số thuế giá trị gia tăng đủ điều kiện hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:

4. Hình thức đề nghị hoàn trả:

a) Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:

STT	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (nếu có)	Cơ quan quản lý thu	Tiểu mục	Kỳ thuế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Số tiền bù trừ với số thuế phát sinh của kỳ tính thuế tiếp theo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng								

b) Hoàn trả trực tiếp:

Hình thức hoàn trả:

Tên chủ tài khoản:.....

Tài khoản số:

Tại Ngân hàng (KBNN):.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:
[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày.....
[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BDS:
[09a] Xã/phường/đặc khu..... [09c] Tỉnh/Thành phố.....

I. kê khai nghĩa vụ thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng			
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản			
Tổng cộng		[24]=Σ[21]		[25]=Σ[23]

II. kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

ST T	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình			Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế giá trị gia tăng)
					Số nhà, đường phố	Xã/phường/đặc khu	Tỉnh/TP	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [09]: Khai thông tin địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều hoạt động đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu nhưng cơ quan thuế quản lý các hoạt động này là Thuế tỉnh, thành phố hoặc Thuế cơ sở thì chọn 1 xã/phường/đặc khu trong các xã/phường/đặc khu nơi có hoạt động để kê khai vào chỉ tiêu này.
- Mục II: Người nộp thuế chỉ kê khai lần đầu khi hợp đồng được ký kết hoặc khai bổ sung, thay đổi khi phát sinh thay đổi hợp đồng, giá trị hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư thuộc trường hợp được hoàn thuế và có nhu cầu hoàn thuế)

[01a] Mã hồ sơ khai dự án đầu tư:

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:
[06] Tên dự án đầu tư:.....
[07] Địa chỉ thực hiện dự án đầu tư:..... [08] Xã/phường/đặc khu :.....
[10] Tỉnh/thành phố:.....
[11] Văn bản phê duyệt dự án đầu tư: Số..... ngày..... của.....
[12] Tên chủ dự án đầu tư :.....
[13] Mã số thuế:
[14] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....
[15] Mã số thuế:
[16] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
1	Thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang		[21]
2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao		[21a]
3	Kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư		
3.1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ	[22]	[23]
	Trong đó: hàng hóa nhập khẩu	[22a]	[23a]
3.2	Điều chỉnh giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng	[24]	[25]
b	Điều chỉnh giảm	[26]	[27]
4	Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào $([28] = [21] + [21a] + [23] + [25] - [27])$		[28]
5	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư bù trừ với thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế $([28a] \leq [28])$		[28a]
6	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư bù trừ với thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế của chủ đầu tư (trường hợp người nộp thuế được chủ đầu tư giao quản lý dự án đầu tư; $([28b] \leq [28] - [28a])$)		[28b]
7	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được hoàn đến kỳ tính thuế của dự án đầu tư $([29] = [28] - [28a] - [28b])$		[29]
8	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn $([30] \leq [29])$		[30]
9	Thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn bàn giao trong kỳ $([31] \leq [29] - [30])$		[31]
10	Thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau $([32] = [29] - [30] - [31])$		[32]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chi tiêu [01a]: Người nộp thuế tự xác định mã hồ sơ khai dự án đầu tư đảm bảo phải duy nhất theo mã số thuế của người nộp thuế cho từng dự án đầu tư với các thông tin từ chi tiêu [06] đến [13]. Trường hợp dự án đầu tư thực hiện trên nhiều địa bàn cấp tỉnh thì kê khai theo địa chỉ dự án tại nhiều tỉnh vào chi tiêu từ [7] đến [10].
- Chi tiêu [21a]: Khai số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT do chủ dự án giao quản lý dự án hoặc từ các đơn vị khác do chủ dự án phân công quản lý.

3. Chỉ tiêu từ [24] đến [27]:

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào chỉ tiêu [26], [27] kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế). Trường hợp sau khi điều chỉnh, cơ sở kinh doanh có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào chỉ tiêu [24], [25] kỳ tính thuế có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thực hiện khai vào chỉ tiêu [24], [25] hoặc [26], [27] tháng, quý phát hiện sai, sót nếu việc khai thuế được thực hiện vào tháng, quý phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

- Trường hợp người mua nhận được hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính thì kê khai vào chỉ tiêu [24], [25], [26], [27] của kỳ tính thuế nhận được hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

- Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ và Phụ lục II Thông tư này.

4. Chỉ tiêu [28a] và [28b]: Khai bù trừ tương ứng tại chỉ tiêu [40b] tại Tờ khai thuế mẫu số 01/GTGT của cùng kỳ tính thuế./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam.

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	
2	Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra	[22]	
3	Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào	[23]	
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	
6	Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])	[26]	
6.1	Đối với trường hợp xuất khẩu	[26a]	
6.2	Đối với trường hợp tiêu thụ nội địa [26b]=[26] – [26a]	[26b]	
7	Thuế giá trị gia tăng phải nộp ([27]=[26b] x 10%)	[27]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú: Tờ khai này áp dụng cho người nộp thuế có hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý phải thực hiện khai thuế giá trị gia tăng riêng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu; tổ chức khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ và tổ chức khai thuế thay, nộp thay thuế)

[01a] Tên hoạt động kê khai riêng:

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ... /Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/phường/đặc khu [11c] Tỉnh/Thành phố

A. Khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu/khai thuế đối với hoạt động bán tài sản bảo đảm thi hành án của Cơ quan thi hành án /khai thuế đối với trường hợp đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử:

STT	Nhóm ngành	Doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng	Thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá ([23]=[22]x1%)	[22]	[23]
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu ([25]=[24]x5%)	[24]	[25]
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu ([27]=[26]x3%)	[26]	[27]
4	Hoạt động kinh doanh khác ([29]=[28]x2%)	[28]	[29]
5	Doanh thu và số thuế phải nộp ([30]=[22]+[24]+[26]+[28]; [31]=[23]+[25]+[27]+[29])	[30]	[31]

Tổng doanh thu không chịu thuế [21a]: Đồng Việt Nam.

Tổng doanh thu chịu thuế suất 0% [21b]: Đồng Việt Nam.

Tổng doanh thu chịu thuế ([30a] = [21b]+[30]): Đồng Việt Nam.

Tổng doanh thu ([32] = [21a]+[30a]): Đồng Việt Nam.

B. Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao/khai thuế theo phương pháp khấu trừ thuế đối với tổ chức khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ và tổ chức khai thuế thay, nộp thay thuế/khai thuế đối với trường hợp đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Khoản thu	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng	Thuế suất	Thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	[33]	[34]	[35] = [33]x[34]
1				
...	...			
	Doanh thu và số thuế phải nộp ([36] = Σ [33] · [37] = Σ [35])	[36]		[37]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chức chi nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chi tiêu [01a]: Người nộp thuế lựa chọn một trong các hoạt động sau:

- Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao
- Khai riêng đối với hoạt động bán tài sản bảo đảm để xử lý nợ của Bên nhận bảo đảm (không bao gồm Ngân hàng Nhà nước)
- Khai riêng đối với hoạt động chuyển nhượng, cho thuê bất động sản, tài sản khác đã được thế chấp để thu hồi nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập
- Khai riêng đối với hoạt động bán tài sản bảo đảm của Tổ chức bán đấu giá
- Khai thuế đối với hoạt động bán tài sản bảo đảm thi hành án của Cơ quan thi hành án thuộc trường hợp đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử
- Khai thuế đối với trường hợp đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử

2. Chi tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do Thuế tỉnh, thành phố quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chi tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho xã/ phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chi tiêu này.

3. Trường hợp người nộp thuế có khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao; tổ chức khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ và tổ chức khai thuế thay, nộp thay thuế/khai thuế đối với trường hợp đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử thì phải tích chọn vào ô tương ứng và khai chi tiết vào mục A hoặc B của tờ khai./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI KỲ TÍNH THUẾ
TỪ THÁNG SANG QUÝ

Kính gửi: ... (Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp)...

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Hiện nay, cơ sở chúng tôi đang thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo kỳ tính thuế Tháng, đủ điều kiện khai thuế theo kỳ tính thuế Quý và lựa chọn khai thuế theo kỳ tính thuế Quý.

Cơ sở chúng tôi đề nghị được áp dụng kỳ tính thuế giá trị gia tăng theo Quý kể từ kỳ tính thuế Quý I năm ...

Cơ sở chúng tôi xin cam kết thực hiện tính thuế, khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, các văn bản quy phạm pháp luật thuế có liên quan (bao gồm cả các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung cũng như quy định chi tiết) hiện hành.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.....năm...../Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/phường/đặc khu [11b] Tỉnh/Thành phố

A. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB (trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Mức thuế tuyệt đối	Thuế TTĐB phải nộp	Bù trừ với thuế TTĐB chưa được khấu trừ của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (nếu có)	Thuế TTĐB còn phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)x(7)-(8)+(4)x(9)	(11)	(12) = (10) - (11)

[illegible]

B. Đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Lượng nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề			Thuế TTĐB đã nộp của nguyên liệu mua vào	Tỷ lệ xăng khoáng trong xăng sinh học (%)	Thuế TTĐB còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB phải nộp	Thuế TTĐB chưa được khấu trừ trong kỳ	Bù trừ với số thuế TTĐB phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác	Thuế TTĐB của xăng khoáng để nghị hoàn	Thuế TTĐB của xăng khoáng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau
				Tên	Lượng	ĐVT												

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (8)/(6)x(9) x(4)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13) x(14)-(11) -(10)>0	(16)=(13) x(14)-(11) -(10)<0	(17)	(18)	(19)=(16)- (17)-(18)
	<Xăng sinh học>																	
	Tổng cộng:																	

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

....., ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có hoạt động sản xuất, gia công hàng hoá chịu thuế TTĐB hoặc cung ứng dịch vụ chịu thuế TTĐB (trừ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán) tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Thông tư số /20 /TT-BTC ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều phường/xã/đặc khu do Thuế tỉnh quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều phường/xã/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho phường/xã/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

2. Tổng cộng cột (10) tại mục A phải bằng tổng cộng cột (17) tại mục B.

3. Tổng cộng cột (8) tại mục A = Tổng cộng cột (13) Bảng I và cột (12) Bảng II trên bảng kê 01-2/TTĐB.

4. Nội dung nêu trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

Mẫu số: 01-2/TTĐB
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB) ĐƯỢC KHẤU TRỪ CỦA NGUYÊN LIỆU
MUA VÀO, HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thu đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:.....

I. Bảng tính thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, nhập khẩu sản xuất hàng chịu thuế TTĐB:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

II. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của hàng hóa nhập khẩu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chứng từ hoặc biên lai nộp thuế TTĐB			Tên hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB	Đơn vị tính	Số lượng đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu đã nộp	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Số thuế TTĐB đã nộp trên 1 đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB đầu vào chưa được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Số thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ trong kỳ tương ứng hàng hóa bán ra trong kỳ	Thuế TTĐB chưa được khấu trừ chuyển kỳ sau
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)/(7)	(11)	(12)=(9)x(10) và (12)≤(8)+(11)	(13)=(8)+(11)-(12) >0
	Tổng cộng											

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

....., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

Cột (12) mục II: Người nộp thuế chỉ được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế tiêu thụ đặc biệt tính được ở khâu bán ra trong nước. Phần chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra trong nước, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tổng số thuế TTĐB phải nộp trên tờ khai:.....đồng

[07] Tổng doanh thu thực tế:..... đồng

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu
có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cột [9] :

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều xã thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn xã phát sinh doanh thu để kê khai vào chỉ tiêu xã tại cột [9].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều xã thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn phường phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [9].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:* Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều xã thì chọn 01 địa bàn xã phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [9].

2. Chỉ tiêu [11], [12]: Kê khai địa bàn cấp xã, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế tỉnh, thành phố thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một xã để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế cơ sở thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 xã do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Phụ lục
PHỤ LỤC THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
ĐỐI VỚI XĂNG SINH HỌC

(Kèm theo Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ...
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:
[05] Mã số thuế:
[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày

Nội dung xác định khoản đề nghị hoàn:

Thông tin đề nghị hoàn:

Đơn vị tiền: Đồng/Việt Nam

ST T	Kỳ hoàn thuế		Trường hợp đề nghị hoàn thuế	Ghi chú
	Từ kỳ	Đến kỳ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2. Kê khai chi tiết thông tin về hóa đơn mua vào, chứng từ nộp thuế của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thuộc kỳ đề nghị hoàn:
<Hệ thống của cơ quan thuế sẽ hỗ trợ hiển thị thông tin cho NNT chọn nếu có trong CSDL của cơ quan thuế>

3. Hình thức đề nghị hoàn trả:

a) Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:

ST T	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (nếu có)	Cơ quan quản lý thu	Tiêu mục	Kỳ thu ế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Số tiền bù trừ với số thuế phát sinh của kỳ tính thuế tiếp theo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng								

b) Hoàn trả trực tiếp:

Hình thức hoàn trả:

Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:

Tại Ngân hàng (KBNN).....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

*(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tài sản khác
theo từng lần phát sinh)*

☐ Bất động sản ☐ Tài sản khác

☐ Tổ chức áp dụng phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo quy định của pháp luật về thuế TNDN có hoạt động chuyển nhượng bất động sản

☐ Cơ quan, tổ chức bán hoặc bán đấu giá bất động sản, tài sản khác là tài sản bảo đảm thi hành án, xử lý nợ

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng

[04] Tên tổ chức chuyển nhượng:.....

[05] Mã số thuế:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số định danh cá nhân/giấy tờ định danh của cá nhân:.....

[08] Địa chỉ: Xã/phường/đặc khu:..... Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng: [09a] Số nhà, đường phố:.....

[09b] Xã/phường/đặc khu:.....[09c] Tỉnh/thành phố:

Theo Hợp đồng chuyển nhượng số: ngày tháng năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND xã/phường/đặc khu hoặc văn phòng công chứng xác nhận ngày...tháng...năm....

3. Cơ quan, tổ chức bán hoặc bán đấu giá bất động sản, tài sản khác là tài sản bảo đảm

[10] Tên cơ quan/tổ chức:

[11] Mã số thuế của cơ quan/tổ chức:

[12] Địa chỉ:Xã/phường/đặc khu: Tỉnh/thành phố:

[13] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[14] Mã số thuế:.....

[15] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng	[16]	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng	[17]	
2.1	- Giá vốn	[18]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[19]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[20]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[21]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[22]	
2.6	- Chi phí khác	[23]	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng ([24]=[16]-[17])	[24]	
4	Thuế suất thuế TNDN	[25]	
5	Thuế TNDN phải nộp ([26]=[24] x [25])	[26]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
- Người nộp thuế TNDN áp dụng theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu nộp tờ khai tại CQT nơi phát sinh hoạt động chuyển nhượng BĐS.
- Cơ quan, tổ chức bán, bán đấu giá tài sản bảo đảm là bất động sản nộp tờ khai tại CQT nơi phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
- Cơ quan, tổ chức bán, bán đấu giá tài sản bảo đảm là tài sản khác không phải là bất động sản nộp tờ khai tại CQT quản lý trực tiếp cơ quan, tổ chức bán, bán đấu giá tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm Từ/...../..... đến/...../.....
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): %

[06] Tên người nộp thuế:

[07] Mã số thuế:

[08] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	
	Trong đó: Chi phí được trừ bổ sung của hoạt động nghiên cứu và phát triển	B12a	
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	C	
1	Thu nhập chịu thuế ($C1 = B14$)	C1	
2	Thu nhập miễn thuế	C2	
	<i>Loại thu nhập miễn thuế.....</i>		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất phổ thông	C7	
6.2	+ Thuế suất phổ thông (%)	C7a	
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	
6.4	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times C7a) + (C8 \times C8a)$)	C9	
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	
11	Thuế TNDN đã nộp đối với thu nhập ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	
2	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($D2=D2a+D2b$)	D2	
	Trong đó:		

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
2.1	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2a	
2.2	Lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2b	
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS ($E2=E3+E4$)	E2	
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	E3	
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)
/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2026 đến 31/12/2026 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2026 tính từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/3/2027.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xố số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xố số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xố số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).

Phụ lục
CHUYỂN LỖ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
	Năm...				
	Năm...				
	...				
	Tổng cộng			[04]	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
	Năm...				
	Năm...				
	...				
	Tổng cộng			[05]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)
/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu C3a và chỉ tiêu D2b của Tờ khai 03/TNDN;
- Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu D2a và chỉ tiêu C3b của Tờ khai 03/TNDN.

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với thu nhập từ dự án đầu tư, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế:..... Từ// đến//

[02] Lần đầu ☐

[03] BỔ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Xã/phường/đặc khu..... [09b] Tỉnh/Thành phố:

A. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

B.

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

T	Loại ưu đãi thuế TNDN được hưởng	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế	Thông tin dự án đầu tư				Xác định thời gian ưu đãi		Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi				Xác định số thuế được ưu đãi thuế suất				Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
						Tên dự án đầu tư	Mã dự án đầu tư (nếu có)	Lĩnh vực hoạt động	Tiêu chí đáp ứng dự án đầu tư mở rộng	Ưu đãi thuế suất		Miễn giảm thuế		Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi	Thuế suất ưu đãi	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Số thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	Số thuế chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27) =(23) + (25)+ (26)
1																										
					Tổng cộng													[10]		[11]		[12]		[13]	[14]	[15]

B. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([16]=[11]-[15])	[16]	
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[17]	
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[18]	
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([19]=[16]-[18])	[19]	
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([20]=[16]-[17]-[18])	[20]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế

số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh/thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi, đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN khi kê khai tại trụ sở chính.
2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
3. Loại ưu đãi thuế TNDN được hưởng: khai một trong các thông tin dự án đầu tư mới/dự án đầu tư mở rộng/thu nhập được hưởng ưu đãi khác
4. Số liệu chỉ tiêu [12] tổng hợp vào chỉ tiêu C11 của tờ khai 03/TNDN;

5. Số liệu chỉ tiêu [13] tổng hợp vào chỉ tiêu C12 của tờ khai 03/TNDN;

6. Số liệu chỉ tiêu [14] tổng hợp vào chỉ tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN.

7. NNT có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì kê khai riêng đối với hoạt động này.

8. NNT không phải kê khai mục B nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.

9. Chỉ tiêu [09a], [09b]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp xã/phường/đặc khu do Thuế tỉnh quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

**(Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số
hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ)**

*(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi
đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính)*

[01] Kỳ tính thuế:..... Từ// đến//

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có)

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Xã/phường/đặc khu [09b] Tỉnh/Thành phố

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

☐ Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:.....người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số.....
ngày.....

☐ Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:.....người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng
(nếu có): số..... ngày.....

2. Mức ưu đãi thuế:

- ☐ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tương ứng mức chi cho lao động nữ.
- ☐ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số.

B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	
2.	Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[11]	
3.	Thu nhập miễn thuế	[12]	
4.	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	[13]	
5.	Thu nhập tính thuế	[14]	
6.	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[15]	
7.	Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế ([16] = [18] + [20]) (Không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	[16]	
7.1	Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động nữ		
-	Tổng các khoản chi cho lao động nữ	[17]	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	[18]	
7.2	Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số		
-	Tổng các khoản chi cho lao động là người dân tộc thiểu số	[19]	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	[20]	

C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

1.	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([21]=[15]-[16])	[21]	
2.	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[22]	
3.	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[23]	
4.	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([24]=[21]-[23])	[24]	
5.	Thuế TNDN còn phải nộp ([25]=[21]-[22]-[23])	[25]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chức danh chuyên môn về thuế

số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh/thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi, đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN khi kê khai tại trụ sở chính.
2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
3. Số liệu chi tiêu [16] tổng hợp vào chi tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN;
4. NNT không phải kê khai mục C nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.
5. Chi tiêu [09a], [09b]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp xã/phường/đặc khu do Thuế tỉnh quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chi tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chi tiêu này.

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

(Áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao)
(Kê khai theo từng tỉnh nơi người nộp thuế có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi
đồng thời nộp Phụ lục này kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN tại trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế:..... Từ// đến//

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Xã/phường/đặc khu[09b] Tỉnh/Thành phố.

A. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

TT	Loại ưu đãi thuế TNDN được hưởng	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Xác định thời gian ưu đãi		Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi				Xác định thuế TNDN phải nộp		Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
					Số năm	Từ năm	Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Tỷ lệ giảm thuế	Số thuế được miễn	Số thuế được giảm	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(15)+(16)
1	Doanh nghiệp khoa học công nghệ															
2	Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn															
					Tổng cộng							[10]		[11]	[12]	[13]

B. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([14]=[10]-[13])	[14]	
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[15]	
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[16]	
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([17]=[14]-[16])	[17]	
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([18]=[14]-[15]-[16])	[18]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. NNT kê khai Phụ lục này theo từng tỉnh/thành phố nơi người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN.
2. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
3. Số liệu chỉ tiêu [11] tổng hợp vào chỉ tiêu C12 của tờ khai 03/TNDN;
4. Số liệu chỉ tiêu [12] tổng hợp vào chỉ tiêu C13 của tờ khai 03/TNDN;
5. NNT không phải kê khai mục B nếu hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của trụ sở chính.
6. Chỉ tiêu [09a], [09b]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh có thu nhập được hưởng ưu đãi. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều địa bàn cấp xã/phường/đặc khu do Thuế tỉnh quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho địa bàn cấp xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP ĐỐI VỚI THU NHẬP Ở NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

A. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài

STT	Tên và địa chỉ của người nộp thuế ở nước ngoài	Thu nhập nhận được ở nước ngoài	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được	Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN	Xác định thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ		
					Thuế suất thuế TNDN (%)	Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) + (4)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8)
	Tổng cộng						[04]

B. Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đã nộp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

ST T	Mã số thuế được cấp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	Tên đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai	Kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thuế tối thiểu toàn cầu	Thu nhập nhận được ở nước ngoài	Xác định số thuế được phân bổ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp được trừ		
					Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế được phân bổ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp đã nộp	Số thuế đã nộp được trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							[05]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

- Số liệu chỉ tiêu [04] + [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu C16 của Tờ khai 03/TNDN;
- Kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thuế tối thiểu toàn cầu là năm tài chính báo cáo thuế tối thiểu toàn cầu.

Phụ lục
THU NHẬP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao		
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[04]	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[05]	
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[06]	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[07]	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[08]	
	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[09]	
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[10]	
	- Chi phí khác	[11]	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao trong kỳ ([12]=[04]-[05])	[12]	
	- Trong đó: thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi	[13]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

- Số liệu chỉ tiêu [12] được tổng hợp vào chỉ tiêu B15 trên tờ khai 03/TNDN.

Phụ lục

BÁO CÁO TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

[04] Mức trích lập:

[05] Số tiền trích lập:Đồng Việt Nam

II. Theo dõi việc điều chuyển, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế trước	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế này	Số tiền được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)+(5)-(6)- (7)-(8)
	...							
	...							
Tổng cộng								

III. Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng	Số tiền đã nộp về Quỹ phát triển KHCN	Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích		Thuế suất thuế TNDN	Thuế TNDN phải nộp	Tiền lãi phải nộp		Tổng số tiền phải nộp
								Số tiền Quỹ còn lại do sử dụng không hết 70% số quỹ đã trích lập	Số tiền Quỹ sử dụng không đúng mục đích			Do sử dụng không hết 70% số quỹ đã trích lập	Do sử dụng không đúng mục đích	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12) = (9+10) x (11)	(13)	(14)	(15)
1	...													
2	...													
...														
Tổng cộng														[06]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
2. Số liệu chỉ tiêu [05] tổng hợp vào chỉ tiêu C5, D4 của tờ khai 03/TNDN;
3. Số liệu chỉ tiêu [06] tổng hợp vào chỉ tiêu E6 của tờ khai 03/TNDN.

Mẫu số: 03-8/TNDN
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ:đồng

[05] Tổng chi phí được phân bổ:.....đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

[illegible]

	Nhà máy ...											
	Tổng cộng								[06]	[07]		

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
2. Cột (4) và (5): Khai tên xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện.
3. Cột (10): NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
4. Cột (11): NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.
5. Chỉ tiêu [06] được tổng hợp vào chỉ tiêu G1 của tờ khai 03/TNDN.
6. Chỉ tiêu [07] được tổng hợp vào chỉ tiêu G2 của tờ khai 03/TNDN.
7. NNT có cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh kê khai số thuế TNDN phân bổ cho nhà máy tại Phụ lục này, đồng thời kê khai số thuế TNDN phân bổ cho từng tỉnh tại Phụ lục 03-8B/TNDN.

Mẫu số: 03-8A/TNDN
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

	nơi NNT đóng trụ sở chính>														
S T T	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sân		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Hoạt động chuyển nhượng BĐS đã quyết toán trong kỳ						Hoạt động chuyển nhượng BĐS của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ chưa quyết toán trong kỳ			
			Xã/ phường/ đặc khu	Tin h		Doanh thu tính thuế theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế đã nộp các kỳ trước cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp kỳ này cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh	Số tiền thu theo tiến độ theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8)- (10)	(12)= (8)-(9)- (10)	(13)	(14)= (13)x 1%	(15)	(16)= (14)- (15)
3	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>														
4	Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh														
...	...														
	Tổng cộng							[04]	[05]						

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế

số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Cột (10), (15): NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán;
3. Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu G3 của tờ khai 03/TNDN;
4. Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu G4 của tờ khai 03/TNDN;
5. NNT không kê khai vào phụ lục này đối với phần thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
6. Cột (4) và (5): Kê khai địa bàn cấp xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động chuyển nhượng BĐS khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có hoạt động chuyển nhượng BĐS trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế cơ sở thì chọn 1 xã/phường/đặc khu trong các xã/phường/đặc khu có hoạt động chuyển nhượng BĐS để kê khai vào chỉ tiêu này.

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

2	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10b]					
2.1	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy										
2.2	Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)										
...	...										

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Cột chỉ tiêu [07], [08]: Khai tên xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện và nơi có nhà máy thủy điện. Trường hợp một nhà máy đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do cùng một cơ quan thuế quản lý thì chọn 1 xã/phường/đặc khu trong các xã/phường/đặc khu nơi có nhà máy để kê khai vào chỉ tiêu này

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ SỔ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỔ ĐIỆN TOÁN
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ:đồng

[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế:.....đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp cả năm theo quyết toán cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế TND N còn phải nộp cho từng tỉnh
			Xã/ Phường/ Đặc khu	Tỉnh		Doanh thu bán vé thực tế trên địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)					
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]=[12]/[05]	[14]=[13]x [04]	[15]	[16]	[17]= [14]-[15]	[18]= [14]-[15]-[16]
1	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											
2	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											
3	<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>											
...	...											
	Cộng theo từng tỉnh... [19]											
	Cộng các tỉnh [20]											
	Số thuế phải nộp còn lại phân bổ cho Tỉnh ... nơi đóng trụ sở chính (= [04]-Cộng các tỉnh) [21]											

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
 NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

2. Cột [07].

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh*: Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

3. Cột [09] và [10]: Kê khai địa bàn xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế tỉnh thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một xã/phường/đặc khu để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế cơ sở thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này

4. Cột [15]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.

5. Cột [16]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính thuế đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.

Phụ lục
BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP TIỀN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM NỘP CỦA HOẠT ĐỘNG
CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN THU TIỀN THEO TIẾN ĐỘ CHƯA BÀN GIAO TRONG NĂM
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế:.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Tên dự án bất động sản	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Tên cơ quan thu	Số tiền thu theo tiến độ	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Số thuế TNDN đã tạm nộp bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này	Số tiền thuế đã tạm nộp chưa quyết toán chuyển kỳ sau
				Xã/phường/ đặc khu	Tỉnh					
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS chưa quyết toán trong các kỳ trước							[04]	[05]	[06]=[04]-[05]
2.	Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này							[06]	[07]	[08]=[06]-[07]
	Dự án ...									
	Dự án ...									
3.	Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau								[09]=[05]+[07]	[10]=[06]+[08]

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
- Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu G3 của tờ khai 03/TNDN;
- Số liệu chỉ tiêu [07] được tổng hợp vào chỉ tiêu G4 của tờ khai 03/TNDN.
- Thông tin tại cột (4) và (5): Kê khai địa bàn xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: Năm...../Lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:.....

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:.....

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[11]	
	Trong đó:		
1.1	- Doanh thu từ hoạt động		
1.2	- Doanh thu từ hoạt động		
...	...		
2	Số thuế TNDN phải nộp	[12]	
3	Số thuế TNDN được miễn, giảm	[13]	
4	Số thuế TNDN phải nộp sau miễn, giảm ([14]=[12]-[13])	[14]	
5	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này (nếu có)	[15]	
6	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm đến thời điểm quyết toán	[16]	
7	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([17]=[14]-[16])	[17]	
8	Số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán ([18]=[14]-[15]-[16])	[18]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu
có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
2. Chỉ tiêu [15]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này;
3. Chỉ tiêu [16]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2026 đến 31/12/2026 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp tính đến hết ngày 31/3/2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng:.....

[05] Quốc tịch:.....

[06] Địa chỉ trụ sở chính:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[07] Tên tổ chức/cá nhân nhận vốn chuyển nhượng:.....

[08] Quốc tịch:.....

[09] Địa chỉ trụ sở chính:.....

[10] Mã số thuế (nếu có):.....

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

[14] Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:.....

[15] Mã số thuế (nếu có):

[16] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: ngày tháng năm

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Không phát sinh thu nhập (đánh dấu "X")	[17]	
B	Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
1	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn phát sinh tại Việt Nam	[18]	
2	Tỷ lệ tính thuế TNDN (%)	[19]	
3	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [20]=[18]x[19]	[20]	
4	Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định	[21]	
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau miễn, giảm [22]=[20]-[21]	[22]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;
2. Chi tiêu [17]: áp dụng đối với trường hợp giao dịch tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam sau tái cơ cấu và không phát sinh thu nhập theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

*(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng
vốn có gắn với bất động sản)*

[01] Kỳ tính thuế: Từ lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[07] Mã số thuế/số định danh cá nhân/giấy tờ định danh của cá nhân:.....

[08] Địa chỉ: Xã/Phường/Đặc khu..... Tỉnh/TP.....

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng: [09a] Số nhà, đường phố..... [09b]
Xã/Phường/Đặc khu.....[09c] Tỉnh/Thành phố.....

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày tháng năm có công
chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày...tháng... năm....

[10] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế:.....

[12] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[13]	
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[14]	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[17]	

	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[18]	
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[19]	
	- Chi phí khác (bao gồm cả giá mua của phần vốn chuyển nhượng)	[20]	
3	Thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản ($[21]=[13]-[14]$)	[21]	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển kỳ này	[22]	
5	Thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản ($[23]=[21]-[22]$)	[23]	
6	Thuế suất thuế TNDN (%)	[24]	
7	Thuế TNDN phải nộp ($[25]=[23] \times [24]$)	[25]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Ghi chú:

- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp;

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với hoạt động chia lợi tức cho tổ chức đầu tư
của Quỹ đầu tư chứng khoán)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày

[09] Tên quỹ đầu tư:

[10] Chia lợi tức cho nhà đầu tư theo văn bản số ngày

STT	Ngày chia lợi tức	Thông tin tổ chức được chia lợi tức			Số lợi tức được chia	Số thuế TNDN khấu trừ	Ghi chú
		Mã số thuế (nếu có)	Tên tổ chức	Quốc tịch			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng					[11]	[12]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Xã/Phường/Đặc khu: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Email:

[11] Mã số thuế:

[12] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:Ngày:

[14] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[15]	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[16]	Người	
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [17]=[18]+[19]	[17]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[18]	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	[19]	Người	
3	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [20]=[21]+[22]	[20]	VNĐ	
3.1	Cá nhân cư trú	[21]	VNĐ	
3.2	Cá nhân không cư trú	[22]	VNĐ	
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[23]	VNĐ	

4	Tổng thu nhập được miễn trong kỳ [24]=[25]+[26]+[27]+[28]	[24]	VNĐ	
4.1	Theo quy định của Hợp đồng đầu khí	[25]	VNĐ	
4.2	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	[26]	VNĐ	
4.3	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định	[27]	VNĐ	
4.4	Thu nhập được miễn khác	[28]	VNĐ	
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [29]=[30]+[31]	[29]	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	[30]	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	[31]	VNĐ	
6	Thu nhập tính thuế [32]=[33]+[34]	[32]	VNĐ	
6.1	Cá nhân cư trú	[33]	VNĐ	
6.2	Cá nhân không cư trú	[34]	VNĐ	
7	Số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ trong kỳ	[35]	VNĐ	
8	Số thuế được miễn trong kỳ	[36]	VNĐ	
8.1	Tổng thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thuộc trường hợp được miễn thuế	[37]	VNĐ	
8.2	Số thuế được miễn của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao	[38]	VNĐ	
8.3	Tổng thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thuộc trường hợp được miễn thuế	[39]	VNĐ	
8.4	Số thuế được miễn của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược	[40]	VNĐ	
8.5	Số thuế được miễn khác theo quy định	[41]	VNĐ	
9	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [42]=[43]+[44]	[42]	VNĐ	
9.1	Cá nhân cư trú	[43]	VNĐ	
9.2	Cá nhân không cư trú	[44]	VNĐ	
9.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[45]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận
điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Tờ khai này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân trong quý, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.
- Chi tiêu [28]: Thu nhập được miễn thuế khác là các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật và các quy định khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Chi tiêu [38], [40]: Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao trong thời hạn 05 năm được xác định theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.

Phụ lục

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG VÀ TRÚNG THƯỜNG
(Kèm theo tờ khai 05/KK-TNCN hoặc Kèm theo tờ khai 06/TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... Năm..../Quý ... năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

<Trường hợp phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công kèm theo Tờ khai 05/KK-TNCN>

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Trụ sở chính/đơn vị hạch toán phụ thuộc	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Thu nhập chịu thuế thuộc diện khấu trừ	Số lượng cá nhân nhận thu nhập	Số lượng cá nhân phát sinh khấu trừ thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ
			Xã/ Phường/ Đặc khu	Tỉnh						
[06]	[07]	[08]	[08a]	[08b]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1	Trụ sở chính									
2	Chi nhánh A									
3	Chi nhánh B									
...										
Tổng cộng						[15]	[16]	[17]	[18]	[19]

<Trường hợp phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán kèm theo Tờ khai 06/TNCN>

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Thu nhập tính thuế cho cá nhân	Số thuế TNCN đã khấu trừ
		Xã/Phường /Đặc khu	Tỉnh			
[20]	[21]	[21a]	[21b]	[22]	[23]	[24]
1	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>					
2	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>					
3	Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh					
....						
Tổng cộng					[25]	[26]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chức vụ chuyên môn về
thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận
điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. *Chi tiêu [1]*: Kỳ tính thuế theo quý áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công. Kỳ tính thuế theo tháng hoặc quý áp dụng đối với thu nhập của cá nhân trúng thưởng.

2. *Chi tiêu [08a], [08b]*: Kê khai địa bàn cấp xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính.

3. *Cột [21]*:

Phân bổ thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân trúng thưởng được thực hiện theo điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ.

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chi tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào chi tiêu xã/phường/đặc khu tại cột [21].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [21].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh*: Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [21].

3. *Chi tiêu [21a], [21b]*: Kê khai địa bàn cấp xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế tỉnh, thành phố thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một xã/phường/đặc khu để kê khai vào chi tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế cơ sở thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chi tiêu này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống ☐

[05] Tên người nộp thuế:.....

[06] Mã số thuế:

[07] Địa chỉ:

[08] Xã/Phường/Đặc khu: [09] Tỉnh/thành phố:

[10] Điện thoại:..... [11] Email:

[12] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày

I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[15]	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[16]	Người	
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [17]=[18]+[19]	[17]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[18]	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	[19]	Người	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[20]	Người	
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[21]	Người	
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [22]=[23]+[24]	[22]	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú	[23]	VNĐ	
5.2	Cá nhân không cư trú	[24]	VNĐ	
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[25]	VNĐ	
6	Tổng thu nhập được miễn trong kỳ [26]= [27]+[28]+[29]	[26]	VNĐ	

6.1	Theo quy định của Hợp đồng dầu khí	[27]	VNĐ	
6.2	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	[28]	VNĐ	
6.3	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	[29]	VNĐ	
8	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [30]=[31]+[32]	[30]	VNĐ	
8.1	Cá nhân cư trú	[31]	VNĐ	
8.2	Cá nhân không cư trú	[32]	VNĐ	
9	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [33]=[34]+[35]	[33]	VNĐ	
9.1	Cá nhân cư trú	[34]	VNĐ	
9.2	Cá nhân không cư trú	[35]	VNĐ	
9.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[36]	VNĐ	

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[37]	Người	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[38]	VNĐ	
3	Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04])	[39]	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[40]	VNĐ	
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống	[41]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao	[42]	VNĐ	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn của cá nhân là nhân lực công nghệ cao	[43]	VNĐ	
7	Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp [44] = ([40] - [38] - [41]-[42]-[43]) > 0	[44]	VNĐ	
8	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa [45] = ([40] - [38] - [41]-[42]-[43]) < 0	[45]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận/Ký
điện tử)

Ghi chú:

- Kỳ tính thuế tại chỉ tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.
- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN chỉ phải khai thông tin tổng hợp tại Tờ khai này mà không phải khai vào Bảng kê 05-1/BK-TNCN đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng I chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN

THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LŨY TIỀN TỪNG PHẦN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

<Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện tính thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần>

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số ĐDCN/ Hộ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCT)			Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế			Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống
						Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo Hiệp định	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khí	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ			Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]
1																			☐
2																			☐
...																			☐
Tổng						[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]

<Trường hợp cá nhân thuộc diện điều chuyển (tổ chức có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] trên Tờ khai 05/QTT-TNCN)>

[illegible]

<Trường hợp cá nhân có khoản thu nhập được miễn thuế hoặc có số thuế được miễn theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân>

[illegible]

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc; Số ĐDCN: Số định danh cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Kỳ tính thuế tại chi tiêu [01] trong mọi trường hợp quyết toán thuế TNCN của tổ chức, cá nhân trả thu nhập là theo năm dương lịch.
- Tổ chức trả thu nhập khi quyết toán thuế TNCN không phải khai thông tin chi tiết vào Bảng kê này đối với các cá nhân sau đây: Cán bộ, công chức có hệ số lương quy định tại bảng lương ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ/TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương Đảng; bảng lương ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bậc 3 Bảng 1 chuyên gia cao cấp, mức 1 - 2 Bảng lương cấp bậc quân hàm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.
- Tổ chức trả thu nhập kê khai thông tin cá nhân tại các phần tương ứng với từng nội dung phát sinh; nếu cá nhân đồng thời phát sinh nhiều nội dung thì tổ chức kê khai đầy đủ thông tin cá nhân tại các phần liên quan.
- Chi tiêu [57]: Thu nhập được miễn khác là các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật và các quy định khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Chi tiêu [60], [61]: Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao được xác định theo quy định tại Điều 41 Điều 42 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.

Mẫu số: 05-2/BK-QTT-TNCN
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lân đầu: ☐

[03] BỔ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuốc:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

2															
...															
Tổng					[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]

(BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp; Số ĐDCN: Số định danh cá nhân; TNCN: Thu nhập cá nhân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận
điện tử/Ký điện tử)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

STT	Họ và tên người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	MST của người nộp thuế là người lao động tại tổ chức trả thu nhập	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Loại giấy tờ (Số ĐDCN/Hộ chiếu/GKS) người phụ thuộc	Số giấy tờ	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian tính giảm trừ trong năm tính thuế	
									Từ tháng	Đến tháng
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1										
2										
3										
...										

(MST: Mã số thuế; Số ĐDCN: Số định danh cá nhân, GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú: Trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế thì phải khai thông tin chỉ tiêu [12].

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

*(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương,
tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)*

[01] Kỳ tính thuế: Quý ... năm ... (Từ tháng .../... đến tháng .../...)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế/Số định danh cá nhân:

[06] Ngày tháng năm sinh:

[07] Địa chỉ:

[08] Xã/Phường/Đặc khu: [09] Tỉnh/thành phố:

[10] Điện thoại: [11] Email:

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Xã/Phường/Đặc khu: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[18] Mã số thuế:

[19] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[20]	
2	Trong đó, thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	[21]	
3	Thu nhập được miễn thuế [22]= [23] + [24]	[22]	
3.1	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	[23]	
3.2	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định	[24]	

4	Tổng các khoản giảm trừ ($[25]=[26]+[27]+[28]+[29]+[30]$)		[25]	
	a	Cho bản thân	[26]	
	b	Cho người phụ thuộc	[27]	
	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[28]	
	d	Các khoản đóng góp bảo hiểm	[29]	
	e	Các khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ được trừ	[30]	
5	Tổng thu nhập tính thuế		[31]	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ		[32]	
7	Số thuế được miễn trong kỳ		[33]	
7.1	Thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[34]	
7.2	Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[35]	
8	Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp $[36] = [32] - [33]$		[36]	
II	Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:			
1	Tổng thu nhập tính thuế		[37]	
2	Thu nhập được miễn thuế $[38] = [39]+[40]$		[38]	
2.1	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.		[39]	
2.2	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định		[40]	
3	Mức thuế suất		[41]	
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp $[42] = [37] \times [41]$		[42]	
6	Số thuế được miễn trong kỳ		[43]	
6.1	Thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[44]	
6.2	Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[45]	
7	Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp ($[46] = [42] - [43] > 0$)		[46]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày tháng năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.
2. Kỳ khai lần phát sinh áp dụng đối với cá nhân nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thường bằng cổ phiếu trực tiếp khai thuế.
3. Chỉ tiêu [35], [45]: Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp, công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao trong thời hạn 05 năm được xác định theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

*(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương,
tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)*

[01] Kỳ tính thuế: Quý ... năm ... (Từ tháng .../... đến tháng .../...)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế/Số định danh cá nhân:

[06] Ngày tháng năm sinh:

[07] Địa chỉ:

[08] Xã/Phường/Đặc khu: [09] Tỉnh/thành phố:

[10] Điện thoại:.....[11] Email:

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Xã/Phường/Đặc khu: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[18] Mã số thuế:

[19] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[20]	
2	Trong đó, thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	[21]	
3	Thu nhập được miễn thuế [22]= [23] + [24]	[22]	
3.1	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	[23]	
3.2	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định	[24]	

4	Tổng các khoản giảm trừ ($[25]=[26]+[27]+[28]+[29]+[30]$)		[25]	
	a	Cho bản thân	[26]	
	b	Cho người phụ thuộc	[27]	
	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[28]	
	d	Các khoản đóng góp bảo hiểm	[29]	
	e	Các khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ được trừ	[30]	
5	Tổng thu nhập tính thuế		[31]	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ		[32]	
7	Số thuế được miễn trong kỳ		[33]	
7.1	Thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[34]	
7.2	Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[35]	
8	Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp $[36] = [32] - [33]$		[36]	
II Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:				
1	Tổng thu nhập tính thuế		[37]	
2	Thu nhập được miễn thuế $[38] = [39]+[40]$		[38]	
2.1	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.		[39]	
2.2	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định		[40]	
3	Mức thuế suất		[41]	
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp $[42]= [37] \times [41]$		[42]	
6	Số thuế được miễn trong kỳ		[43]	
6.1	Thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[44]	
6.2	Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao		[45]	
7	Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp ($[46]= [42]-[43]>0$)		[46]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày tháng năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.
2. Kỳ khai lần phát sinh áp dụng đối với cá nhân nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thường bằng cổ phiếu trực tiếp khai thuế.
3. Chi tiêu [35], [45]: Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp, công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao trong thời hạn 05 năm được xác định theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

☐ Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế/ Số định danh cá nhân:

[06] Địa chỉ:

[07] Xã/phường/đặc khu: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Email:

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

[14] Tên tổ chức trả thu nhập:

[15] Mã số thuế:

[16] Địa chỉ:

[17] Xã/phường/đặc khu: [18] Tỉnh/thành phố:

STT	Chi tiêu		Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/Số người
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [19]=[20]+[22]		[19]	VNĐ	
	a	Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[20]	VNĐ	
		Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[21]	VNĐ	
		Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[22]	VNĐ	
2	Thu nhập được miễn thuế TNCN		[23]	VNĐ	
	a	Từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	[24]	VNĐ	
	b	Thu nhập của chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định	[25]	VNĐ	
	c	Thu nhập được miễn thuế khác theo quy định	[26]	VNĐ	
3	Số người phụ thuộc		[27]	Người	
4	Các khoản giảm trừ ([28]=[29]+[30]+[31]+[32]+[33]+[34]+[35]))		[28]	VNĐ	
	a	Cho bản thân cá nhân	[29]	VNĐ	
	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	[30]	VNĐ	
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[31]	VNĐ	
	d	Các khoản đóng góp bảo hiểm được trừ	[32]	VNĐ	

	e	Các khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ được trừ	[33]	VNĐ	
	f	Khoản chi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước	[34]	VNĐ	
	g	Khoản chi cho giáo dục-đào tạo tại cơ sở giáo dục-đào tạo trong nước	[35]	VNĐ	
5	Tổng thu nhập tính thuế		[36]	VNĐ	
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ		[37]	VNĐ	
7	Tổng số thuế đã nộp trong kỳ ((38)=[39]+[40]+[41]-[42]-[43]) Trong đó:		[38]	VNĐ	
	a	Số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trả thu nhập	[39]	VNĐ	
	b	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập	[40]	VNĐ	
	c	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ (nếu có)	[41]	VNĐ	
	d	Số thuế đã khấu trừ, đã nộp ở nước ngoài trùng do quyết toán văt năm	[42]	VNĐ	
	d	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập trùng do quyết toán văt năm	[43]	VNĐ	
8	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [44]=[45]+[46]+[47]		[44]	VNĐ	
	a	Số thuế phải nộp trùng do quyết toán văt năm	[45]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác	[46]	VNĐ	
	c	Số thuế TNCN được giảm do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn và bệnh hiểm nghèo theo Quyết định giảm thuế của cơ quan thuế	[47]	VNĐ	
9	Tổng số thuế TNCN được miễn trong kỳ		[48]	VNĐ	
	a	Thu nhập của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao	[49]	VNĐ	
	b	Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao	[50]	VNĐ	
10	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [51]=([37]-[38]-[44]-[48])>0		[51]	VNĐ	
11	Số thuế được miễn do cá nhân có số tiền thuế phải nộp sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống (0<[51]<=50.000 đồng)		[52]	VNĐ	
12	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [53]=([39]-[40]-[46]-[50])<0		[53]	VNĐ	
13	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [54]=[55]+[56]	[54]	VNĐ	
		Trong đó: Số thuế hoàn trả cho người nộp thuế	[55]	VNĐ	
		Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	[56]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [57]=[53]-[54]	[57]	VNĐ	

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [55] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Số tiền hoàn trả: Bằng số: đồng.

Thông tin hoàn trả:

Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng/KBNN:.....

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [56] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Khoản nợ, khoản thu phát sinh đề nghị được bù trừ:

Đơn vị tiền.....

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										
	MST của NNT khác (nếu có)	Tên NN T khác (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Mã định danh khoản phải nộp (ID)	Chương	Tiểu mục	Cơ quan quản lý thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Loại tiền	Số tiền thuế nợ/khoản phát sinh đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chức chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [26]: Thu nhập được miễn khác là các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật và các quy định khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Chỉ tiêu [50]: Số thuế được miễn đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; công nghệ cao trong thời hạn 05 năm được xác định theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ.

Phụ lục
BẢNG KÊ GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân Mẫu số 02/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (Từ tháng .../... đến tháng.../....)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:

[07] Mã số thuế vợ (chồng):

[08] Số CMND/CCCD/Định danh cá nhân/Số hộ chiếu vợ (chồng):

Đơn vị tiền: *Đồng Việt Nam*

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ (Số CMND/CCCD/ ĐDCN/Hộ chiếu/GKS)	Số giấy tờ	Ngày sinh	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian được tính giảm trừ trong năm tính thuế	
							Từ tháng	Đến tháng
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1								
2								
...								

(MST: Mã số thuế; Số CMND: Số chứng minh nhân dân, CCCD: Số căn cước công dân, ĐDCN: Số định danh cá nhân, GKS: Giấy khai sinh)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày ... tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện
tử/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ

(Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ: kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

[06] Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

[07] Ngày, tháng, năm sinh.....[08] Quốc tịch:.....

[09] Điện thoại:[10] Email:

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:.....

[12] Mã số thuế:.....

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:

[14] Tên tổ chức tại Việt Nam nơi cá nhân phát sinh hoạt động có thu nhập:

[15] Mã số thuế:.....

[16] Địa chỉ:.....

[17] Xã/Phường/Đặc khu:.....[18] Tỉnh/Thành phố:.....

[19] Điện thoại:[20] Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú		
1	Tổng thu nhập tính thuế thu nhập cá nhân	[21]	
2	Thuế suất thuế thu nhập cá nhân	[22]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp [23]=[21]*[22]	[23]	
4	Tổng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng	[24]	

5	Thuế suất thuế giá trị gia tăng	[25]	
6	Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp $[26]=[24]*[25]$	[26]	
II	Thu nhập từ đầu tư vốn		
1	Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	[27]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[28]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp ở nước ngoài	[29]	
4	Số thuế còn phải nộp $[30]=[28]-[29]$	[30]	
III	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại		
1	Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	[31]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[32]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp ở nước ngoài	[33]	
4	Số thuế còn phải nộp $[34]=[32]-[33]$	[34]	
IV	Thu nhập từ trúng thưởng		
1	Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	[35]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[36]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp ở nước ngoài	[37]	
4	Số thuế còn phải nộp $[38]=[36]-[37]$	[38]	
V	Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”		
1	Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	[39]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[40]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp ở nước ngoài	[41]	
4	Số thuế còn phải nộp $[42]=[40]-[41]$	[42]	
VI	Thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải nhà kính, tín chỉ các bon		
1	Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	[43]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[44]	

3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp ở nước ngoài	[45]	
4	Số thuế còn phải nộp [46]=[44]-[45]	[46]	
VI	Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số		
1	Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	[47]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[48]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp ở nước ngoài	[49]	
4	Số thuế còn phải nộp [50]=[48]-[49]	[50]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận
điện tử/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ

(Áp dụng đối với tổ chức khấu trừ thuế, khai thay, nộp thay thuế đối với hoạt động đại lý bán đúng giá bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp, hoạt động môi giới; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Tháng...năm...

[01b] Quý....năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh trong kỳ	Số lũy kế
I	Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	[09]		
2	Tổng doanh thu tính thuế TNCN	[10]		
3	Tổng số thuế thu TNCN đã khấu trừ	[11]		
4	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[12]		
5	Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp	[13]		
II	Doanh thu từ hoạt động đại lý bảo hiểm			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	[14]		
2	Tổng doanh thu tính thuế TNCN	[15]		
3	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[16]		
4	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[17]		

5	Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp	[18]		
III	Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác			
1	Tổng thu nhập trả trong kỳ	[19]		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[20]		
IV	Doanh thu từ hoạt động bán hàng đa cấp			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	[21]		
2	Tổng doanh thu tính thuế TNCN	[22]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[23]		
4	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[24]		
5	Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp	[25]		
V	Doanh thu từ hoạt động môi giới			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	[26]		
2	Tổng doanh thu tính thuế TNCN	[27]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[28]		
4	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[29]		
5	Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp	[30]		

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

....., ngày tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [10], [15], [22], [27]: Doanh thu tính thuế TNCN là phần doanh thu tổ chức trả trong năm cho cá nhân vượt trên mức 1 tỷ đồng.

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CÓ PHÁT SINH DOANH THU
 (Kèm theo Tờ khai 01/ XSBHDCMG-CNKD kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)
 [01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên cá nhân	Mã số thuế/Số định danh cá nhân	Doanh thu trong năm	Doanh thu tính thuế TNCN (chỉ áp dụng cho mục I, II, IV, V) ¹	Số thuế TNCN đã khấu trừ trong năm	Doanh thu tính thuế GTGT (chỉ áp dụng cho mục I, II, IV, V)	Số thuế GTGT phải nộp trong năm (chỉ áp dụng cho mục I, II, IV, V)
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
I	Hoạt động đại lý xổ số						
1							
2							
...							
	Tổng cộng		[09.1]	[10.1]	[11.1]	[12.1]	[13.1]
II	Hoạt động đại lý bảo hiểm						
1							
2							
...							
	Tổng cộng		[09.2]	[10.2]	[11.2]	[12.2]	[13.2]
III	Tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác						
1							

¹ Doanh thu tính thuế TNCN là phần doanh thu tổ chức trả trong năm cho cá nhân vượt trên mức 1 tỷ đồng.

2							
...							
	Tổng cộng	[09.3]		[11.3]			
IV	Hoạt động bán hàng đa cấp						
1							
2							
...							
	Tổng cộng	[09.4]	[10.4]	[11.4]	[12.4]	[13.4]	
V	Hoạt động môi giới						
1							
2							
...	Tổng cộng	[09.5]	[10.5]	[11.5]	[12.5]	[13.5]	
VII	TỔNG CỘNG	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CÓ PHÁT SINH DOANH THU

(Kèm theo Tờ khai 01/XSBHDCMG-CNKD kê khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ tên cá nhân	Mã số thuế/Số định danh cá nhân	Doanh thu trong năm	Doanh thu tính thuế TNCN (chỉ áp dụng cho mục I, II, IV, V) ¹	Số thuế TNCN đã khấu trừ trong năm	Doanh thu tính thuế GTGT (chỉ áp dụng cho mục I, II, IV, V)	Số thuế GTGT phải nộp trong năm (chỉ áp dụng cho mục I, II, IV, V)
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
I	Hoạt động đại lý xổ số						
1							
2							
...							
	Tổng cộng		[09.1]	[10.1]	[11.1]	[12.1]	[13.1]
II	Hoạt động đại lý bảo hiểm						
1							
2							
...							
	Tổng cộng		[09.2]	[10.2]	[11.2]	[12.2]	[13.2]
III	Tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác						
1							

¹ Doanh thu tính thuế TNCN là phần doanh thu tổ chức trả trong năm cho cá nhân vượt trên mức 1 tỷ đồng.

2							
...							
	Tổng cộng	[09.3]		[11.3]			
IV	Hoạt động bán hàng đa cấp						
1							
2							
...							
	Tổng cộng	[09.4]	[10.4]	[11.4]	[12.4]	[13.4]	
V	Hoạt động môi giới						
1							
2							
...	Tổng cộng	[09.5]	[10.5]	[11.5]	[12.5]	[13.5]	
VII	TỔNG CỘNG	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh: Ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ [03.1] Bổ sung lần thứ:...

[03.2] Số Thông báo lần trước liên kê:....

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

STT	Họ và tên	Mã số thuế/Số định danh cá nhân	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)			Điện thoại	Email	Diện tích sử dụng/Tỷ lệ sở hữu (%)
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
[04.1]	[04.2]	[04.3]	[04.4]	[04.5]	[04.6]	[04.7]	[04.8]	[04.9]	[04.10]
1									
2									
....									

[05] Tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay (nếu có):

[06] Mã số thuế (nếu có):

[07] Văn bản ủy quyền (nếu có): Sốngày tháng năm

[08] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

STT	Họ và tên	Mã số thuế/Số định danh cá nhân	Ngày, tháng, năm sinh	Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)			Tỷ lệ sở hữu (%)
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
[11.1]	[11.2]	[11.3]	[11.4]	[11.5]	[11.6]	[11.7]	[11.8]
1							
2							
....							

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[12] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ☐

[13] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở ☐

[14] Quyền thuê đất, thuê mặt nước ☐

[15] Bất động sản khác ☐

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[16] Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

[16.1] Loại giấy tờ:

[16.2] Số:..... [16.3] Nơi cấp:..... [16.4] Ngày cấp:.....

[17] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:

[17.1] Số:.....[17.2] Ngày:

[17.3] Tỷ lệ góp vốn:

[18] Hợp đồng chuyển nhượng trao đổi bất động sản:

[18.1] Số:..... [18.2] Nơi lập:..... [18.3] Ngày lập:

[18.4] Cơ quan chứng thực [18.5] Ngày chứng thực:

[19] Văn bản phân chia di sản thừa kế, quà tặng là bất động sản:

[19.1] Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng:

[19.2] Ngày lập:

[19.3] Cơ quan chứng thực:.....

[19.4] Ngày chứng thực:.....

[20] Thông tin về đất:

[20.1] Thửa đất số:; [20.2] Tờ bản đồ số:

[20.3] Địa chỉ:.....

[20.4] Xã/Phường/Đặc khu:

[20.5] Tỉnh/thành phố:.....

[20.6] Loại đất, vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...)

STT	Đường	Đoạn đường	Vị trí	Loại đất	Hệ số (nếu có)	Diện tích (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

[20.7] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):.....

[20.8] Thời hạn sử dụng đất:

- Ôn định lâu dài ☐

- Có thời hạn: ...năm. Từ ngày .../.../... đến ngày: .../.../.....

[20.9] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): đồng

[21] Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng**[21.1]** Nhà ở riêng lẻ:**[21.2]** Loại 1:..... Cấp nhà ở.....Diện tích sàn xây dựng:..... m2**[21.3]** Loại 2:..... Cấp nhà ở.....Diện tích sàn xây dựng:..... m2**[21.4]** Năm hoàn thành xây dựng:**[21.5]** Nhà ở chung cư:**[21.6]** Chủ dự án:..... **[21.7]** Địa chỉ dự án, công trình:**[21.8]** Diện tích xây dựng:..... **[21.9]** Diện tích sàn xây dựng: m2**[21.10]** Diện tích sở hữu chung:.....m2 **[21.11]** Diện tích sở hữu riêng: m2**[21.12]** Kết cấu:..... **[21.13]** Số tầng nổi:..... **[21.14]** Số tầng hầm:**[21.15]** Năm hoàn thành xây dựng:**[21.16]** Nguồn gốc nhà:Tự xây dựng ☐ **[21.17]** Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):..Chuyển nhượng ☐ **[21.18]** Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:.....**[21.19]** Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng**[21.20]** Công trình xây dựng (trừ nhà ở)**[21.21]** Chủ dự án:..... **[21.22]** Địa chỉ dự án, công trình**[21.23]** Loại công trình:..... Hạng mục công trình:.....Cấp công trình:.....**[21.24]** Diện tích xây dựng: **[21.25]** Diện tích sàn xây dựng:..... m2;**[21.26]** Hệ số (nếu có):**[21.27]** Đơn giá:**[21.28]** Giá trị công trình thực tế chuyển giao (nếu có): đồng**[22] Tài sản gắn liền với đất****[22.1]** Loại tài sản gắn liền với đất:.....**[22.2]** Giá trị tài sản gắn liền với đất thực tế chuyển giao (nếu có):. đồng**V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN****[23] Loại thu nhập****[23.1]** Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản ☐**[23.2]** Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng ☐**[24]** Giá trị chuyển nhượng bất động sản và tài sản khác gắn liền với đất:..... đồng**[25]** Giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:..... đồng**[26]** Miễn thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (chỉ khai trong trường hợp chủ sở hữu, đồng sở hữu được miễn thuế theo quy định):

STT	Họ và tên	Mã số thuế/Số định danh cá nhân	Lý do cá nhân được miễn thuế đối với nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở duy nhất	Lý do miễn khác
[26.1]	[26.2]	[26.3]	[26.4]	[26.5]
1			☐	
2			☐	
....			☐	

VI. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:

-
-

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Hướng dẫn kê khai một số chỉ tiêu:

- Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, nhà ở thương mại, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về nhà ở: NNT kê khai chỉ tiêu [17] và [18].

- Cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là nhà ở, nhà ở thương mại, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về nhà ở: NNT kê khai chỉ tiêu [17] và [19].

- Chỉ tiêu [16.1]: Ghi tên loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc Giấy chứng nhận đã cấp.

- Chỉ tiêu [20.3]: Ghi số nhà, tên đường, phố (nếu có); tên điểm dân cư (tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, điểm dân cư tương tự) hoặc tên khu vực, xứ đồng (đối với thửa đất ngoài khu dân cư); Chỉ tiêu [20.4], [20.5]: Ghi tên đơn vị hành chính các cấp xã, tỉnh nơi có thửa đất.

- Trường hợp cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản tại nước ngoài thì tại mục [20], [21], [22] chỉ khai các chỉ tiêu [20.9], [21.19], [21.28], [22.2].

- Chỉ tiêu [24]=[20.9]+[21.19]+[21.28]+[22.2] nếu tích vào chỉ tiêu [23.1]

- Chỉ tiêu [25]=[20.9]+[21.19]+[21.28]+[22.2] nếu tích vào chỉ tiêu [23.2]

2. Hướng dẫn khai Mục: “NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ”: chỉ khai thay trong trường hợp không phát sinh số thuế được miễn. Tổ chức, cá nhân khai thay ghi thêm “Khai thay” vào phần trước cụm từ “Người nộp thuế hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” đồng thời người khai ký, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức khai thay thì sau khi ký tên phải đóng dấu của tổ chức. Trên hồ sơ tính thuế, chứng từ thu thuế vẫn phải thể hiện đúng người nộp thuế là cá nhân chuyển nhượng bất động sản. Khai thay trong các trường hợp: Hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán; trường hợp người nộp thuế có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật; trường hợp cá nhân góp vốn bằng bất động sản được tổ chức nhận vốn góp khai thuế thay, nộp thuế thay khi chuyển nhượng vốn, rút vốn, giải thể doanh nghiệp; trường hợp bên thứ ba có liên quan được phép bán tài sản của cá nhân theo quy định của pháp luật (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm thủ tục xử lý tài sản bảo đảm; tổ chức, cá nhân tổ chức bán đấu giá theo quyết định thi hành án của Tòa án; tổ chức, cá nhân làm thủ tục chuyển nhượng thay cho cá nhân có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng đem thế chấp để vay vốn hoặc thanh toán với tổ chức, cá nhân khác).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Xã/Phường/Đặc khu: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:.....[10] Email:

[11] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[12] Mã số thuế:

[13] Địa chỉ:

[14] Xã/Phường/Đặc khu: [15] Tỉnh/Thành phố:

[16] Điện thoại: [17] Email:

[18] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[19] Mã số thuế:

[20] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số phát sinh	Số lũy kế
I	Thu nhập từ đầu tư vốn			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[21]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[22]		
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[23]		
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[24]		

2	Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán	[25]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[26]		
III	Thu nhập từ nhận cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP			
1.1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[27]		
1.2	Tổng thu nhập chịu thuế TNCN	[28]		
1.3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[29]		
IV	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[30]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[31]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[32]		
V	Thu nhập từ trúng thưởng			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[33]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[34]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[35]		
VI	Doanh thu từ kinh doanh của cá nhân không cư trú			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[36]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[37]		
3	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[38]		
4	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[39]		
5	Tổng số thuế GTGT	[40]		
VII	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[41]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[42]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[43]		
VIII	Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[44]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[45]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[46]		
IX	Thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[47]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[48]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[49]		

X	Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[50]		
2	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	[51]		
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[52]		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc TỔ CHỨC KHAI THAY**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu
có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TRONG NĂM TÍNH THUẾ

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:.....

A. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị chuyển nhượng	Số thuế TNC Nphá t sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế được miễn đối với chứng chỉ quỹ mở cá nhân nắm giữ từ 2 năm trở lên	Số thuế TNCN đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16] = [13]-[14]-[15]
1										
2										
...										
Tổng cộng					[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]

B. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ ĐẦU TƯ VỐN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	Số thuế TNCN phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế được giảm 50% đối với lợi tức của nhà đầu tư được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản	Số thuế TNCN đã khấu trừ
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]=[28]

								-[29]-[30]
1								
2								
...								
Tổng cộng				[32]	[33]	[34]	[35]	[36]

C. CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ CÓ DOANH THU TỪ KINH DOANH

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	Số thuế TNCN phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	Số thuế GTGT
[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]	[44]= [42]-[43]	[45]	[46]
1									
2									
...									
Tổng cộng				[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]

D. CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tổng thu nhập tính thuế TNCN	Số thuế TNCN phát sinh	Số thuế được giảm theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế TNCN đã khấu trừ
[53]	[54]	[55]	[56]	[57]	[58]	[59]	[60]= [58]- [59]
I	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại			[61]	[62]	[63]	[64]
1							
2							
...							
II	Thu nhập từ trúng thưởng			[65]	[66]	[67]	[68]
1							
2							
...							
III	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú			[69]	[70]	[71]	[72]

1							
2							
...							
IV	Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”			[73]	[74]	[75]	[76]
1							
2							
...							
V	Thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon			[77]	[78]	[79]	[80]
1							
2							
...							
VI	Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số			[81]	[82]	[83]	[84]
1							
2							
...							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện
tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp chưa có mã chứng khoán thì khai thông tin mã số thuế của tổ chức phát hành chứng khoán tại chỉ tiêu [10].
- Công ty xổ số điện toán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ thì không kê khai vào mục II, Phần D mà kê khai vào Phụ lục bảng phân bổ 05-1/PBT-KK-TNCN.

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ NHẬN CỔ PHIẾU THƯỜNG, CỔ PHIẾU
ESOP TRONG NĂM TÍNH THUẾ

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế hoặc tháng/quý phát sinh việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	MST tổ chức trả thu nhập	Tên tổ chức trả thu nhập	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Số tiền chi ghi trên sổ sách kế toán	Tổng giá trị chuyển nhượng/ giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng	Giá trị mua cổ phiếu ưu đãi	Thu nhập chịu thuế TNCN	Số thuế TNC đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]
1													
2													
...													
Tổng cộng							[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:

Chức danh nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn, cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh: ngày tháng ... năm....
[01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

- ☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)
☐ Tổ chức khai thuế thay cho cá nhân

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:
[07] Ngày, tháng, năm sinh:
[08] Quốc tịch:.....
[09] Điện thoại:.....[10] Email:
[11] Tên tổ chức khai thay (nếu có):
[12] Mã số thuế:.....
[13] Địa chỉ:
[14] Xã/Phường/Đặc khu: [15] Tỉnh/Thành phố:
[16] Điện thoại: [17] Email:
[18] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[19] Mã số thuế:
[20] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá cổ phiếu	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
I.	Cổ phiếu trả thay cổ tức				[29]	[30]	[31]
1							

2							
...							
II.	Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu				[32]	[33]	[34]
1							
2							
...							
III	Lợi tức ghi tăng vốn				[35]	[36]	[37]
1							
2							
...							
Tổng cộng					[38]	[39]	[40]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chúng tôi nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
TỔ CHỨC KHAI THAY**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú: (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 04/ĐTV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày tháng ... năm

[01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên tổ chức khai thay:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đông Việt Nam

[illegible]

...											
III	Cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn							[28]	[29]	[30]	[31]
1											
...											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

...., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

TỔ CHỨC KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

*(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp,
cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế
và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)*

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Khai thay cho cá nhân chuyển nhượng vốn góp

☐ Khai thay cho cá nhân chuyển nhượng chứng khoán

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

[07] Ngày, tháng, năm sinh:

[08] Quốc tịch:

[09] Điện thoại: [10] Email:

[11] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[12] Mã số thuế:

[13] Địa chỉ:

[14] Xã/Phường/Đặc khu: [15] Tỉnh/Thành phố:

[16] Điện thoại: [17] Email:

[18] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[19] Mã số thuế:

[20] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	Hợp đồng chuyển nhượng	
				Số	Ngày/tháng/năm
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]

III. THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

[27] Tên tổ chức phát hành:

[28] Mã số thuế:
 [29] Địa chỉ:
 [30] Xã/Phường/Đặc khu: [31] Tỉnh/Thành phố:
 [32] Điện thoại: [33] Email:

IV. CHI TIẾT TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp		
1	Giá chuyển nhượng	[34]	
2	Giá vốn của phần vốn góp chuyển nhượng	[35]	
3	Chi phí chuyển nhượng	[36]	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp [37]=[34]-[35]-[36]	[37]	
5	Số thuế phải nộp	[38]	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[39]	
7	Số thuế còn phải nộp [40]=[38]-[39]	[40]	
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán		
1	Giá chuyển nhượng	[41]	
2	Số thuế phải nộp	[42]	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[43]	
4	Số thuế còn phải nộp [44]=[42]-[43]	[44]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:
 Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
 về thuế số:.....

..., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc TỔ CHỨC KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận
 điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày tháng ... năm.....

[01b] Tháng năm /Quý..... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tổ chức khai thay:

[05] Mã số thuế:

I. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Giá chuyển nhượng	Giá vốn của phần vốn góp	Chi phí chuyển nhượng	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế còn phải nộp
	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/tháng/năm							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]=[15]-[16]-[17]	[19]	[20]	[21]=[19]-[20]
1															
2															
...															
Tổng cộng									[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]

II. CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Số lượng chứng khoán	Giá chuyển nhượng	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế còn phải nộp
	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/ năm					
[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]= [40]-[41]
1													
2													
...													
TỔNG CỘNG										[43]	[44]	[45]	[46]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế

số:.....

...., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
TỔ CHỨC KHAI THAY**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác
nhận điện tử/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày tháng ... năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

- ☐ Cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải bất động sản
- ☐ Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá
- ☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)
- ☐ Cá nhân chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG, BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG BIÊN SỐ XE TRÚNG ĐÁU GIÁ

- [04] Tên tổ chức, cá nhân:
- [05] Mã số thuế:
- [06] Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:
- [07] Ngày, tháng, năm sinh:
- [08] Quốc tịch:
- [09] Điện thoại: [10] Email:
- [11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
- [12] Mã số thuế:
- [13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày

II. VĂN BẢN GIAO NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

- [14] Làm tại:ngày tháng năm
đã được Cơ quan công chứng chứng nhận ngày tháng năm

III. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG; CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG BIÊN SỐ XE TRÚNG ĐÁU GIÁ

- [15] Họ và tên:
- [16] Mã số thuế:
- [17] Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:
- [18] Quốc tịch:
- [19] Điện thoại: [20] Email

IV. LOẠI TÀI SẢN

- [21] Chứng khoán ☐
- [22] Vốn góp ☐
- [23] Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng ☐
- [24] Biển số xe trúng đấu giá ☐

V(a). [25] GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG HOẶC SỞ HỮU TÀI SẢN SỐ:
 Do cơ quan:

Cấp ngày:

V(b). THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

[26] Tên tổ chức:

[27] Mã số thuế:

[28] Địa chỉ:

[29] Xã/Phường/Đặc khu: [30] Tỉnh/Thành phố:

[31] Điện thoại: [32] Email:

VI. THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG HOẶC GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG BIẾN SỐ XE TRÚNG ĐẤU GIÁ (bao gồm cả xe gắn với biển số trúng đấu giá)

[33] Số tiền:đồng

(Viết bằng chữ:)

VII. THU NHẬP ĐƯỢC MIỄN GIẢM THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

[34] Số tiền:đồng

(Viết bằng chữ:)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
 DỊCH VỤ LẤM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
 số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có).

Ký điện tử/ Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

- (*) Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên cùng với Hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định.

- Trường hợp cá nhân đồng thời nhận thừa kế, quà tặng của nhiều loại chứng khoán thì không ghi thông tin vào mục V(b).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ CỦA TỔ CHỨC KHAI THAY

*(Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức;
tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản)*

- ☐ Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức
☐ Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Tháng năm
[01b] Quý năm
[01c] Lần phát sinh

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.... ☐

[04] Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật quản lý thuế:
[04.1] Mã số thuế:
[04.2] Điện thoại: [04.3] Email:
[05] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[05.1] Mã số thuế:
[05.2] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Khai thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh	[06]	
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[07]	
2	Tổng doanh thu tính thuế TNCN trong kỳ	[08]	
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[09]	
II	Khai thuế thay cá nhân cho thuê bất động sản	[10]	
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[11]	
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp	[12]	
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[13]	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp tổ chức khai thay cá nhân hợp tác kinh doanh thuộc trường hợp kê khai, nộp thuế GTGT theo tháng thì chọn kỳ tính thuế của tháng có phát sinh thanh toán tiền cho cá nhân.
- Trường hợp tổ chức khai thay cá nhân hợp tác kinh doanh thuộc trường hợp kê khai, nộp thuế GTGT theo quý thì chọn kỳ tính thuế của quý có phát sinh thanh toán tiền cho cá nhân.
- Trường hợp tổ chức khai thay cá nhân cho thuê bất động sản thì thời hạn khai thuế xác định theo kỳ thanh toán. Trường hợp có nhiều kỳ thanh toán trong tháng thì khai theo tháng.
- Chỉ tiêu [01c]: áp dụng cho trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản khai thuế lần phát sinh theo kỳ thanh toán trên hợp đồng.
- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cá nhân hợp tác kinh doanh thì sử dụng mã số thuế nộp thay được cấp theo quy định tại Thông tư về đăng ký thuế và hồ sơ khai thuế nộp tại cơ quan thuế quản lý tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay.
- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cho thuê bất động sản thì sử dụng mã số thuế của tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay và hồ sơ khai thuế được nộp tại cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê.

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

(Kèm theo Tờ khai 01/TCKT áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức)

[01] Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay theo pháp luật quản lý thuế:

[02] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Họ và tên hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Mã số thuế/Số định danh cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Nhóm ngành nghề	Doanh thu trả trong kỳ	Doanh thu tính thuế TNCN	Số thuế TNCN phải nộp
[03]	[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]
1						
...						
Tổng cộng			[10]	[11]	[12]	[13]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chi tiêu [06]: (1) Phân phối, cung cấp hàng hóa, (2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, (3) Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản, (4) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu, (5) Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số, (6) Hoạt động kinh doanh khác

- Chi tiêu [08]: Doanh thu tính thuế là phần doanh thu tổ chức trả trong năm cho cá nhân vượt trên mức 1 tỷ đồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO DOANH THU/TỜ KHAI THUẾ NĂM

(Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế để nghị hoàn thuế; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; cá nhân làm đại lý bán đúng giá đối với hoạt động bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp; cá nhân thực hiện hoạt động môi giới thuộc trường hợp phải nộp thuế mà chưa được tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay trong năm)

- ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống
- ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống
- ☐ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế để nghị hoàn thuế
- ☐ Cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; cá nhân làm đại lý bán đúng giá đối với hoạt động bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp; cá nhân thực hiện hoạt động môi giới thuộc trường hợp phải nộp thuế mà chưa được tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay trong năm
- ☐ Cho phép điều chỉnh, bổ sung các tờ khai Mẫu số 01/CNKD đã kê khai theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC, Thông tư số 18/2026/TT-BTC; tờ khai Mẫu số 02/CNKD-TMĐT đã kê khai theo Nghị định số 117/2025/NĐ-CP
- ☐ Giảm thuế do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn và bệnh hiểm nghèo

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Năm.....
[01b] 6 tháng đầu năm.....
[01c] 6 tháng cuối năm.....
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tổ chức/cá nhân kê khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có):

[06.1] Mã số thuế:

[06.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số.....ngày.....tháng.....năm

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07.1] Mã số thuế:

[07.2] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số ngày.....

[illegible]

	tai nạn và bệnh hiểm nghèo theo Quyết định giảm thuế của cơ quan thuế																		
8	Số thuế TNCN còn phải nộp	[15]	[15]=[13.13]-[14]>=0																
9	Số thuế TNCN được miễn từ 50.000 đồng trở xuống	[16]	[16]=[15] < 50.000																
10	Số thuế TNCN còn phải nộp sau miễn số thuế từ 50.000 đồng trở xuống	[17]	[17]=[15]-[16]																
11	Số thuế TNCN nộp thừa	[18]	[18]=-[13.13]-[14]<0 hoặc [13.15]+[14]>0																
II	Hoạt động cho thuê bất động sản	[19]		[19.1]	[19.2]	[19.3]	[19.4]	[19.5]	[19.6]	[19.7]	[19.8]	[19.9]	[19.10]	[19.11]	[19.12]	[19.13]	[19.14]	[19.15]	
I	Số thuế TNCN từ hoạt động cho thuê bất động sản được giảm do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn và bệnh hiểm nghèo theo Quyết định giảm thuế của cơ quan thuế	[20]																	
2	Số thuế TNCN nộp thừa	[21]	[21]=[19.15]+[20]																

B. KẾ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
I	Trụ sở kinh doanh:					

1	Hàng hóa, dịch vụ A	[22a]				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	[22b]				
		...				
II	Mã địa điểm kinh doanh 1: Tên địa điểm kinh doanh 1:					
...						
III	Tổng cộng:	[23]		[23.1]		[23.2]
IV	Số thuế được miễn từ 50.000 đồng trở xuống	[24]	[24]=[23.2] <=50.000			
V	Số thuế còn phải nộp	[25]	[25]=[23.2] - [24]			

C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã địa điểm kinh doanh	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất/Hệ số K tính phí BVMT	Số thuế/phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Khai thuế tài nguyên								
1	Tài nguyên C..			[26a]					(10)=(7)*(8)*(9)
2	Tài nguyên D..			[26b]					

									
	Tổng cộng								[27]
	Số thuế được miễn từ 50.000 đồng trở xuống [28]=[27]<=50.000								[28]
	Số thuế còn phải nộp [29]=[27]-[28]								[29]
II	Khai thuế bảo vệ môi trường								
2.1	Hàng hóa E...			[30a]					(10)=(7)*(8)
2.2	Hàng hóa G...			[30b]					
									
	Tổng cộng								[31]
	Số thuế được miễn từ 50.000 đồng trở xuống [30]=[29]<=50.000								[32]
	Số thuế còn phải nộp [33]=[31]-[32]								[33]
III	Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản								
3.1	Khoáng sản X...			[34a]					(10)=(7)*(8)*(9)
3.2	Khoáng sản Y...			[34b]					
									
	Tổng cộng								[35]
	Số phí được miễn từ 50.000 đồng trở xuống [36]=[35]<=50.000								[36]
	Số phí còn phải nộp [37]=[35]-[36]								[37]

D. HỒ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]	[44]	[45]	[46]	[47]
...									
		Tổng cộng	[48]						

E. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THUẢ

[49] Đề nghị hoàn trả:

[49.1] Số thuế GTGT:

[49.2] Số thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ hoạt động cho thuê nhà):

[49.3] Số thuế TNCN từ hoạt động cho thuê nhà:

[49.4] Tổng cộng:

[50] Số bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau:

[50.1] Số thuế GTGT:

[50.2] Số thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ hoạt động cho thuê nhà):

[50.3] Số thuế TNCN từ hoạt động cho thuê nhà:

[50.4] Tổng cộng:

[51] Thông tin hoàn trả:

[51.1] Tên chủ tài khoản:

[51.2] Tài khoản số: [51.3] Tại Ngân hàng/KBNN:

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiểm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	Mã số thuế	Tên NNT	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiểu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
[52]	[53]	[54]	[55]	[56]	[57]	[58]	[59]	[60]	[61]	[62]	[63]	[64]=[62]-[63]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống thì chỉ thực hiện thông báo doanh thu; không thực hiện khai số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.
- Chỉ tiêu (1) Nhóm ngành nghề tại mục A khai như sau: (1) Phân phối, cung cấp hàng hóa, (2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, (3) Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản, (4) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu, (5) Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số, (6) Hoạt động kinh doanh khác. Trường hợp cá nhân có nhiều ngành nghề thì kê khai mỗi ngành nghề trên 01 dòng.
- Chỉ tiêu [3.1], [3.2]...tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).
- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân trên
thu nhập tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

Giảm thuế do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn và bệnh hiểm nghèo

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ trụ sở kinh doanh:

[06.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

[06.2] Xã/phường/dặc khu:

[06.3] Tỉnh/TP:

[07] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có):

[07.1] Mã số thuế:

[07.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ngày tháng năm.....

[08] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[08.1] Mã số thuế:

[08.2] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày

A. KÊ KHAI THÔNG TIN TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ [09]= [09a]+[09b]+[09c]	[09]	
1.1	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh không bao gồm các hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số	[09a]	
1.2	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số đã được khấu trừ, nộp thay	[09b]	
1.3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số không có chức năng thanh toán trực tiếp	[09c]	

2	Các khoản chi được trừ [10] = [10a] + [10b] + [10c] + [10d] + [10d] + [10e]	[10]	
2.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.	[10a]	
2.2	Chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng.	[10b]	
2.3	Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (nếu có).	[10c]	
2.4	Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng.	[10d]	
2.5	Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự.	[10d]	
2.6	Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh...	[10e]	
3	Thu nhập tính thuế [11] = [09] - [10]	[11]	
4	Thuế suất	[12]	
5	Số thuế TNCN phát sinh trong kỳ [13] = [11] x [12]	[13]	
6	Số thuế TNCN đã khấu trừ	[14]	
7	Số thuế TNCN đã tạm nộp trong năm	[15]	
8	Số thuế TNCN được giảm do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn và bệnh hiểm nghèo theo Quyết định giảm thuế của cơ quan thuế	[16]	
9	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp [17] = [13] - [14] - [15] - [16] >= 0	[17]	
10	Số thuế TNCN được miễn từ 50.000 đồng trở xuống [18] = [17] <= 50.000	[18]	
11	Số thuế TNCN còn phải nộp sau miễn số thuế từ 50.000 đồng trở xuống [19] = [17] - [18]	[19]	
12	Tổng số thuế TNCN nộp thừa [20] = [13] - [14] - [15] - [16] < 0	[20]	
12.1	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả cho người nộp thuế [21] = [22] + [23]	[21]	
12.2	Số thuế đề nghị hoàn trả cho người người nộp thuế	[22]	
12.3	Số thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	[23]	
12.4	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [24] = [20] - [21]	[24]	

[illegible]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chức vụ chuyên môn về
thuế số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Xác nhận điện
tử/Ký điện tử)

Ghi chú:

- TMDT: thương mại điện tử
- ĐBHC: địa bàn hành chính

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Năm

Tên tôi là:

Mã số thuế:

Năm tôi thuộc diện ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau :

☐ (1) Tôi chỉ có thu nhập chịu thuế tại Công ty/đơn vị và thực tế tại thời điểm quyết toán thuế thu nhập cá nhân tôi đang làm việc tại Công ty/đơn vị đó;

☐ (2) Tôi thuộc diện được điều chuyển từ Công ty/đơn vị(Công ty/đơn vị cũ) đến Công ty/đơn vị (Công ty/đơn vị mới) do sáp nhập/ hợp nhất/chia/tách/chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và 2 Công ty/đơn vị này trong cùng một hệ thống;

☐ (3) Tôi có thu nhập chịu thuế tại Công ty/đơn vị và có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 15 triệu đồng /tháng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ tại nguồn và không có nhu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập vắng lai.

Đề nghị Công ty/đơn vị(Mã số thuế:.....) thay mặt tôi thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm với cơ quan thuế.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện tôi không thuộc được ủy quyền quyết toán thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm
NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú : Trường hợp nhiều người lao động tại cùng tổ chức trả thu nhập có ủy quyền quyết toán cho tổ chức đó thì lập mẫu này kèm theo Danh sách ủy quyền quyết toán thuế TNCN bao gồm các thông tin : Họ và tên, Mã số thuế, trường hợp được ủy quyền (1) (2) (3) nêu trên, Ký tên .

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN

[01] ☐ Khai theo tháng/ lần phát sinh: Kỳ tính thuế: Tháng năm/Lần phát sinh: Ngày tháng năm

☐ Khai quyết toán: Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... ngày:.....

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Xã/phường/đặc khu: [09b] Tỉnh/Thành phố:

I. Khai thuế tài nguyên theo tháng hoặc theo từng lần phát sinh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp
		Đơn vị tính	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4) x (5) x (6) hoặc (8) = (4) x (7)
A	Tài nguyên khai thác:						
I	Khoáng sản						
1	Mỏ khoáng sản....						

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp
		Đơn vị tính	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4) x (5) x (6) hoặc (8) = (4) x (7)
	Khoáng sản ...						
	Khoáng sản ...						
2	Mỏ khoáng sản....						
	Khoáng sản ...						
	Khoáng sản ...						
II	Tài nguyên khác						
1	Khu vực khai thác						
	Tài nguyên ...						
	Tài nguyên ...						
2	Khu vực khai thác						
	Tài nguyên ...						
	Tài nguyên ...						
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:						
1	Tài nguyên ...						
2	Tài nguyên ...						
C	Tài nguyên bắt giữ, tịch thu						
1	Tài nguyên ...						
2	Tài nguyên ...						
	Tổng cộng		x				x

II. Khai quyết toán thuế tài nguyên

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán năm	Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai
		Đơn vị tính	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)	(9)	(10) = (8) - (9)
A	Tài nguyên khai thác:								
I	Khoáng sản								
1	Mỏ khoáng sản....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
2	Mỏ khoáng sản....								
	Khoáng sản ...								
	Khoáng sản ...								
II	Tài nguyên khác								
1	Khu vực khai thác								
	Tài nguyên ...								
	Tài nguyên ...								
2	Khu vực khai thác								
	Tài nguyên ...								
	Tài nguyên ...								
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:								
1	Tài nguyên ...								
2	Tài nguyên ...								
	Tổng cộng		x				x	x	x

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử/Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

1. Trường hợp người nộp thuế khai thuế tài nguyên theo tháng hoặc theo từng lần phát sinh, người nộp thuế chọn vào ô khai thuế theo tháng/lần phát sinh, kê khai các chỉ tiêu từ [02] đến [09] và Mục I. Khai thuế tài nguyên như sau:

- Đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phải nộp tại chỉ tiêu (8) = (4) x (7).

- Các chỉ tiêu tại cột (2), cột (3) Tên loại tài nguyên và đơn vị tính phải đảm bảo theo đúng quy định về khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính quy định; Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành.

- Chỉ tiêu [09]: kê khai thông tin địa bàn nơi người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên trên nhiều xã/phường/đặc khu thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

+ Nếu Thuế tỉnh, thành phố là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên.

+ Nếu Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện thuộc Thuế cơ sở nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên.

Trường hợp người nộp thuế có văn bản giao cho đơn vị phụ thuộc trên địa bàn có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính trực tiếp kê khai, nộp thuế tài nguyên thì không phải khai vào chỉ tiêu này.

2. Trường hợp người nộp thuế khai quyết toán thuế tài nguyên, người nộp thuế chọn vào ô khai quyết toán, kê khai các chỉ tiêu từ [02] đến [09] và Mục II. Khai quyết toán thuế tài nguyên như sau:

- Đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán năm tại chỉ tiêu (8) = (4) x (7).

- Các chỉ tiêu tại cột (2), cột (3) Tên loại Tài nguyên và đơn vị tính phải đảm bảo theo đúng quy định về khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính quy định; Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành.

- Chỉ tiêu tại cột (9) "Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm": tổng hợp từ số liệu tại cột (8) Mục I của các tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN của các tháng trong năm tính thuế đã nộp cho cơ quan thuế.

- Chỉ tiêu [09]: kê khai thông tin địa bàn nơi người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên trên nhiều xã/phường/đặc khu thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

+ Nếu Thuế tỉnh, thành phố là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên;

+ Nếu Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện thuộc Thuế cơ sở nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên.

Trường hợp người nộp thuế có văn bản giao cho đơn vị phụ thuộc trên địa bàn có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính trực tiếp kê khai, nộp thuế tài nguyên thì không phải kê khai vào chỉ tiêu này.

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỐ SỔ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai thuế tài nguyên, khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm/Năm

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà máy thủy điện theo từng tỉnh	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh
			Xã/ phường/ đặc khu	Tỉnh				
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]=[11] x[10]
1	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10a]		
1.1	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy							
1.2	Nơi có lòng hồ thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành nhà máy)							
...	...							
2	Nhà máy <Tên nhà máy>					[10b]		
...	Nơi có văn phòng điều hành nhà máy							
...	Nơi có lòng hồ thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành nhà máy)							
...	...							
Cộng ([13]=Σ[10]; [14]=Σ[12])						[13]		[14]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Ghi chú:

1. Tại cột chỉ tiêu [07], [08]: Khai tên xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện và nơi có lòng hồ thủy điện. Trường hợp lòng hồ thủy điện của một nhà máy thủy điện trên nhiều xã/phường/đặc khu do cùng một cơ quan thuế quản lý thì chọn 1 xã/phường/đặc khu trong các xã/phường/đặc khu nơi có nhà máy để kê khai vào chỉ tiêu này.
2. Tại cột chỉ tiêu [09]: Chỉ khai cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ.
3. Cột chỉ tiêu [10]: Khai số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện để kê khai vào chỉ tiêu [10a], [10b], các ô còn lại để trống, người nộp thuế phải xác định số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện.
4. Cột chỉ tiêu [11]: Khai tỷ lệ phân bổ cho từng tỉnh.
5. Cột chỉ tiêu [12]: Số thuế phải nộp cho từng tỉnh được xác định bằng số thuế phải nộp của nhà máy thủy điện nhân (x) với tỷ lệ phân bổ cho từng tỉnh./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm/Lần phát sinh: Ngày tháng năm

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: số: ngày.....

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:.....

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Số nhà, đường phố: [11b] Xã/ phường/đặc khu: [11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Số lượng kê khai, tính thuế				Mức thuế	Thuế bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ		Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Thuế bảo vệ môi trường đề nghị hoàn theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Thuế bảo vệ môi trường thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn chuyển kỳ sau
		Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: Số lượng xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế		Tổng số	Trong đó: Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4) x (6) x (7)	(9) = (5) x (6) x (7)	(10)	(11)	(12) = (10) + (9) - (11)
	Tổng cộng										

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chức danh chuyên môn về thuế số:

.....

....., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ

và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử/Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

1. Chi tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh có hoạt động sản xuất hàng hóa chịu thuế BVMT tại tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính đối với trường hợp người nộp thuế khai thuế BVMT tại nơi sản xuất hàng hóa chịu thuế BVMT theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều xã/phường/đặc khu do Thuế tỉnh quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chi tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh do Thuế cơ sở quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho xã/phường/đặc khu do Thuế cơ sở quản lý để kê khai vào chi tiêu này.

2. Cột (6) “Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế”: Đối với mặt hàng là nhiên liệu hỗn hợp chứa xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch và nhiên liệu sinh học thì “Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế” là tỷ lệ phần trăm (%) xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch có trong nhiên liệu hỗn hợp do người nộp thuế tự xác định căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật chế biến nhiên liệu hỗn hợp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Đối với các mặt hàng khác thì “Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế” là 100%.

3. Cột (10) được xác định bằng cột (12) của kỳ khai thuế liền kề trước đó. Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp thuộc đối tượng được hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 nhưng đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, người nộp thuế chưa đề nghị hoàn thuế thì cột (10) là số lũy kế của số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp của các kỳ trước theo quy định của pháp luật thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa được hoàn thuế.

4. Cột (11): Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả số thuế bảo vệ môi trường theo khoản 2 Điều 11 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 thì thực hiện kê khai phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01-3/TBVMT kèm theo Thông tư này. Giá trị cột (11) nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cột (10) + cột (9).

Phụ lục
BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI THAN
(Kèm theo Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

1	<Tên cơ sở khai thác A>													<Tổng>
						<Hàng hoá A>								
						<Hàng hoá B>								
														
2	<Tên cơ sở khai thác B>													
						<...>								
...	...					...								
	Tổng cộng theo từng tỉnh													
	<Hàng hoá A>													
	<Hàng hoá B>													
														
	TỔNG CỘNG													<Tổng>
	<Hàng hoá A>										<Tổng>			<Tổng>
	<Hàng hoá B>										<Tổng>			<Tổng>
											<Tổng>			<Tổng>

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cột (4), (5): Khai thông tin địa bàn cấp xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than/ cơ sở khai thác than đóng trụ sở.
2. Trường hợp Cột (2) là "Tên đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than" thì: Cột (6) điền thông tin "cơ quan thuế tại địa bàn nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính" đối với trường hợp người nộp thuế do Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn quản lý trực tiếp; đối với trường hợp khác thì bỏ trống.
3. Nội dung nêu trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI XĂNG DẦU

(Kèm theo Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc	Mã số thuế	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Tên mặt hàng	Số lượng kê khai, tính thuế					Thuế bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ		Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn kỳ trước chuyển sang	Thuế bảo vệ môi trường đề nghị hoàn theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường	Thuế bảo vệ môi trường thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn chuyển kỳ sau
			Xã/ phường / đặc khu	Tỉnh/ Thành phố			Đơn vị tính	Tổng số	Tỷ lệ phân bổ (%)	Trong đó: Sản lượng bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế		Tổng số	Trong đó: Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường			
										Sản lượng	Tỷ lệ phân bổ (%)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17) = (14) + (15) - (16)
1	<Tên doanh nghiệp trụ sở chính>											<Tổng>				

STT	Tên doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc	Mã số thuế	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Tên mặt hàng	Sản lượng kê khai, tính thuế					Thuế bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ		Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn kỳ trước chuyển sang	Thuế bảo vệ môi trường đề nghị hoàn theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn chuyên kỳ sau	Thuế bảo vệ môi trường thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường chưa đề nghị hoàn chuyên kỳ sau	
			Xã/ phường / đặc khu	Tỉnh/ Thành phố			Đơn vị tính	Tổng số	Tỷ lệ phân bổ (%)	Trong đó: Sản lượng bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế		Tổng số	Trong đó: Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế thuộc đối tượng được hoàn thuế theo pháp luật thuế bảo vệ môi trường				
										Sản lượng	Tỷ lệ phân bổ (%)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17) = (14) + (15) - (16)	
	A					<Hàng hoá A>	<Lit>										
						<Hàng hoá B>	<kg>										
																	
2	<Tên Chi nhánh A>											<Tổng>					
						<Hàng hoá A>	<Lit>										
						<Hàng hoá B>	<kg>										
																	
	Tổng cộng theo tỉnh																
	<Hàng hoá A>																
	<Hàng hoá B>																
																	
	TỔNG CỘNG												<Tổng>				
	<Hàng hoá A>						<Lit>	<Tổng>		100%		<Tổng>					
	<Hàng hoá B>						<kg>	<Tổng>		100%		<Tổng>					
								<Tổng>		100%		<Tổng>					

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Cột (4), (5): Khai thông tin địa bàn cấp xã/ phường/ đặc khu, tỉnh nơi doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở.
2. Trường hợp Cột (2) là "Tên doanh nghiệp trụ sở chính" thì: Cột (6) điền thông tin "cơ quan thuế tại địa bàn nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính" đối với trường hợp người nộp thuế do Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn quản lý trực tiếp; đối với trường hợp khác thì bỏ trống.
3. Nội dung nêu trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.
4. Cột (10) được xác định bằng (=) Sản lượng của từng mặt hàng xăng dầu do doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT tại cột (9) chia (:) sản lượng tính thuế của từng mặt hàng xăng dầu tương ứng tại chỉ tiêu cột (4) của Tờ khai mẫu số 01/TBVMТ có Phụ lục này.
5. Cột (12) được xác định bằng (=) Sản lượng của xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế do doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT tại cột (11) chia (:) sản lượng tính thuế của từng mặt hàng xăng dầu tương ứng tại chỉ tiêu cột (5) của Tờ khai mẫu số 01/TBVMТ có Phụ lục này.
6. Cột (13) được xác định bằng (=) tỷ lệ phân bổ (%) của từng mặt hàng xăng dầu tại cột (10) nhân (x) thuế BVMT phải nộp trong kỳ của từng mặt hàng xăng dầu tương ứng tại chỉ tiêu cột (8) của Tờ khai mẫu số 01/TBVMТ có Phụ lục này.
7. Cột (14) được xác định bằng (=) tỷ lệ phân bổ (%) của từng mặt hàng xăng dầu tại cột (12) nhân (x) thuế BVMT phải nộp trong kỳ của từng mặt hàng xăng dầu tương ứng tại chỉ tiêu cột (9) của Tờ khai mẫu số 01/TBVMТ có Phụ lục này.
8. Cột (15) được xác định bằng cột (17) của kỳ khai thuế liền kề trước đó. Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp thuộc đối tượng được hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 nhưng đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành, người nộp thuế chưa đề nghị hoàn thuế thì cột (15) là số lũy kế của số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp của các kỳ trước theo quy định của pháp luật thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa được hoàn thuế.
9. Cột (16) được xác định là thuế bảo vệ môi trường đề nghị hoàn trả theo khoản 2 Điều 11 Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ. Giá trị cột (16) nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cột (15) + cột (14).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ...
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:

1. Kê khai chi tiết thông tin về xăng dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật đề nghị hoàn:

STT	Số tờ khai hải quan	Ngày đăng ký	Ngày thông quan	Tên hàng hóa xuất khẩu	Mã hàng hóa	Địa điểm xếp hàng	Người nhập khẩu	Mã số thuế người nhập khẩu	Kỳ tính thuế	Sản lượng	Số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp vào ngân sách nhà nước	Số tiền thuế bảo vệ môi trường đề nghị hoàn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

2. Hình thức đề nghị hoàn trả:

a) Bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước:

STT	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (nếu có)	Cơ quan quản lý thu	Tiêu mục	Kỳ thuế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

b) Hoàn trả trực tiếp:

Hình thức hoàn trả:

Tên chủ tài khoản:
Tài khoản số: Tại Ngân hàng (KBNN):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chức vụ chuyên môn về thuế

số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:
[05] Ngày, tháng, năm sinh:
[06] Mã số thuế:
[07] Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu:
[08] Địa chỉ cư trú:
[08.1] Số nhà: [08.2] Đường/phố:
[08.3] Tổ/thôn: [08.4] Xã/Phường/Đặc khu:
[08.5] Tỉnh/Thành phố:
[09] Địa chỉ nhận thông báo thuế:
[10] Điện thoại:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:
[12] Mã số thuế:
[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Thừa đất chịu thuế:

[14] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu	Tỷ lệ

[15] Nguồn gốc thừa đất (đất được nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận góp vốn):

Trường hợp thừa đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận góp vốn:

[15.1] Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sử dụng đất:
[15.2] Mã số thuế:
[15.3] Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu:
[15.4] Mã phi nông nghiệp (nếu có):
[16] Địa chỉ thừa đất:
[16.1] Số nhà: [16.2] Đường/phố:

- [16.3] Tò/thôn:[16.4] Xã/Phường/Đặc khu:
 [16.5] Tỉnh/Thành phố:
 [17] Là thửa đất duy nhất: ☐
 [18] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Xã/phường/đặc khu):
 [19] Đã có giấy chứng nhận: ☐
 [19.1] Số giấy chứng nhận: [19.2] Ngày cấp:
 [19.3] Thửa đất số: [19.4] Tờ bản đồ số:
 [19.5] Diện tích: [19.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
 [20] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
 [20.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích:
 [20.2] Diện tích đất sử dụng không đúng mục đích:
 [20.3] Diện tích đất chưa sử dụng theo đúng quy định:
 [20.4] Hạn mức (nếu có):
 [20.5] Diện tích đất lấn, chiếm:
 [21] Chưa có giấy chứng nhận: ☐
 [21.1] Diện tích: [21.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:
 [22] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
 [23] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [24] (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[24.1] Loại nhà:[24.2] Diện tích: [24.3] Hệ số phân bổ:

5. Miễn, giảm thuế [25]

[25.1] Trường hợp miễn, giảm (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...):

[25.2] Kỳ tính thuế/Khoảng thời gian đề nghị miễn, giảm:

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị miễn thuế, giảm thuế, người nộp thuế nộp bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn thuế, giảm thuế. Cơ quan thuế căn cứ nội dung kê khai tại mục này để quyết định miễn thuế, giảm thuế theo quy định pháp luật, người nộp thuế không phải làm hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế.>

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:
 Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
 môn về thuế số:

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
 (Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
 điện tử/Xác nhận điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Tên người nộp thuế:
[05] Mã số thuế:
[06] Địa chỉ trụ sở:
[06.1] Số nhà:[06.2] Đường/phố:
[06.3] Tổ/thôn:[06.4] Xã/phường/đặc khu:
[06.5] Tỉnh/thành phố:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Thừa đất chịu thuế:

[10] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu	Tỷ lệ
1				
...				

[11] Nguồn gốc thừa đất (đất được nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận góp vốn, ...):
Trường hợp thừa đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận góp vốn:

[11.1] Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sử dụng đất:.....
[11.2] Mã số thuế:.....
[11.3] Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu:.....
[11.4] Mã phi nông nghiệp (nếu có):.....

[12] Địa chỉ thừa đất:

[12.1] Số nhà:[12.2] Đường/phố:
[12.3] Tổ/thôn:[12.4] Xã/phường/đặc khu:
[12.5] Tỉnh/thành phố:

[13] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[13.1] Số giấy chứng nhận:[13.2] Ngày cấp:

- [13.3] Thừa đất số:[13.4] Tờ bản đồ số:
 [13.5] Diện tích:.....[13.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
 [14] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
 [15] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

4. Miễn, giảm thuế [16]:

- [16.1] Trường hợp miễn, giảm (*ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế*):
 [16.2] Kỳ tính thuế/ Khoảng thời gian đề nghị miễn, giảm:
 <Trường hợp người nộp thuế đề nghị miễn thuế, giảm thuế thì người nộp thuế nộp bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế. Cơ quan thuế căn cứ nội dung kê khai tại mục này để quyết định miễn thuế, giảm thuế theo quy định pháp luật, người nộp thuế không phải làm hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế.>.

5. Căn cứ tính thuế

- [17] Diện tích đất thực tế sử dụng:
 [18] Thông tin xác định giá đất:
 [18.1] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
 [18.2] Tên đường/vùng:[18.3] Đoạn đường/khu vực:.....
 [18.4] Loại đường:[18.5] Vị trí/hạng:
 [18.6] Giá đất:[18.7] Hệ số (đường/hẻm...):
 [18.8] Giá 1 m² đất (Giá theo mục đích sử dụng):.....

6. Tính thuế

6.1. Đất ở (*tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh*)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

- [19] Diện tích: [20] Số thuế phải nộp ($[20] = [19] \times [18.8] \times 0,03\%$):.....

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

- [21] Diện tích: [22] Hệ số phân bổ:
 [23] Số thuế phải nộp ($[23] = [21] \times [22] \times [18.8] \times 0,03\%$):

6.3. Đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

- [24] Diện tích: [25] Hệ số phân bổ (*đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư*): (*Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1*).
 [26] Số thuế phải nộp ($[26] = [24] \times [25] \times [18.8] \times 0,03\%$):.....

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích:

- [27] Mục đích đang sử dụng:
 [28] Hệ số phân bổ (*đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư*): (*Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1*).
 [29] Diện tích: [30] Giá 1m² đất:

- [31] Số thuế phải nộp ($[31] = [29] \times [30] \times [28] \times 0,15\%$):

6.5. Đất chưa sử dụng theo đúng quy định:

- [32] Diện tích:
 [33] Số thuế phải nộp ($[33] = [32] \times [18.8] \times 0,15\%$):

6.6. Đất lấn, chiếm:

[34] Mục đích đang sử dụng:

[35] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):
(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1).[36] Diện tích:..... [37] Giá 1m² đất:[38] Số thuế phải nộp ($[38]=[36] \times [37] \times [35] \times 0,2\%$):**7. Tổng số thuế phải nộp trước miễn, giảm [39] ($[39]=[20]+[23]+[26]+[31]+[33]+[38]$):**
.....**8. Số thuế được miễn, giảm [40]:****9. Tổng số thuế phải nộp [41] ($[41]=[39]-[40]$):****10. Nộp cho cả thời kỳ ổn định** (trong chu kỳ ổn định 5 năm) **[42] ($[42]=[41] \times (5 \text{ hoặc số năm còn lại của chu kỳ ổn định})$):**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LẤM THỦ TỤC VỀ THUẾ**
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên: [05] Mã số thuế:

[06] Số định danh cá nhân:

[07] Địa chỉ:

[07.1] Tò/thôn: [07.2] Xã/phường/đặc khu: [07.3] Tỉnh/Thành phố:

[08] Điện thoại:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[09] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế: [10] Mã số thuế:

[11] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Kê khai tổng hợp tại *: [12] Xã/phường/đặc khu: [13] Tỉnh/Thành phố: [14] Hạn mức đất lựa chọn:m²

4. Tổng hợp các thửa đất trong cùng Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Thửa đất chịu thuế				Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận	Giá 1 m ² đất	Diện tích trong hạn mức (m ²) (thuế suất 0,03%)	Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,07%)	Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,15%)	Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp	Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế)
Số nhà	Đường/phố	Thôn/tổ	Xã/phường/đặc khu							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Λ										
TỔNG CỘNG									[15]=Tổng cột (10)	[16]=Tổng cột (11)

(* Kê khai thừa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức)

[17] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp ([17]=[15] – [16]): đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên

môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử/Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

- Cột (5): Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
- Cột (10) = (7) x (6) x 0,03% + (8) x (6) x 0,07% + (9) x (6) x 0,15%;
- Cột (11): Số thuế phải nộp trên thông báo (chưa trừ miễn, giảm thuế) được tổng hợp từ số liệu nêu tại mục 1.1 Phần III Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 01/TB-SDDPNN phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức:
[05] Mã số thuế:
[06] Địa chỉ trụ sở:
[06.1] Số nhà:[06.2] Đường/phố:
[06.3] Tổ/thôn:[06.4] Xã/phường/đặc khu:
[06.5] Tỉnh/Thành phố:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Tính thuế:

STT	Địa chỉ thửa đất			Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích	Loại đất	Hạng đất	Định suất thuế	Thuế tính bằng thóc (kg)
	Tổ/thôn	Xã/phường/đặc khu	Tỉnh/thành phố							
	[10.1]	[10.2]	[10.3]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]=[13]x [16]
1										
2										
	Tổng cộng									

[18] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
[19] Thời điểm thay đổi diện tích đất:
[20] Thuế được miễn, giảm:kg.
[21] Thuế phải nộp tính bằng thóc ([21] = [17] – [20]):kg.
[22] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):
[23] Thuế phải nộp tính bằng tiền ([23] = [21] x [22]):đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn

về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Nếu là đất trồng cây ăn quả trên đất trồng cây hàng năm thuộc đất hạng 1, hạng 2, hoặc hạng 3 thì phải nhân thêm hệ số 1,3.

2. Chi tiêu thuế được miễn, giảm: nếu được miễn ghi 100%, nếu được giảm thì ghi tương ứng số % được giảm; đồng thời người nộp thuế phải nộp kèm theo tài liệu chứng minh được miễn thuế, giảm thuế.

UBND.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên:

[05] Ngày, tháng, năm sinh:

[06] Mã số thuế:

[07] Số định danh cá nhân:

[08] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[09] Điện thoại:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[10] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:

[11] Mã số thuế:

[12] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Thừa đất chịu thuế:

[13] Địa chỉ:

[13.1] Số nhà: [13.2] Đường/phố:

[13.3] Tổ/thôn: [13.4] Xã/phường/đặc khu:

[13.5] Tỉnh/Thành phố:

[14] Sổ địa chính: [15] Thừa đất số: [16] Tờ bản đồ số:

[17] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[18] Thời điểm thay đổi diện tích đất:

STT	Loại ruộng đất	Phần hộ gia đình, cá nhân tự khai				Phần do UBND xã, Thuế cơ sở xác định		
		Xứ đồng	Ký hiệu thừa	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Thuế ghi thu (kg)
	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]
I	Cây hàng năm							

STT	Loại ruộng đất	Phần hộ gia đình, cá nhân tự khai				Phần do UBND xã, Thuế cơ sở xác định		
		Xứ đồng	Ký hiệu thửa	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Thuế ghi thu (kg)
	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]
1	Đất trồng lúa							
2	Đất trồng cây hàng năm khác							
3	Mặt nước nuôi trồng thủy sản							
...								
	Cộng cây hàng năm							
II	Cây lâu năm							
	Cộng cây lâu năm							
	Tổng cộng							

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện
tử/Xác nhận điện tử)

CÁN BỘ THUẾ
(Ký ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
UBND XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Một xứ đồng có nhiều thửa đất thì mỗi thửa đất kê khai vào một dòng;
- UBND: Ủy ban nhân dân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)

[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức/Họ và tên:
[05] Ngày, tháng, năm sinh (nếu là cá nhân):
[06.1] Mã số thuế:
[06.2] Số định danh cá nhân:
[07] Địa chỉ nhận thông báo thuế:
[08] Điện thoại:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[09] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:
[10] Mã số thuế:
[11] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Thửa đất chịu thuế, loại cây:

[12] Địa chỉ lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần:
[12.1] Tổ/thôn: [12.2] Xã/phường/đặc khu:
[12.3] Tỉnh/Thành phố:
[13] Số thửa: [14] Tờ bản đồ số:
[15] Diện tích lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):
[16] Loại cây lâu năm thu hoạch một lần:(ghi tên loại cây)
[17] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
[18] Thời điểm thay đổi diện tích đất:

4. Tính thuế:

[19] Diện tích đất khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):
[20] Sản lượng khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (tấn/ha hoặc m³/ha):
[21] Giá bán một đơn vị sản phẩm tại nơi khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/m³):
[22] Giá trị sản lượng khai thác [22] = [19] x [20] x [21]:
[23] Thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn, giảm (nếu có):đồng
[24] Thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp [24] = ([22] x 4%) - [23]:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**
Họ và tên:
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử/Xác nhận điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT

(Áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước, bao gồm cả trường hợp thuê đất đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng chưa được gia hạn sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

1. Người nộp thuế:

[04] Tên tổ chức/Họ và tên:
[05] Ngày, tháng, năm sinh (nếu là cá nhân):
[06] Mã số thuế:
[07] Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu:
[08] Địa chỉ trụ sở/Địa chỉ nơi cư trú:
[08.1] Số nhà: [08.2] Đường/phố:
[08.3] Tổ/thôn: [08.4] Xã/phường/đặc khu:
[08.5] Tỉnh/Thành phố:
[09] Địa chỉ nhận thông báo thuế:
[10] Điện thoại:

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế:
[12] Mã số thuế:
[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

3. Đặc điểm đất:

[14] Địa chỉ thửa đất:
[14.1] Số nhà: [14.2] Đường/phố:
[14.3] Tổ/thôn: [14.4] Xã/phường/đặc khu:
[14.5] Tỉnh/Thành phố:
[15] Vị trí thửa đất:
[16] Mục đích sử dụng:
[17] Diện tích:
[18] Thời điểm sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai:

4. Diện tích đất phải nộp tiền thuê đất (m²):

[19] Đất dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:
[20] Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

[21] Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao:

[22] Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản:

[23] Đất dùng vào mục đích khác:

5. Thời gian sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử/Xác nhận điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- ☐ Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản
- ☐ Áp dụng đối với dầu khí

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh: ngày ... tháng ... năm ...
[01b] Tháng ... năm ...
[01c] Từ ... đến ...

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày.....

[10] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:
[10a] Xã/phường/đặc khu: [10b] Tỉnh/Thành phố:

I. Khai phí bảo vệ môi trường

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Khối lượng đất đá bóc, đất đá thải (m3)	Mức thu phí của đất đá bóc, đất đá thải	Tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai thác thực tế		Mức thu phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp trong kỳ
				Đơn vị tính	Khối lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:							
1	Nước khoáng thiên nhiên							
1.1	Khu vực khai thác...							
	Nước khoáng thiên nhiên...							
	Nước khoáng thiên nhiên...							
	...							
1.2	Khu vực khai thác...							
	Nước khoáng thiên nhiên...							

	Nước khoáng thiên nhiên...							
	...							
2	Khoáng sản khác							
2.1	Khu vực (mỏ) khoáng sản...							
	Khoáng sản ...							
	Khoáng sản ...							
	...							
2.2	Khu vực (mỏ) khoáng sản...							
	Khoáng sản ...							
	Khoáng sản ...							
	...							
II	Khoáng sản do tổ chức, cá nhân thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ							
I								
								
Tổng cộng:								

II. Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường

Đơn vị tiên: *Đồng Việt Nam*[illegible]

	sản...									
	Khoáng sản ...									
	Khoáng sản ...									
	...									
2.2	Khu vực (mỏ) khoáng sản...									
	Khoáng sản ...									
	Khoáng sản ...									
	...									
II	Khoáng sản do tổ chức, cá nhân thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ									
1	...									
2	...									
	...									
Tổng cộng										

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

Chỉ tiêu [10a], [10b]: kê khai thông tin địa bàn nơi NNT có hoạt động khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Thông tư số 89/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác khoáng sản trên nhiều xã/phường/đặc khu thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

- Nếu Thuế tỉnh, thành phố là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản.

- Nếu Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện thuộc Thuế cơ sở nơi có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Ngày, tháng, năm sinh (Đối với người nộp thuế là cá nhân, đại diện hộ gia đình):

[06] Mã số thuế:

[07] Số định danh cá nhân/Số hộ chiếu:.....

[08] Địa chỉ:.....

[09] Xã/phường/đặc khu: [10] Tỉnh/Thành phố:

[11] Điện thoại: [12] Fax: [13] Email:

[14] Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):

[15] Mã số thuế:

[16] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... ngày

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất):; Tờ bản đồ số:

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà: Tòa nhà: Ngõ/Hẻm:

Đường/Phố:..... Thôn/xóm/ấp:

1.2.2. Xã/phường/đặc khu:

1.2.3. Tỉnh/thành phố

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

1.4. Mục đích sử dụng đất:

1.5. Diện tích (m²):

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:.....

- Mã số thuế:.....

- Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu:

.....

- Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày tháng năm

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: Loại nhà: Hạng nhà:

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án: Địa chỉ dự án, công trình:

Kết cấu: Số tầng nổi: Số tầng hầm:

Diện tích sở hữu chung (m²): Diện tích sở hữu riêng (m²):

2.2. Diện tích nhà (m²):

Diện tích xây dựng (m²):

Diện tích sàn xây dựng (m²):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng ☐, nhận thừa kế ☐, nhận tặng cho ☐ (đồng):

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

STT	Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu	Mã số thuế	Số định danh cá nhân /Số hộ chiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-
-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ
THUẾ**

Họ và tên:

Chức vụ chuyên môn về
thuế số:

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc**

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử/ Xác nhận điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):.....

[05] Ngày, tháng, năm sinh (Đối với người nộp thuế là cá nhân, đại diện hộ gia đình):
.....

[06] Mã số thuế:

[07] Số định danh cá nhân/ Số hộ chiếu:.....

[08] Ngày cấp:..... [09] Nơi cấp:.....

[10] Địa chỉ:.....

[11] Xã/phường/đặc khu:..... [12] Tỉnh/thành phố:.....

[13] Điện thoại:..... [14] Fax:..... [15] Email:.....

[16] Tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):.....

[17] Mã số thuế:.....

[18] Địa chỉ:.....

[19] Xã/phường/đặc khu:..... [20] Tỉnh/thành phố:.....

[21] Điện thoại: [22] Fax: [23] Email:

[24] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
.....

[25] Mã số thuế:

[26] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: số:..... ngày.....

I. TÀI SẢN

1. Loại tài sản:

Số Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp (Đối với hồ sơ khai điện tử):
.....

2. Nhân hiệu:.....

3. Kiểu loại xe [Số loại hoặc tên thương mại hoặc mã kiểu loại (nếu không có Tên thương mại); tên thương mại và mã kiểu loại (nếu có) đối với ô tô]:.....

4. Nước sản xuất:.....

5. Năm sản xuất:.....

6. Thể tích làm việc/Công suất:.....

7. Trọng tải:.....

8. Số người cho phép chở (kể cả lái xe):.....

9. Chất lượng tài sản:.....

10. Số máy:.....

11. Số khung:.....
 12. Biên kiểm soát:.....
 13. Số đăng ký:.....
 14. Trị giá tài sản (đồng):.....
 (Viết bằng chữ:.....)
 15. Mẫu số hóa đơn:.....; 16. Ký hiệu hóa đơn:.....;
 17. Số hóa đơn:.....; 18. Ngày tháng năm:...../...../.....

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tài sản:
 - Tên tổ chức/cá nhân chuyển nhượng tài sản:
 - Mã số thuế:.....
 - Số định danh cá nhân/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):
 2. Địa chỉ:.....
 3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển nhượng tài sản: Ngày tháng năm

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do):.....

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

-
 -

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chức chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Hoặc

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY
 (Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
 điện tử/ Xác nhận điện tử)

Ghi chú:

Hướng dẫn kê khai các chỉ tiêu của Tờ khai lệ phí trước bạ - Mẫu số 02/LPTB - áp dụng đối với tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ (trừ nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Ghi ngày phát sinh khoản lệ phí trước bạ.

[02] Lần đầu: Tích vào ô lần đầu nếu khai lần đầu với trường hợp phát sinh mới.

[03] Bổ sung lần thứ: Điền số lần khai bổ sung.

[04] Tên người nộp thuế: Họ và tên chủ tài sản.

[05] Mã số thuế (nếu có): Ghi mã số thuế của chủ sở hữu, sử dụng tài sản đã được cấp (mã số thuế cá nhân hoặc mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức); trường hợp cá nhân chưa được cấp mã số thuế thì bỏ trống chỉ tiêu này, cơ quan thuế căn cứ các thông tin trên Tờ khai lệ phí trước bạ để cấp mã số thuế cho chủ sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định.

[06], [07], [08]: Ghi số, ngày cấp, nơi cấp số định danh cá nhân, số Hộ chiếu của chủ tài sản còn giá trị sử dụng.

[09], [10], [11] Địa chỉ: Ghi thông tin địa chỉ theo hướng dẫn như sau:

- Chủ tài sản là người Việt Nam:

+ Địa chỉ ghi theo nơi cư trú theo thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, số định danh cá nhân, số Hộ chiếu. Trường hợp chưa được cấp các giấy tờ nêu trên hoặc thông tin về nơi cư trú trên các giấy tờ này không phù hợp thì khai theo địa chỉ nơi cư trú đã được đăng ký theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc theo giấy tờ hợp pháp khác còn giá trị sử dụng hoặc;

+ Địa chỉ ghi theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; Giấy chứng minh quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng hoặc Giấy tờ hợp pháp theo quy định hoặc;

+ Địa chỉ theo trường học đối với học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện.

- Chủ tài sản là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam, địa chỉ được ghi theo thông tin về nơi cư trú đã được đăng ký theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc theo giấy tờ hợp pháp khác còn giá trị sử dụng.

- Chủ tài sản là người nước ngoài, cụ thể:

+ Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, ghi địa chỉ theo Chứng minh thư ngoại giao hoặc Chứng minh thư công vụ (còn giá trị sử dụng) hoặc theo Giấy tờ hợp pháp theo quy định.

+ Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam, ghi địa chỉ theo Hộ chiếu (còn giá trị sử dụng) hoặc giấy tờ khác có giá trị thay Hộ chiếu; Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ một năm trở lên và giấy phép lao động theo quy định hoặc Giấy tờ hợp pháp theo quy định.

- Chủ tài sản là tổ chức: Ghi theo địa chỉ của tổ chức.

[12] Điện thoại: Ghi số điện thoại nhận được tin nhắn thông báo của cơ quan thuế về Mã số hồ sơ và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp.

[13], [14]: Điền thông tin fax (nếu có), email của người sở hữu, sử dụng tài sản nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ của Cơ quan Thuế (đối với hồ sơ khai điện tử).

[15] Ghi tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật.

[16] Mã số thuế: Ghi mã số thuế của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (mã số thuế cá nhân hoặc mã số thuế của cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức).

[17] đến [19]: Ghi thông tin địa chỉ của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay.

[20] Điện thoại: Ghi số điện thoại của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (số điện thoại nhận được tin nhắn thông báo của cơ quan thuế về Mã số hồ sơ và số tiền lệ phí trước bạ phải nộp).

[21], [22]: Điền thông tin fax (nếu có), email của tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ của cơ quan thuế (đối với hồ sơ khai điện tử).

[23] Ghi tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế khai thay.

[24] Mã số thuế: Ghi mã số thuế của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế.

[25] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Ghi các thông tin về số hiệu và ngày ký kết hợp đồng giữa chủ sở hữu, sử dụng tài sản và tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế khai thay.

I. TÀI SẢN

1. Loại tài sản

Đối với phương tiện giao thông đường bộ: Ghi theo chỉ tiêu Loại phương tiện trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc từ thông tin loại phương tiện trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không và các tài sản khác: Căn cứ vào các giấy tờ do cơ quan đăng kiểm cấp, giấy tờ về mua bán, chuyển giao tài sản hoặc thông tin loại tài sản thể hiện trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền để ghi loại tài sản là vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, tàu thủy, thuyền, máy bay, du thuyền; súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao...

Số Giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp là Số hiệu của Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm cấp (chỉ khai đối với hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử).

2. Nhãn hiệu

Đối với phương tiện giao thông đường bộ: Ghi theo chỉ tiêu Nhãn hiệu trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc từ thông tin nhãn hiệu trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không, tài sản khác thì ghi theo thông tin tương ứng trên giấy tờ do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc để trống nếu giấy tờ không thể hiện thông tin này.

3. Kiểu loại xe

- Đối với phương tiện giao thông đường bộ:

+ Đối với xe ô tô: Lấy từ các chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name), Số loại (Model Code), Mã kiểu loại (Model code) trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại hoặc Sổ kiểm định do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc theo các thông tin tương ứng trên giấy tờ có liên quan của cơ quan có thẩm quyền, để ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc như sau “Tên thương mại (Mã kiểu loại)” hoặc “Số loại (Mã kiểu loại)”; trường hợp trên các giấy tờ nêu trên mà chỉ tiêu Mã kiểu loại (Model code) không có hoặc có nhưng để trống thì ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc “Tên thương mại” hoặc “Số loại”.

Ví dụ minh họa: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thể hiện thông tin của 3 kiểu loại xe ô tô như sau:

- Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): FORD, Tên thương mại (Commercial name): EVEREST, Mã kiểu loại (Model code): zNAV9KE thì ghi Kiểu loại xe là EVEREST (zNAV9KE).

- Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): GENESIS, Tên thương mại (Commercial name): G70, Mã kiểu loại (Model code): thì ghi Kiểu loại xe là G70.

- Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): TOYOTA, Số loại (Model Code): INNOVA TGN40L-GKMRKU thì ghi Kiểu loại xe là INNOVA TGN40L-GKMRKU.

+ Đối với các loại xe khác: Lấy từ các chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name), Số loại (Model Code) để ghi Kiểu loại xe theo cấu trúc như sau “Tên thương mại” hoặc “Số loại”.

Ví dụ minh họa: Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại xe mô tô, xe gắn máy có thông tin của 2 kiểu xe máy như sau:

- Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): HONDA, Số loại (Model Code): JA36 BLADE thì ghi Kiểu loại xe là JA36 BLADE.

- Xe có Nhãn hiệu (Trade mark): HARLEY-DAVIDSON, Tên Thương mại (Commercial name): SUPERLOW, Mã kiểu loại (Model code): XL883L thì ghi Kiểu loại xe là SUPERLOW.

+ Trường hợp chỉ tiêu Tên thương mại (Commercial name) không có thì ghi Kiểu loại xe theo Mã kiểu loại (Model code).

- Đối với phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không và tài sản khác thì không cần ghi thông tin này.

Từ chỉ tiêu 4 đến 13: Ghi theo các thông tin tương ứng trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe mới) hoặc Sổ kiểm định hoặc Giấy đăng ký phương tiện (đối với xe đã qua sử dụng) hoặc Giấy tờ có liên quan khác của cơ quan có thẩm quyền, trong đó:

6: Thể tích làm việc có đơn vị tính là cm^3 hoặc kw hoặc mã lực.

7: Trọng tải có đơn vị tính là kg và được lấy theo chỉ tiêu Khối lượng hàng chuyên chở (kéo theo) cho phép tham gia giao thông trên các giấy tờ đó, trường hợp giấy tờ của xe thể hiện cả 2 chỉ tiêu Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông và Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông thì lấy từ chỉ tiêu có giá trị lớn hơn.

9: Chất lượng tài sản ghi là “Mới” hoặc “Đã qua sử dụng”.

Trường hợp các giấy tờ nêu trên không có thông tin cần điền cho chỉ tiêu từ 4 đến 13 (trừ chỉ tiêu 9) thì để trống.

14. Trị giá tài sản (đồng): Ghi giá trị chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản (theo hóa đơn bán hàng hợp pháp, hợp đồng mua bán,...).

Từ chỉ tiêu 15 đến 18: Khai các chỉ tiêu này trong trường hợp nộp hồ sơ khai lệ phí trước bạ điện tử và sử dụng hóa đơn điện tử.

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tài sản: Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho người đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản; ghi Mã số thuế là mã số thuế cá nhân (nếu có) hoặc mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng.

2. Địa chỉ: Đối với cá nhân thì ghi theo địa chỉ thường trú đăng ký tại các giấy tờ định danh (Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc hộ chiếu...); đối với tổ chức thì ghi theo địa chỉ của tổ chức.

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển nhượng tài sản: Ghi ngày tháng năm lập hoặc ngày tháng năm ký kết thể hiện trên giấy tờ về chuyển nhượng tài sản hợp pháp.

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN ĐƯỢC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ: Ghi cụ thể lý do được miễn lệ phí trước bạ theo quy định.

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM: Ghi những giấy tờ kèm theo Tờ khai lệ phí trước bạ trong Hồ sơ khai lệ phí trước bạ theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Tháng ... năm ...
[01b] Quý ... năm ...
[01c] Từ ... đến ...
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế :.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
.....
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... ngày

I. Đối với kê khai phí:

STT	Loại phí	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(6)
	...					
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						

II. Đối với khai quyết toán phí:

STT	Loại phí	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)	(8)	(9)=(7)-(8)
	...							
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:
[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
.....
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: số:..... ngày.....

STT	Loại lệ phí	Đơn vị tiền	Số tiền lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)
	...		
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Phụ lục

**BẢNG PHÂN BỐ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN**

(Kèm theo Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp mẫu số 01/QT-LNCL)

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn phải nộp:

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:.....

[04] Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp NSNN trên tờ khai quyết toán:..... đồng

[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế:..... đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

[illegible]

STT	Tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, tên tỉnh nơi phát sinh doanh thu bán vé thực tế (khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính)	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn nơi có hoạt động kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn (%)	Số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp cho từng tỉnh theo quyết toán	Số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số lợi nhuận sau thuế còn lại đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số phải nộp và số đã tạm nộp trong năm	Số lợi nhuận sau thuế còn lại còn phải nộp cho từng tỉnh
			Xã/ phường/ đặc khu	Tỉnh								
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13] =[12]/ [05]* 100%	[14] =[04]*[13]	[15]	[16]	[17] = [14]- [16]	[18] = [14]- [15] - [16]
	doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>											
3	<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>											
...	...											
	Cộng theo từng tỉnh ... [19]											
	Cộng các tỉnh [20]											
	Tỉnh ... nơi đóng trụ sở chính [21] (= [04] - [20])											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:**1. Cột [07]**

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào chỉ tiêu xã/phường/đặc khu tại cột [07].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:* Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:* Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều xã/phường/đặc khu thì chọn 01 địa bàn xã/phường/đặc khu phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [07].

2. Cột [09] và ([10]: Kê khai địa bàn cấp xã/phường/đặc khu, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều xã/phường/đặc khu thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Thuế tỉnh, thành phố thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một xã/phường/đặc khu để kê khai vào chỉ tiêu này.

3. Cột [15]: NNT kê khai số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp kỳ này.

4. Cột [16]: NNT kê khai số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp đã tạm nộp trong năm tính thuế đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

[01] Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận:

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Kỳ tính cổ tức, lợi nhuận được chia của năm..., theo Nghị quyết/Quyết định số...

[05] Cổ tức được chia ☐ [06] Lợi nhuận được chia ☐

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:

[09] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[10] Mã số thuế:.....

[11] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên	[12]	
2	Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)	[13]	
3	Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[14]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu
có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Chi tiêu [01] “ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận” là ngày công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên bắt đầu thực hiện chi trả cổ tức, lợi nhuận.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI
NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Áp dụng đối với: ... (lựa chọn hoạt động phải khai riêng, nếu có)...

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại nộp ngân sách nhà nước:

Từ// đến//

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[07] Mã số thuế:.....

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[09]	
2	Các khoản phân phối, trích lập các quỹ, bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định được trừ ([10]=[11]+[12]+...+[17])	[10]	
2.1	Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)	[11]	
2.2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	[12]	
2.3	Xử lý chi phí theo quy định tại điểm a,b,c Khoản 1 Điều 25 Luật Quản lý vốn Nhà nước tại DN số 68/2025/QH15	[13]	
2.4	Trích quỹ đầu tư phát triển	[14]	
2.5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	[15]	
2.6	Trích lập các quỹ theo quy định	[16]	
2.7	Lợi nhuận còn lại sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định	[17]	
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp ([18]=[09]-[10])	[18]	
4	Số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[19]	
5	Số lợi nhuận sau thuế còn lại đã tạm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán	[20]	
6	Chênh lệch giữa số phải nộp của kỳ tính thuế và số đã tạm nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán ([21]=[18]-[20])	[21]	

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
7	Số lợi nhuận sau thuế còn lại còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán ([22]=[18]-[19]-[20])	[22]	

Tôi cam đoan số liệu, tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu, tài liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Ghi chú:

1. Tờ khai mẫu số 01/QT-LNCL được mặc định áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế có các hoạt động đặc thù "Hoạt động xố số kiến thiết, xố số điện toán" thì phải lựa chọn để khai riêng đối với hoạt động đặc thù đó.

2. Chi tiêu [19]: NNT kê khai số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp kỳ này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... năm

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)=(4)-(6)
	...					
Tổng cộng		x		x		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU**

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(6)	(8)	(9)=(7)-(8)
	...							
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC
VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Ghi chú:

Cột (8): Số đã kê khai trong kỳ được tổng hợp từ chỉ tiêu (7) trên tờ khai mẫu số 01/PHLPNG đã nộp cho cơ quan thuế của các kỳ tính thuế theo quý trong năm.

**PHỤ LỤC BẢNG KÊ PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
PHẢI NỘP THEO TỪNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU**
(Kèm theo tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác mẫu số 02/PHLPNG)
[01] Kỳ tính thuế: Năm....

[02] Người nộp thuế:
[03] Mã số thuế:

STT	Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)=(5)-(7)	(9)
Tổng cộng theo từng loại phí, lệ phí và các khoản thu khác		...	...					
TỔNG CỘNG								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số
liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn
về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu
có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CÁC KHOẢN THU TỪNG LẦN PHÁT SINH THUỘC NƯỚC CHỦ NHÀ

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế người nộp thuế:

[06] Hợp đồng dầu khí lô:

[07] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[08] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Tiền thu hoa hồng chữ ký	[11]	USD; VND	
2	Tiền thu hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí	[12]	USD; VND	
3	Tiền thu hoa hồng sản xuất	[13]	USD; VND	
4	Tiền đền bù do không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí	[14]	USD; VND	
5	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí	[15]	USD; VND	
6	Các khoản thu của nước chủ nhà đối với Lô PM3	[16]	USD; VND	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên

môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [04]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Lô...).

SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/TAIN-PSC, Tờ khai mẫu số 02/TK-VSP)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: năm.....

[05] Tên người nộp thuế:
[06] Mã số thuế:
[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....
[08] Mã số thuế:

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m ³)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên (USD)	Doanh thu (USD)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- *Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.*

PHỤ LỤC
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ
(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 01/TK-PSC, 02/TAIN-PSC, 02/TNDN-PSC)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ... hoặc tháng ... năm ... hoặc năm ...

[05] Tên người nộp thuế:
[06] Mã số thuế:
[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Số thuế tài nguyên phải nộp:USD vàVND.....
[10] Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:USD vàVND.....

STT	Nhà thầu dầu khí		Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp			Thuế TNDN phát sinh phải nộp			Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu	Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phải nộp bằng USD	Số thuế phải nộp bằng VND	Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phải nộp bằng USD	Số thuế phải nộp bằng VND	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									
4									
Tổng cộng			100,xxxxx%			100,xxxxx%			

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chúng tôi chuyên môn về thuế số:..... (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.

Mẫu số: 02/PL-DK
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày
30/06/2026 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN

(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-VSP; 02/LNCN-PSC)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ... hoặc tháng ... năm ... hoặc năm ...

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm, khí thiên nhiên là tháng/năm)

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế người nộp thuế:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[08] Mã số thuế:

[illegible]

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam (Lô...).
- Trường hợp một Người nộp thuế khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP, THUẾ TÀI NGUYÊN
ĐỐI VỚI DẦU KHÍ**

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ... hoặc tháng ... năm ...
[05] Lần xuất bán thứ: ...
[06] Lần đầu ☐ [07] Bổ sung lần thứ: ☐
[08] Xuất khẩu ☐ [09] Xuất bán tại Việt Nam ☐
[10] Ngày xuất hóa đơn: .../.../...

[11] Tên người nộp thuế:
[12] Mã số thuế:
[13] Hợp đồng dầu khí lô:
[14] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[15] Mã số thuế:
[16] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:[17] ngày:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[18]	Thùng; MMBTU; GJ	
2	Sản lượng dầu thô, condensate, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi $[18a]=[18] \times [18b]$	[18a]	Tấn; m ³	
3	Hệ số quy đổi	[18b]	Thùng/tấn; MMBTU/m ³ ; GJ/m ³	
4	Giá tính thuế	[19]	USD/Thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
5	Doanh thu $[20]=[18] \times [19]$	[20]	USD	
6	Tỷ lệ thanh toán bằng USD	[21]	%	
7	Tỷ giá khai thuế quy đổi	[22]	VND/USD	
I	Xác định nghĩa vụ thuế tài nguyên			
8	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[23]	%	
9	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp $[24]=[20] \times [23]$	[24]	USD	
10	Số thuế tài nguyên nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang (nếu có)	[25]	USD	

11	Số thuế tài nguyên phải nộp sau khi bù trừ với số thuế nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[26]=[24]-[25]$	[26]	USD	
11.1	Số thuế tài nguyên phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[27]=[26] \times [21]$	[27]	USD	
11.2	Số thuế tài nguyên phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[28]=([26]-[27]) \times [22]$	[28]	VND	
-	Số thuế tài nguyên bằng VND quy đổi sang USD $[29]=[28]/[22]$	[29]	USD	
II	Xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp			
13	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[30]	%	
14	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	USD	
15	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[32]	%	
16	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp $[33]=[20] \times [30] + [31] \times [32]$	[33]	USD	
17	Số thuế TNDN được miễn hoặc giảm (nếu có)	[34]	USD	
18	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) $[35]=[33]-[34]$	[35]	USD	
19	Số thuế TNDN nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang (nếu có)	[36]	USD	
20	Số thuế TNDN phải nộp sau khi bù trừ với số thuế nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[37]=[35]-[36]$	[37]	USD	
21.1	Số thuế TNDN phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[38]=[37] \times [21]$	[38]	USD	
21.2	Số thuế TNDN phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[39]=([37]-[38]) \times [22]$	[39]	VND	
	Số thuế TNDN bằng VND quy đổi sang USD $[40]=[39]/[22]$	[40]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- Chi tiêu [25], Người nộp thuế khai số thuế tài nguyên nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang còn được bù trừ hoặc còn được hoàn.
- Chi tiêu [36], Người nộp thuế khai số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang còn được bù trừ, hoặc còn được hoàn
- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHỤ THU

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐

[03] Kỳ tính thuế: Quý thứ ... năm ...

[04] Lần đầu ☐ [05] Bổ sung lần thứ: ...

[06] Tên người nộp thuế:

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dầu khí lô:

[09] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có)

[10] Mã số thuế:

[11] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:[12] Ngày

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Sản lượng dầu lõi được chia theo quý	[13]	Thùng	
2	Giá cơ sở của năm	[14]	USD/thùng	
3	Giá bán dầu thô trung bình của quý	[15]	USD/thùng	
4	Số phụ thu phải nộp	[16]	USD	
5	Số phụ thu theo quyết toán kỳ trước chuyển sang (nếu có)	[17]	USD	
6	Số phụ thu phải nộp sau khi bù trừ với số nộp thừa theo quyết toán kỳ trước [18]=[16]-[17]	[18]	USD	
6.1	Số phụ thu phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD	[18.1]	USD	
6.2	Số phụ thu phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND	[18.2]	VND	
a	Tỷ giá quy đổi	[19]	VND/USD	
b	Số phụ thu phải nộp bằng VND quy đổi sang USD [20]=[18.2]/[19]	[20]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:..... (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [13] do người nộp phụ thu tự xác định
- Chỉ tiêu [17], Người nộp thuế khai số phụ thu nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang còn được bù trừ, hoặc còn được hoàn
- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỐI VỚI TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: ngày ... tháng ... năm ... hoặc tháng ... năm ...
[05] Lần xuất bán thứ ☐
[06] Lần đầu ☐ [07] Bổ sung lần thứ: ☐
[08] Xuất khẩu ☐ [09] Xuất bán tại Việt Nam ☐
[10] Ngày xuất hóa đơn: .../.../...

[11] Tên người nộp thuế:
[12] Mã số thuế người nộp thuế:
[13] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:
[14] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:
[15] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[16] Mã số thuế:
[17] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày ... tháng ... năm

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[18]	Thùng/MMBTU/GJ	
2	Sản lượng dầu thô, condensate, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi [19] = [18]x[20]	[19]	Tấn/m ³	
3	Hệ số quy đổi	[20]	Tấn/thùng; MMBTU/m ³ ; GJ/m ³	
4	Giá bán	[21]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
5	Doanh thu thực hiện [22] = [18]x[21]	[22]	USD	
6	Thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	[23]	USD	
7	Thuế xuất khẩu phải nộp	[24]	USD	
8	Các loại thuế khác, khoản thu khác phải nộp NSNN (nếu có)	[25]	USD	
9	Dầu, khí thu hồi chi phí	[26]	USD	
10	Chi phí được trừ khác của PSC	[27]	USD	
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN [28]=[22]-{[23]+[24]+[25]+[26]+[27]}	[28]	USD	
12	Thuế suất thuế TNDN	[29]	%	

13	Thuế TNDN tạm tính $[30]=[28] \times [29]$	[30]	USD	
14	Lãi dầu, khí sau thuế tạm tính $[31]=[28]-[30]$	[31]	USD	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[32]	%	
16	Lãi dầu, khí sau thuế của nước chủ nhà $[33]=[31] \times [32]$	[33]	USD	
17	Chi phí được trừ khác của nước chủ nhà tại PSC theo pháp luật dầu khí	[34]	USD	
18	Thu nhập khác/các khoản chia khác của nước chủ nhà	[35]	USD	
19	Phí quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí theo quy định	[36]	USD	
20	Lãi dầu, khí nước chủ nhà còn lại của Hợp đồng dầu khí $[37]=\{[33]-[34]-[36]\}+[35]$	[37]	USD	
21	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước	[38]	%	
22	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[39]	%	
23	Số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước $[40]=([33]-[34]-[36]) \times [38] + [35]$	[40]	USD	
24	Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN $[41]=[39] \times ([33]-[34]-[36])$	[41]	USD	
25	Số tiền LNCN nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang (nếu có)	[42]	USD	
26	Số tiền phải nộp sau khi bù trừ với số quyết toán chuyển sang $[43]=[40]-[42]$	[43]	USD	
26.1	Số tiền LNCN tạm tính bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[44]=[43] \times [47]$	[44]	USD	
26.2	Số tiền LNCN tạm tính bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[45]=([43]-[44]) \times [48]$	[45]	VND	
-	Số tiền LNCN tạm tính bằng VND quy đổi sang USD $[46]=[45]/[48]$	[46]	USD	
26	Tỷ lệ thanh toán bằng USD	[47]		
27	Tỷ giá khai thuế quy đổi	[48]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)/Ký điện tử

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [11]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam (Lô...).
- Chỉ tiêu [42], Người nộp thuế khai số tiền lãi nước chủ nhà còn được bù trừ hoặc còn được hoàn
- Trường hợp Người nộp thuế khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam, PSC: Hợp đồng dầu khí

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU

[01] Dự án dầu khí khuyến khích đầu tư: ☐

[02] Dự án dầu khí thông thường: ☐

[03] Dầu thô: ☐

[04] Condensate: ☐

[05] Kỳ tính thuế: Năm

[06] Lần đầu ☐

[07] Bổ sung lần thứ: ...

[08] Tên người nộp thuế:.....

[09] Mã số thuế:.....

[10] Hợp đồng dầu khí lô:.....

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..[14] ngày...Tháng...năm.....

ST T	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Giá cơ sở của năm	[15]	USD/thùng	
2	Sản lượng dầu lõi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[16]	thùng	
	b) Quý II:	[17]	thùng	
	c) Quý III:	[18]	thùng	
	d) Quý IV:	[19]	thùng	
3	Giá bán dầu thô trung bình theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[20]	USD/thùng	
	b) Quý II:	[21]	USD/thùng	
	c) Quý III:	[22]	USD/thùng	
	d) Quý IV:	[23]	USD/thùng	
4	Số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế [24]=[25]+[26]+[27]+[28]	[24]	USD	
	a) Quý I	[25]	USD	
	b) Quý II	[26]	USD	
	c) Quý III	[27]	USD	

	d) Quý IV	[28]	USD	
6	Số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế: [29]=[30]+[31]+[32]+[33]	[29]	USD	
	a) Quý I	[30]	USD	
	b) Quý II	[31]	USD	
	c) Quý III	[32]	USD	
	d) Quý IV	[33]	USD	
7	Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [34] = [24]-[29]	[34]	USD	
8	Số phụ thu nộp thừa của kỳ tính thuế trước (nếu có)	[35]	USD	
9	Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong kỳ tính thuế: [36] = [34]-[35]	[36]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN ĐỐI VỚI TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: Năm ...

[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ: ☐

[7] Tên người nộp thuế:

[8] Mã số thuế người nộp thuế:

[9] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:.....

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[12] Mã số thuế:.....

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:ngày:.....

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[14]	Thùng/MMBTU/GJ	
2	Sản lượng dầu thô, condensate, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi [15]=[14]x[16]	[15]	Tấn/m3	
3	Hệ số quy đổi	[16]	Tấn/thùng; MMBTU/m3; GJ/m3	
4	Giá bán	[17]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế [18]=[14]x[17]	[18]	USD	
6	Thuế tài nguyên phải nộp	[19]	USD	
7	Thuế xuất khẩu phải nộp	[20]	USD	
8	Các loại thuế khác, khoản thu khác phải nộp NSNN (nếu có)	[21]	USD	
9	Dầu, khí thu hồi chi phí	[22]	USD	
10	Chi phí được trừ khác của PSC	[23]	USD	
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN [24]=[18]-{[19]+ [20]+ [21]+ [22]+ [23]}	[24]	USD	
12	Thuế suất thuế TNDN	[25]	%	
13	Thuế TNDN phải nộp [26]=[24]x[25]	[26]	USD	

14	Lãi dầu, khí sau thuế [27]=[24]-[26]	[27]	USD	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[28]	%	
16	Lãi dầu, khí sau thuế của nước chủ nhà [29]= [27] x [28]	[29]	USD	
17	Chi phí được trừ khác của nước chủ nhà tại PSC theo pháp luật dầu khí	[30]	USD	
18	Thu nhập khác/các khoản chia khác của nước chủ nhà	[31]	USD	
19	Phí quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí theo quy định	[32]	USD	
20	Lãi dầu, khí nước chủ nhà còn lại của Hợp đồng dầu khí [33]={ [29]-[30]-[32]}+[31]	[33]	USD	
21	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách	[34]	%	
22	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[35]	%	
23	Số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước [36]=([29]-[30]-[32])x[34] + [31]	[36]	USD	
24	Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [37] = [35] x ([29]-[30]-[32])	[37]	USD	
25	Số tiền lãi dầu, khí NCN tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[38]	USD	
26	Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã nộp trong kỳ [39] = [36] - [38]	[39]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chúng tôi nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)/Ký điện tử

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [7]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Lô...)
- Trường hợp NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: đô la Mỹ; PSC: Hợp đồng dầu khí

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: năm
[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ ☐

[07] Tên người nộp thuế:
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng dầu khí lô:
[10] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....
[11] Mã số thuế:
[12] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... [13] ngày ... tháng ... năm

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[14]	Ngày	
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[15]	Thùng; m ³	
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[16]	Thùng; m ³	
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [17]=[17a]+[17b]	[17]	Thùng; m ³	
3.1	- Xuất khẩu	[17a]	Thùng; m ³	
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[17b]	Thùng; m ³	
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [18]=[15]+[16]-[17]	[18]	Thùng; m ³	
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [19]=[16]/[14]	[19]	Thùng; m ³	
III	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[20]	USD	

IV	Tỷ lệ thuế tài nguyên bằng dầu khí trong kỳ tính thuế	[21]	%	
V	Thuế tài nguyên tính bằng dầu khí			
1	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán kỳ tính thuế trước chuyển sang	[22]	Thùng; m ³	
2	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế [23]=[16]x[21]	[23]	Thùng; m ³	
3	Thuế tài nguyên bằng dầu khí bán trong kỳ tính thuế [24]=[22]+([17]-[15]) x [21]	[24]	Thùng; m ³	
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán chuyển sang kỳ tính thuế sau [25]=[22]+[23]-[24]	[25]	Thùng; m ³	
VI	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[20]/[17]	[26]	(USD)/(thùng; m ³)	
VII	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [27]=[28]+[29]	[27]	USD	
1	Số tiền thuế tài nguyên kỳ trước chuyển sang [28]=[22]x[26]	[28]	USD	
2	Số tiền thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế [29]=([24]-[22])x[26]	[29]	USD	
VIII	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[30]	USD	
IX	Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [31]=[27]-[30]	[31]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:

....., ngày..... tháng..... năm.....
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP
PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế năm:

[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ: ☐

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có)

[11] Mã số thuế:

[12] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... ngày ... tháng ... năm

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[13]	USD	
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[14]	USD	
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [15] = [15a] + [15b]	[15]	USD	
3.1	+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán	[15a]	USD	
3.2	+ Chi phí được trừ khác	[15b]	USD	
4	Tổng chi phí đã thu hồi lũy kế đến hết năm quyết toán	[16]	USD	
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [17] = [14] - [16]	[17]	USD	
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [18] = [13] - [15]	[18]	USD	
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[19]	USD	
8	Tổng thu nhập chịu thuế [20] = [18] + [19]	[20]	USD	

9	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[21]	%	
B	Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác			
10	Thu nhập chịu thuế hoạt động khác	[22]	USD	
11	Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	[23]	%	
C	Xác định thuế TNDN phải nộp			
12	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [24]=[20]x[21]+[22]x[23]	[24]	USD	
13	Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn hoặc giảm	[25]	USD	
14	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán [26]=[24]-[25]	[26]	USD	
15	Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đã kê khai trong kỳ	[27]	USD	
16	Chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [28]=[26]-[27]	[28]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số

.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [07]: Tên người nộp thuế là tên người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, công ty điều hành chung.
- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: đô la Mỹ;.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia Hợp đồng dầu khí của tổ chức
tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Mã số thuế thực hiện kê khai nộp thuế:.....

Bên chuyển nhượng quyền lợi:

[05] Tên tổ chức chuyển nhượng:

[06] Mã số thuế (nếu có):

[07] Địa chỉ trụ sở chính:

[08] Hợp đồng dầu khí lô:

[09] Hợp đồng chuyển nhượng số ngày

Bên nhận chuyển nhượng:

[10] Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận chuyển nhượng:

[11] Địa chỉ trụ sở chính:

[12] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp):.....

[13] Mã số thuế hoặc số căn cước công dân, số hộ chiếu (đối với cá nhân):

[14] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[15] Mã số thuế:.....

[16] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... ngày

[17] Tên tổ chức bị chuyển nhượng tại Việt Nam:

[18] Mã số thuế:.....

[19] Địa chỉ trụ sở chính:

[20] Hợp đồng dầu khí lô:

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tỷ lệ quyền lợi chuyển nhượng	[21]	%	
2	Giá chuyển nhượng	[22]	USD; VND	
3	Giá mua của phần quyền lợi chuyển nhượng	[23]	USD; VND	
4	Chi phí chuyển nhượng	[24]	USD; VND	
5	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền lợi [25]=[22]-[23]-[24]	[25]	USD; VND	
5	Thuế suất	[26]	%	

6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [27]=[25]x[26]	[27]	USD; VND	
---	---	------	----------	--

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/TAIN-PSC, Tờ khai mẫu số 02/TK-VSP)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: năm.....

[05] Tên người nộp thuế:
[06] Mã số thuế:
[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....
[08] Mã số thuế:

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m ³)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên (USD)	Doanh thu (USD)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Mẫu số: **02/PL-DK**
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày
30/06/2026 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN

(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-VSP; 02/LNCN-PSC)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ... hoặc tháng ... năm ... hoặc năm ...

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm, khí thiên nhiên là tháng/năm)

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế người nộp thuế:

[07] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[08] Mã số thuế:

[illegible]

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM
THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [05]: Tên người nộp thuế là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam (Lô...).

- Trường hợp một Người nộp thuế khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHỤ THU, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại)
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: ngày ... tháng ... năm ...

[05] Kỳ kết dư: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

[06] Khai lần đầu ☐ [07] Khai bổ sung lần thứ:

[08] Tên người nộp thuế:

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng dầu khí lô:

[11] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[12] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:/...../.....

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại	[15]	USD	
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại	[16]	USD	
3	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	[17]	USD/thùng	
4	Sản lượng dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu, condensate để lại [18] = [15]/[17]	[18]	Thùng	
5	Giá dầu thô cơ sở	[19]	USD/thùng	
6	Số phụ thu tạm tính phải nộp	[20]	USD	
7	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu, condensate, để lại [21]=[15]-[20]	[21]	USD	
8	Thuế suất thuế TNDN	[22]	%	

9	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp từ tiền kết dư phần dầu, condensate để lại $[23] = [22] \times [21]$	[23]	USD	
10	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp từ tiền kết dư phần khí thiên nhiên để lại $[24] = [22] \times [16]$	[24]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử

Ghi chú:

- Chỉ tiêu số [04]- Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản tiền sử dụng không hết.

- Chỉ tiêu số [05]- Kỳ kết dư là khoảng thời gian Vietsovpetro xác định khoản tiền sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh quyết nghị.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHỤ THU, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại)
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: ngày ... tháng ... năm ...

[05] Kỳ kết dư: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

[06] Khai lần đầu ☐ [07] Khai bổ sung lần thứ:

[08] Tên người nộp thuế:

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng dầu khí lô:

[11] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[12] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:/...../.....

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại	[15]	USD	
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại	[16]	USD	
3	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	[17]	USD/thùng	
4	Sản lượng dầu lõi từ tiền kết dư của phần dầu, condensate để lại [18] = [15]/[17]	[18]	Thùng	
5	Giá dầu thô cơ sở	[19]	USD/thùng	
6	Số phụ thu tạm tính phải nộp	[20]	USD	
7	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu, condensate, để lại [21]=[15]-[20]	[21]	USD	
8	Thuế suất thuế TNDN	[22]	%	

9	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp từ tiền kết dư phần dầu, condensate để lại $[23] = [22] \times [21]$	[23]	USD	
10	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp từ tiền kết dư phần khí thiên nhiên để lại $[24] = [22] \times [16]$	[24]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử

Ghi chú:

- Chỉ tiêu số [04]- Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm Hội đồng Liên doanh ra quyết nghị khoản tiền sử dụng không hết.

- Chỉ tiêu số [05]- Kỳ kết dư là khoảng thời gian Vietsovetro xác định khoản tiền sử dụng không hết để báo cáo Hội đồng Liên doanh quyết nghị.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ
(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

- [01] Lô 09.1 ☐ [02] Lô khác ☐
[03] Dầu thô ☐ [04] Condensate ☐ [05] Khí thiên nhiên ☐
[06] Kết dư dầu ☐ [07] Kết dư condensate ☐ [08] Kết dư khí ☐
[09] Lãi dầu từ Lô khác ☐ [10] Lãi condensate từ Lô khác ☐ [11] Lãi khí từ Lô khác ☐
[12] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ... hoặc tháng ... năm ...
[13] Lần đầu ☐ [14] Bổ sung lần thứ: ☐
[15] Xuất khẩu ☐ [16] Xuất bán tại Việt Nam ☐
[17] Ngày xuất hóa đơn: .../.../...

- [18] Tên người nộp thuế (Lô 09.1):.....
[19] Mã số thuế:.....
[20] Hợp đồng dầu khí lô:
[21] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:.....
[22] Tên người nộp thuế (Lô khác):.....
[23] Mã số thuế:.....
[24] Hợp đồng dầu khí lô:
[25] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:
[26] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....
[27] Mã số thuế:.....
[28] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:.....

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán (Lô 09.1)			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[29]	Thùng; MMBTU; GJ	
2	Sản lượng dầu thô, condensate, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi $[30]=[29] \times [31]$	[30]	Tấn/m3	
3	Hệ số quy đổi	[31]	Thùng/tấn; MMBTU/m3; MMBTU/GJ	

4	Giá bán	[32]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
5	Doanh thu thực hiện $[33]=[29] \times [32]$	[33]	USD	
6	Thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	[34]	USD	
7	Thuế xuất khẩu/ Thuế đặc biệt tạm tính phải nộp	[35]	USD	
8	Số phụ thu tạm tính phải nộp	[36]	USD	
9	Các loại thuế khác (nếu có)	[37]	USD	
10	Chi phí để lại theo kế hoạch	[38]	USD	
11	Lợi nhuận trước thuế $[39]=[33]-[34]-[35]-[36]-[37]-[38]$	[39]	USD	
12	Thuế suất thuế TNDN	[40]	%	
13	Thuế TNDN tạm tính $[41] = [39] \times [40]$	[41]	USD	
14	Lợi nhuận sau thuế $[42]=[39]-[41]$	[42]	USD	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[43]	%	
16	Tiền lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà $[44]=[42] \times [43]$	[44]	USD	
17	Thu nhập khác/các khoản chia khác của nước chủ nhà	[45]	USD	
18	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách	[46]	%	
19	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[47]	%	
20	Số tiền tạm tính nộp trực tiếp vào ngân sách $[48]=[44] \times [46] + [45]$	[48]	USD	
21	Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN $[49] = [44] \times [47]$	[49]	USD	
22	Số tiền lãi dầu, khí nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang (nếu có)	[50]	USD	
23	Số tiền lãi dầu, khí sau khi bù trừ với số thuế nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[51]=[48]-[50]$	[51]	USD	
23.1	Số tiền tạm tính bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[52]=[51] \times [55]$	[52]	USD	
23.2	Số tiền tạm tính bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[53]=([51]-[52]) \times [56]$	[53]	VND	

-	Số tiền tạm tính bằng VND quy đổi sang USD [54]=[53]/[56]	[54]	USD	
24	Tỷ lệ thanh toán bằng USD	[55]	%	
25	Tỷ giá khai thuế quy đổi	[56]	VND/USD	
II	Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư (Lô 09.1)		USD	
1	Số tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại	[57]	USD	
1.1	Tiền kết dư phần dầu, condensate, khí để lại theo giá kế hoạch không sử dụng hết	[58]	USD	
1.2	Tiền kết dư phần chênh lệch giá dầu khí thực tế cao hơn giá kế hoạch	[59]	USD	
2	Số phụ thu tạm tính phải nộp	[60]	USD	
3	Thuế TNDN tạm tính	[61]	USD	
4	Lợi nhuận sau thuế [62]=[57]-[60]-[61]	[62]	USD	
5	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[63]	%	
6	Tiền lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà [64]=[62]x[63]	[64]	USD	
6.1	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[65]	%	
6.2	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách	[66]	%	
7	Số tiền tạm tính nộp về Công ty mẹ - PVN [67] =[64] x [65]	[67]	USD	
8	Số tiền tạm tính nộp trực tiếp vào ngân sách [68] = [64] x [66]	[68]	USD	
III	Tiền lãi dầu khí từ hoạt động dầu khí tại các Lô khác			
1	Tổng sản lượng dầu khí xuất bán (phần của Liên doanh Vietsovpetro)	[69]	Thùng; MMBTU/GJ	
2	Giá bán	[70]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
3	Doanh thu [71]=[69]x[70]	[71]	USD	
4	Các loại thuế và khoản thu phải nộp	[72]	USD	
5	Chi phí thu hồi	[73]	USD	
6	Chi phí được trừ khác	[74]	USD	

7	Lợi nhuận trước thuế [75] = [71]-[72]-[73]-[74]	[75]	USD	
8	Thuế TNDN phải nộp	[76]	USD	
9	Lợi nhuận sau thuế của Liên doanh	[77]	USD	
10	Trích quỹ	[78]	USD	
11	Lợi nhuận sau trích quỹ	[79]	USD	
12	Lãi dầu khí chia cho phía Việt Nam tạm tính	[80]	USD	
13	Số tiền lãi dầu khí nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang	[81]	USD	
14	Số tiền lãi dầu khí sau khi bù trừ với số nộp thừa theo quyết toán kỳ trước [82]=[80]-[81]	[82]	USD	
14.1	Số tiền tạm tính bằng USD đối với thanh toán bằng USD	[83]	USD	
14.2	Số tiền tạm tính bằng VND đối với thanh toán bằng VND	[84]	VND	
-	Số tiền tạm tính bằng VND quy đổi sang đồng USD [85]=[84]/[86]	[85]	USD	
15	Tỷ giá khai thuế quy đổi	[86]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- Chỉ tiêu [50], [81]: Người nộp thuế khai số tiền LNCN còn được bù trừ hoặc còn được hoàn.
- Trường hợp Liên doanh VSP kê khai tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán tại Lô 09.1/tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư thì Liên doanh kê khai chỉ tiêu [18], [19],[20], [21].
- Trường hợp Liên doanh VSP kê khai tiền lãi dầu khí từ hoạt động dầu khí tại các lô khác thì Liên doanh kê khai chỉ tiêu [22], [23], [24], [25].
- USD: đồng đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM -
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ VÀ PHỤ THU PHÁT SINH TRONG NĂM
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: Ngày ... tháng ... năm ... Hoặc tháng ... năm ...
[05] Lần xuất bán thứ: ...
[06] Lần đầu ☐ [07] Bổ sung lần thứ: ...
[08] Xuất khẩu ☐ [09] Xuất bán tại Việt Nam ☐
[10] Ngày xuất hóa đơn:/...../.....

[11] Tên người nộp thuế:
[12] Mã số thuế:
[13] Hợp đồng dầu khí lô:
[14] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:
[15] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
[16] Mã số thuế:
[17] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... [18] ngày:.....

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[19]	Thùng;MMBTU	
1.1	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi $[20]=[19] \times [21]$	[20]	Tấn; m ³ ; Gj	
1.2	Hệ số quy đổi	[21]	Thùng/tấn; MMBTU/m ³ ; GJ/m ³	
3	Giá tính thuế	[22]	USD/thùng; USD/MMBTU/; USD/GJ	
4	Doanh thu $[23]=[19] \times [22]$	[23]	USD	
5	Tỷ giá khai thuế quy đổi	[24]	VND/USD	
6	Tỷ lệ dầu để lại theo kế hoạch	[25]	%	
7	Tỷ lệ thanh toán bằng USD	[26]	%	
8	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[27]	%	
9	Tỷ lệ thuế đặc biệt/xuất khẩu tạm tính	[28]	%	

10	Sản lượng dầu lõi tạm tính $[29] = [19] \times [27] - [19] \times [25]$	[29]	Thùng	
11	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp $[30] = [23] \times [27]$	[30]	USD	
12	Số tiền thuế tài nguyên nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang	[31]	USD	
13	Số thuế tài nguyên phải nộp sau khi bù trừ với số thuế nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[32] = [30] - [31]$	[32]	USD	
13.1	Số thuế tài nguyên phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[33] = [32] \times [26]$	[33]	USD	
13.2	Số thuế tài nguyên phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[34] = ([32] - [33]) \times [24]$	[34]	VND	
-	Số thuế tài nguyên bằng VND quy đổi sang đồng USD $[35] = [34] / [24]$	[35]	USD	
14	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính phải nộp $[36] = [23] \times [28]$	[36]	USD	
15	Số tiền thuế đặc biệt nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang	[37]	USD	
16	Số thuế đặc biệt phải nộp sau khi bù trừ với số thuế nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[38] = [36] - [37]$	[38]	USD	
16.1	Số thuế đặc biệt phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[39] = [38] \times [26]$	[39]	USD	
16.2	Số thuế đặc biệt phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[40] = ([38] - [39]) \times [24]$	[40]	VND	
-	Số thuế đặc biệt phải nộp bằng VND quy đổi sang đồng USD $[41] = [40] / [24]$	[41]	USD	
17	Số phụ thu tạm tính phải nộp	[42]	USD	
18	Số tiền phụ thu nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang	[43]	USD	
19	Số tiền phụ thu sau khi bù trừ với số nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[44] = [42] - [43]$	[44]	USD	
19.1	Số phụ thu phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[45] = [44] \times [26]$	[45]	USD	

19.2	Số phụ thu phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[46] = ([44] - [45]) \times [24]$	[46]	VND	
-	Số phụ thu phải nộp bằng VND quy đổi sang đồng USD $[47] = [46] / [24]$	[47]	USD	
20	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp	[48]	USD	
21	Số tiền thuế TNDN nộp thừa theo quyết toán kỳ trước chuyển sang	[49]	USD	
22	Số tiền thuế TNDN sau khi bù trừ với số thuế nộp thừa theo quyết toán kỳ trước $[50] = [48] - [49]$	[50]	USD	
22.1	Số thuế TNDN phải nộp bằng USD đối với thanh toán bằng USD $[51] = [50] \times [26]$	[51]	USD	
22.2	Số thuế TNDN phải nộp bằng VND đối với thanh toán bằng VND $[52] = ([50] - [51]) \times [24]$	[52]	VND	
-	Số thuế TNDN phải nộp bằng VND quy đổi sang đồng USD $[53] = [52] / [24]$	[53]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chức chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế

số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- Chỉ tiêu [31],[37], [43]:[49]: Người nộp thuế khai số tiền thuế và khoản thu còn được bù trừ hoặc còn được hoàn.
- USD: đồng đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện
tử)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
(Áp dụng đối với tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại)
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: Năm

[05] Khai lần đầu ☐ [06] Khai bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:.....

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:.....

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[12] Mã số thuế:.....

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:.....

STT	Chi tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu phải nộp đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại.	[14]	USD	
2	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ số tiền kết dư phần dầu để lại đã kê khai trong kỳ tính thuế	[15]	USD	
3	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế [16]=[14]-[15]	[16]	USD	
4	Tổng thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí thiên nhiên để lại	[17]	USD	
5	Thuế suất thuế TNDN	[18]	%	
6	Tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí thiên nhiên để lại [19]=[18]x[17]	[19]	USD	
7	Tổng số tiền thuế TNDN từ tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí thiên nhiên để lại tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[20]	USD	

8	Chênh lệch giữa số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán với số thuế TNDN đã kê khai trong kỳ tính thuế [21]=[19]-[20]	[21]	USD	
---	---	------	-----	--

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh khai thác đồng thời dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: đô la Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ
(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Lô 09.1 ☐ [02] Lô khác ☐
[03] Dầu thô ☐ [04] Condensate ☐ [05] Khí thiên nhiên ☐
[06] Kết dư dầu ☐ [07] Kết dư condensate ☐ [08] Kết dư khí ☐
[09] Lãi dầu từ Lô khác ☐ [10] Lãi condensate từ Lô khác ☐ [11] Lãi khí từ Lô khác ☐
[12] Kỳ tính thuế: Năm ...
[13] Lần đầu ☐ [14] Bổ sung lần thứ: ☐

[15] Tên người nộp thuế (Lô 09.1):.....

[16] Mã số thuế:.....

[17] Hợp đồng dầu khí lô:

[18] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[19] Tên người nộp thuế (Lô khác):.....

[20] Mã số thuế:.....

[21] Hợp đồng dầu khí lô:

[22] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:.....

[23] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[24] Mã số thuế:.....

[25] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán (Lô 09.1)			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[26]	Thùng; MMBTU	
2	<i>Sản lượng dầu thô, condensate, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi [27] = [26]x[28]</i>	[27]	Tấn/m3/GJ	
3	<i>Hệ số quy đổi</i>	[28]	Thùng/tấn; MMBTU/m3; MMBTU/GJ	
4	Giá bán	[29]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
5	Doanh thu thực hiện [30] = [26]x[29]	[30]	USD	

6	Thuế tài nguyên phải nộp	[31]	USD	
7	Thuế xuất khẩu/ Thuế đặc biệt phải nộp	[32]	USD	
8	Số phụ thu phải nộp	[33]	USD	
9	Các loại thuế khác (nếu có)	[34]	USD	
10	Chi phí để lại theo thực tế	[35]	USD	
11	Lợi nhuận trước thuế $[37]=[30]-[31]-[32]-[33]-[34]-[35]$	[37]	USD	
12	Thuế suất thuế TNDN	[38]	%	
13	Thuế TNDN phải nộp $[39] = [37] \times [38]$	[39]	USD	
14	Lợi nhuận sau thuế theo quyết toán $[40]=[37]-[39]$	[40]	USD	
15	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[41]	%	
16	Tiền lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà phải nộp theo quyết toán $[42]=[40] \times [41]$	[42]	USD	
17	Thu nhập khác/các khoản chia khác của nước chủ nhà	[43]	USD	
18	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách	[44]	%	
19	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[45]	%	
20	Số tiền phải nộp trực tiếp vào ngân sách phải nộp theo quyết toán $[46]=[42] \times [44] + [43]$	[46]	USD	
21	Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN $[47] = [42] \times [45]$	[47]	USD	
22	Tổng số tiền lãi dầu, khí đã kê khai trong kỳ	[48]	USD	
23	Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ $[49]=[46]-[48]$	[49]	USD	
II	Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư (Lô 09.1)		USD	
1	Số tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại	[50]	USD	
1.1	<i>Tiền kết dư phần dầu, condensate, khí để lại theo giá kế hoạch không sử dụng hết</i>	[51]	USD	
1.2	<i>Tiền kết dư phần chênh lệch giá dầu khí thực tế cao hơn giá kế hoạch</i>	[52]	USD	
2	Số phụ thu phải nộp	[53]	USD	

3	Thuế TNDN phải nộp	[54]	USD	
4	Lợi nhuận sau thuế [55]=[50]-[53]-[54]	[55]	USD	
5	Tỷ lệ chia cho nước chủ nhà	[56]	%	
6	Tiền lãi dầu, khí được chia của nước chủ nhà [57]=[55]x[56]	[57]	USD	
6.1	Tỷ lệ (%) để lại Công ty mẹ - PVN	[58]	%	
6.2	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách	[59]	%	
7	Số tiền nộp về Công ty mẹ - PVN [60] = [57] x [58]	[60]	USD	
8	Số tiền phải nộp trực tiếp vào ngân sách theo quyết toán [61] = [57] x [59]	[61]	USD	
9	Tổng số tiền lãi từ tiền kết dư đã kê khai trong kỳ	[62]	USD	
10	Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ [63]=[61]-[62]	[63]	USD	
III	Tiền lãi dầu khí từ hoạt động dầu khí tại các Lô khác			
1	Tổng sản lượng dầu khí xuất bán (phần của Liên doanh Vietsoveptro)	[64]	Thùng; MMBTU/GJ	
2	Giá bán	[65]	USD/thùng; USD/MMBTU; USD/GJ	
3	Doanh thu [66]=[64]x[65]	[66]	USD	
4	Các loại thuế và khoản thu phải nộp	[67]	USD	
5	Chi phí thu hồi	[68]	USD	
6	Chi phí được trừ khác	[69]	USD	
7	Lợi nhuận trước thuế [70]=[66]-[67]-[68]- [69]	[70]	USD	
8	Thuế TNDN phải nộp	[71]	USD	
9	Lợi nhuận sau thuế của Liên doanh	[72]	USD	
10	Trích quỹ	[73]	USD	
11	Lợi nhuận sau trích quỹ	[74]	USD	

12	Lãi dầu khí chia cho phía Việt Nam phải nộp theo quyết toán	[75]	USD	
13	Tổng số tiền lãi dầu khí chia cho phía Việt Nam đã kê khai trong kỳ	[76]	USD	
14	Chênh lệch giữa số tiền còn phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ [77]=[75]-[76]	[77]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- Trường hợp Liên doanh VSP kê khai tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán tại Lô 09.1/tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư thì Liên doanh kê khai chỉ tiêu [15], [16], [17], [18].
- Trường hợp Liên doanh VSP kê khai tiền lãi dầu khí từ hoạt động dầu khí tại các lô khác thì Liên doanh kê khai chỉ tiêu [19], [20], [21], [22].
- USD: đồng đô la Mỹ; VND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ VÀ PHỤ THU
(Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro)

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐
[04] Kỳ tính thuế: Năm
[05] Khai lần đầu ☐ [06] Khai bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... ngày:.....

STT.	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế trong kỳ tính thuế $[14]=[15]+[16]$	[14]	Thùng; m3	
1.1	Sản lượng xuất khẩu	[15]	Thùng; m3	
1.2	Sản lượng xuất bán tại Việt Nam	[16]	Thùng; m3	
2	Tổng doanh thu chịu thuế trong kỳ tính thuế	[17]	USD	
3	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế.	[18]	USD	
4	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế $[19]=[17]-[18]$	[19]	USD	
5	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế $[20]=[17]/[14]$	[20]	(USD/thùng; USD/m3	
6	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[21]	Thùng; m3	
7	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế $[22]=[21] \times [20]$	[22]	USD	
8	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[23]	USD	

9	Chênh lệch giữa số tiền thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế $[24]=[22]-[23]$	[24]	USD	
10	Thuế suất thuế TNDN	[25]	%	
11	Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế $[26]=[25]\times[19]$	[26]	USD	
12	Số tiền thuế TNDN tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[27]	USD	
13	Chênh lệch giữa số tiền thuế TNDN phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế $[28]=[26]-[27]$	[28]	USD	
14	Tổng số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]	USD	
15	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[30]	USD	
16	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế $[31]=[29]-[30]$	[31]	USD	
17	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp đối với khí thiên nhiên trong kỳ tính thuế	[32]	USD	
18	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đối với khí thiên nhiên đã kê khai trong kỳ tính thuế	[33]	USD	
20	Chênh lệch giữa số thuế đặc biệt phải nộp theo quyết toán với số thuế đặc biệt đã kê khai trong kỳ tính thuế $[34]=[32]-[33]$	[34]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số

.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- USD: đồng đô la Mỹ..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/NTNN, NCCNN
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI; NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG SỞ KHÁC

Áp dụng đối với

- ☐ Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài
- ☐ Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp nước ngoài, cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh: ngày ... tháng ... năm

[01b] Tháng ... năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ...

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay/Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế khấu trừ và nộp thay:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... Ngày:.....

I. PHẦN DÀNH CHO BÊN VIỆT NAM KHẤU TRỪ VÀ NỘP THAY THUẾ CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Mã số thuế của NTNN tại Việt Nam (nếu có)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước
			Số	Ngày/tháng/năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp	

[illegible]

II. PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC KINH DOANH TẠI VIỆT NAM ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GTGT LÀ PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ THUẾ KHẤU TRỪ VÀ NỘP THAY THUẾ CHO NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG SỞ KHÁC

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

II Cá nhân không cư trú														
STT	Nội dung	Mã số thuế của cá nhân (nếu có)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)				Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước
			Số	Ngày/tháng/năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%) thuế TNCN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNCN phải nộp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)	(11)	(12)	[13=(10x11)-(12)]	(14)=(9)+(13)
1	Cá nhân A													
2	Cá nhân B													
3	Cá nhân C													
...	...													
	Tổng													

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: (*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
 (Áp dụng đối với bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài)
 [01] Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số ngày tháng năm
 [02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
 [05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam:
 [06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):
 [07] Mã số thuế:
 [08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu tính thuế				
3	Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các nhà thầu phụ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế của nhà thầu nước ngoài (4=2-3)				
5	Số thuế phải nộp của nhà thầu nước ngoài (5=5a+5b)				
5a	Thuế giá trị gia tăng				

5b	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
6	Số thuế đã nộp				
6a	Thuế giá trị gia tăng				
6b	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
7	Số thuế còn phải nộp ($7=5-6>0=7a+7b$)				
7a	Thuế giá trị gia tăng ($7a=5a-6a>0$)				
7b	Thuế thu nhập doanh nghiệp ($7b=5b-6b>0$)				
8	Số thuế nộp thừa ($8=5-6<0=8a+8b$)				
8a	Thuế giá trị gia tăng ($8a=5a-6a<0$)				
8b	Thuế thu nhập doanh nghiệp ($8b=5b-6b<0$)				

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ.
- Trường hợp có nhiều nhà thầu nước ngoài thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu nước ngoài.

Phụ lục
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 02/NTNN)
Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số ngày tháng năm

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà thầu nước ngoài	Nước cư trú	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Loại hàng hóa, dịch vụ	Hợp đồng (số....ngày....)	Thời điểm kết thúc hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Doanh thu tính thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng								

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**
Họ và tên:.....
Chức chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngày tháng năm
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Phụ lục
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU
Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số ngày tháng năm

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
Mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế của nhà thầu phụ tại Việt Nam (nếu có)	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Hợp đồng (số....ngày....)	Thời điểm kết thúc hợp đồng	Giá trị của hợp đồng	Doanh thu tính thuế
			Tên Nhà thầu nước ngoài	Mã số thuế của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng									

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**
Họ và tên:.....
Chức chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngàythángnăm
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh: ngày ... tháng ... năm

[01b] Tháng ... năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung công việc	Tên nhà thầu phụ (nếu có)	Mã số thuế của nhà thầu phụ (nếu có)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán kỳ này	Ngày thanh toán	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)			
			Số	Ngày/tháng/năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	{(11=(8x9)-10)}
Tổng										

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

Ghi chú: Cột (2), (3) dùng để kê khai thông tin về tên, mã số thuế của nhà thầu phụ nước ngoài trong trường hợp nhà thầu nước ngoài kê khai, nộp thuế thay cho nhà thầu phụ nước ngoài

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **04/NTNN**
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày đến ngày.....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

[09] Hợp đồng nhà thầu: Sốngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu tính thuế				
3	Doanh thu phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế của nhà thầu nước ngoài (4=2-3)				
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp				
7	Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp (7=5-6>0)				
8	Số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (8=5-6<0)				

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thực hiện thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

[04] Tên Hãng hàng không nước ngoài:.....

[05] Nước cư trú:.....

[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:

[07] Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....

[08] Mã số thuế:

[09] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[10] Mã số thuế:

[11] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]+[15]	[12]		
1	Doanh thu bán vé hành khách	[13]		
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[14]		
3	Doanh thu khác	[15]		
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [16]=[17]+[18]	[16]		
1	Các khoản thu hộ	[17]		
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[18]		
III	Doanh thu chịu thuế TNDN [19]=[12]-[17]	[19]		
IV	Tỷ lệ (%) thuế TNDN trên doanh thu chịu thuế	[20]		
V	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ [21]=[19]x[20]	[21]		
VI	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[22]		
VII	Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ [23]=[21]-[22]	[23]		

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
số liệu đã kê khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số: ...

....., ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI HÃNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế	[09]	
2	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	[10]	
3	Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	[11]	
4	Số thuế TNDN phải nộp	[12]	
5	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[13]	
6	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[14]	
7	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm [15]=[12] – [14]	[15]	
8	Số thuế TNDN còn phải nộp [16] = [12] – [13] – [14]	[16]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

.....,ngày tháng năm

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chi tiêu [13]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này.

2. Chi tiêu [14]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán theo quy định pháp luật thuế TNDN.

Phụ lục
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác tàu)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu số 01/VTNN)
[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:
[05] Nước cư trú:
[06] Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:
[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Thông tin khách hàng		Tổng doanh thu vận chuyển thực tế	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành			Tên	Mã số thuế			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng									

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngàythángnăm
NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:
- Cột (1) đến (6) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (8) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian.

Phụ lục
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Áp dụng đối với trường hợp hoán đổi/chia chỗ)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số chứng từ vận chuyên	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Khách hàng		Số chỗ hoán đổi/chia (theo thoả thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng năm phát hành			Tên	MST					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (8) ghi số TEU hoặc số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thoả thuận hoán đổi/chia chỗ
- Cột (9) ghi số TEU hoặc số chỗ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác
- Cột (10) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng

Phụ lục
BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu số 01/VTNN)
[01] Kỳ tính thuế: Năm
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:
[05] Nước cư trú:
[06] Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:
[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam:

Đơn vị tiền : Đồng Việt Nam

Số chứng từ vận chuyên	Hoá đơn		Cảng đến	Khách hàng		Doanh thu lưu công- ten-nơ (doanh thu tính thuế)	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành		Tên	MST			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:...

.....,ngày tháng năm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:.....

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[05] Mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam:.....
[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [09]=[10]+[11]	[09]		
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[10]		
2	Doanh thu khác	[11]		
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [12]=[13]+[14]	[12]		
1	Các khoản thu hộ	[13]		
2	Các khoản chi khác	[14]		
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [15]=[09]-[12]	[15]		
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu chịu thuế	[16]		
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [17]=[15]x[16]	[17]		
VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ [18]=[19]+[20]	[18]		
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[19]		
2	Số thuế miễn, giảm khác	[20]		
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [21]=[17]-[18]	[21]		

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật
về số liệu đã kê khai./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:...

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Phụ lục

HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM, CHỨNG TỪ TÁI BẢO HIỂM THEO TỔ CHỨC TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Tờ khai thuế mẫu số 01/TBH)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.....năm

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

STT	Tên tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài	Nước cư trú	Địa chỉ trụ sở chính ở nước ngoài/chỉ nhánh của doanh nghiệp tái bảo hiểm	Loại Hợp đồng	Hợp đồng/Chứng từ tái bảo hiểm		Thời gian thực hiện hợp đồng		Phí bảo hiểm	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm
					Số	Ngày	Từ ngày	Đến ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Tổ chức X									
				A: Hợp đồng...						
				...						
				B: Hợp đồng ...						
				...						
2	Tổ chức Y									
				A: Hợp đồng...						
				...						
				B: Hợp đồng...						
				...						
...	...			...						
Tổng										

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**
Họ và tên:
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

Mẫu 02/NCCNN
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30
tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
Form No: 02/NCCNN
(Along with Circular No. 89/2026/TT-BTC dated 30th
Jul 2026 of the Minister of Finance)

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

(Dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài kê khai trực tiếp với cơ quan thuế)

TAX DECLARATION FOR E-COMMERCE BUSINESS IN VIET NAM

(For foreign providers who declare directly with tax authorities)

[01] Kỳ tính thuế: ☐ Tháng.....năm ☐ Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng.....năm

Tax period: Month.... Year.... / Per occurrence

[02] Lần đầu:☐

First time

[03] Điều chỉnh lần thứ:☐

Time of adjustment

[04] Tên người nộp thuế:.....

Name of taxpayer:

[05] Mã số thuế:.....

Tax identification number:

[06] Địa chỉ:.....[07] Quốc gia nơi thành lập doanh nghiệp.....

Postal address:

Country in which business is established:

[08] Điện thoại: [09] E-mail:

Tel:

E-mail

[10] Đồng tiền nộp thuế:.. .

Payment currency:

[11] Quốc gia có Hiệp định với Việt Nam: ☐ Có ☐ Không

From a country which signed a Double Tax Agreement with Viet Nam: Yes No

[12] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):

Name of tax agent, authorized organization (if any)

[13] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Tax identification number of tax agent, authorized organization:

[14] Địa chỉ của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Address of tax agent, authorized organization:

[15] Điện thoại của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Tel of tax agent, authorized organization:

[16] E-mail của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

E-mail of tax agent, authorized organization:

A. Đối với trường hợp doanh thu phát sinh tại Việt Nam*(Doanh thu từ cung cấp dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa mà không tách riêng được)***A. In terms of revenue generated in Viet Nam***(Revenue generated from services supply or services are associated to goods which can not be separated)*

Đơn vị tiền/Currency :

Nội dung Contents	Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) Value-Added Tax				Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax					Tổng số thuế nộp vào NSNN Total tax payable
	Giá tính thuế Taxable value subject to VAT	Giá tính thuế bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Taxable value from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Thuế suất (tỷ lệ) thuế GTGT Deemed VAT rate	Thuế GTGT phải nộp VAT payable	Doanh thu tính thuế Revenue subject to CIT	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu Deemed CIT rate	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định Tax amount exempted or reduced under Double TaxAgreement	Thuế TNDN phải nộp CIT payable	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)={ (2)-(3) } x (4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)={ (6)-(7) } x (8)-(9)	(11)=(5)+(10)
Tổng cộng: Total:				[17]					[18]	[19]

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

Total amount of VAT and CIT payable this period (In words):

B. Đối với trường hợp giao dịch hàng hóa phát sinh tại Việt Nam
B. In terms of goods transactions carried out in Viet Nam

Đơn vị tiền/Currency:....

Nội dung Contents	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				
	Doanh thu tính thuế Revenue subject to CIT	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu Deemed CIT rate	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định Tax amount exempted or reduced under Double Tax Agreement	Thuế TNDN phải nộp CIT payable
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)={ (2)-(3) } x (4)-(5)
Tổng cộng: Total:					[20]

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này (viết bằng chữ):.....

Total amount of CIT payable this period (In words)

File đính kèm/Attachments:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC
 VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:/.....

TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 TAXPAYER or**

THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

(Signature, full name; Title, and seal (if any)/Digital signature)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC KHÁCH HÀNG VIỆT NAM CÓ GIAO DỊCH VỚI NHÀ CUNG CẤP Ở NƯỚC NGOÀI

*(Kèm theo Tờ khai 02/NCCNN nhà cung cấp ở nước ngoài kê khai trực tiếp với cơ quan thuế
hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam)*

Detailed Schedule of Vietnamese Customers Having Transactions with the Foreign providers

*(Attached to Form No. 02/NCCNN – Tax Return for Foreign providers Directly Filing Tax Returns with the Vietnamese Tax Authority
for E-commerce Business Activities in Vietnam)*

[01] Kỳ tính thuế: ☐ Tháng.....năm ☐ Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng.....năm

Tax period: Month.... Year.... / Per occurrence

[02] Lần đầu:☐

First time

[03] Điều chỉnh lần thứ:☐

Time of adjustment

[04] Tên người nộp thuế:.....

Name of taxpayer:

[05] Mã số thuế:.....

Tax identification number:

[06] Địa chỉ:.....[07] Quốc gia nơi thành lập doanh nghiệp.....

Postal address:

Country in which business is established:

[08] Điện thoại: [09] E-mail:

Tel:

E-mail

[10] Đồng tiền nộp thuế:.. .

Payment currency:

[11] Quốc gia có Hiệp định với Việt Nam: ☐ Có ☐ Không

From a country which signed a Double Tax Agreement with Viet Nam: Yes No

[12] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):

Name of tax agent, authorized organization (if any)

[13] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Tax identification number of tax agent, authorized organization:

[14] Địa chỉ của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Address of tax agent, authorized organization:

[15] Điện thoại của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

Tel of tax agent, authorized organization:

[16] E-mail của tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền:

E-mail of tax agent, authorized organization:

A. Đối với trường hợp doanh thu phát sinh tại Việt Nam

(Doanh thu từ cung cấp dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa mà không tách riêng được)

A. In terms of revenue generated in Viet Nam

(Revenue generated from services supply or services are associated to goods which can not be separated)

Đơn vị tiền/Currency:

STT	Tên khách hàng Việt Nam (Tổ chức/ Cá nhân) Vietnamese counter-party's name	Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (CCCD)/ Tax Identification Number/Id entification Number	Hợp đồng / Contract	Số điện thoại/Email (trong trường hợp không có số điện thoại) Telephone number/em ail (in case telephone number not available)	Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) Value-Added Tax				Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax					Tổng số thuế nộp vào NSNN/Total tax payable
					Giá tính thuế/Taxable value subject to VAT	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay/Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu/Deemed VAT rate	Thuế GTGT phải nộp/VAT payable	Doanh thu tính thuế/Revenue subject to CIT	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay/Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu/Deemed CIT rate	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định/Tax amount exempted or reduced under Double TaxAgreement	Thuế TNDN phải nộp/CIT payable	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)={ (8)-(9)}x(10)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng cộng:								[17]					[18]	[19]

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):.....

Total amount of VAT and CIT payable this period (In words):

B. Đối với trường hợp giao dịch hàng hóa phát sinh tại Việt Nam
B. In terms of goods transactions carried out in Viet Nam

Đơn vị tiền:

Currency:

STT	Tên khách hàng Việt Nam (Tổ chức/ Cá nhân) Vietnamese counter-party's name	Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (CCCD)/Số giấy tờ định danh Tax Identification Number/Identification Number	Hợp đồng/contract	Số điện thoại/Email (trong trường hợp không có số điện thoại)/Telephone number/email (in case telephone number not available)	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax				
					Doanh thu tính thuế Taxable value	Doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay Revenue from which Vietnamese counter-party withheld tax before payment	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu/Deemed CIT rate	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định/Tax amount exempted or reduced under Double Tax Agreement	Thuế TNDN phải nộp/CIT payable
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)={{(6)-(7)}x(8)-(9)}
Tổng cộng:									[20]

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này (viết bằng chữ):.....

Total amount of CIT payable this period (In words)

File đính kèm/Attachments:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC
 VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:/:.....

TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

TAXPAYER or

THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

(Signature, full name; Title, and seal (if any) / Digital signature)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ CÓ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG SÓ KHÁC KHÔNG
CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN VÀ CHỨC NĂNG THANH TOÁN

[01] Kỳ tính thuế: Ngày.....tháng.....năm.....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Thông tin trong trường hợp người nộp thuế chưa được cấp mã số thuế:

[06.1] Số hộ chiếu/ Số giấy thông hành/ Số CMND biên giới/ Số giấy tờ định danh cá nhân khác:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

[06.2] Ngày, tháng, năm sinh:.....

[06.3] Địa chỉ:

[06.4] Quốc tịch:

[07] Email:

[08] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:.....Ngày:

[11] Tên của tổ chức khai thay (nếu có):

[12] Mã số thuế:

KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT), THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Đơn vị tiền: ...

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Thuế GTGT		Thuế TNCN	
			Doanh thu	Số thuế	Doanh thu	Số thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Cung cấp hàng hóa	[13]				
2	Cung cấp dịch vụ	[14]				
3	Dịch vụ có gắn với hàng hóa	[15]				
4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ	[16]				
	Tổng cộng:	[17]				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC
ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày... tháng... năm

**NGƯỜI NỘ THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘ
THUẾ**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu
có)/*

Ký điện tử)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI, NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI

Áp dụng đối với

- ☐ Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài
- ☐ Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp nước ngoài trên nền tảng thương mại điện tử

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm .../Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bỏ sung lần thứ: ...

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay/Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế khấu trừ và nộp thay:.....

[05] Mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam/Tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế khấu trừ và nộp thay:

[06] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... Ngày:.....

I. PHẦN DÀNH CHO BÊN VIỆT NAM KHẤU TRỪ VÀ NỘP THAY THUẾ CHO NHÀ THÀU NƯỚC NGOÀI

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

[illegible]

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)	(11)	(12)	[13=(10x11)-(12)]	(14)=(9)+(13)
1	Nhà thầu nước ngoài A (*)													
2	Nhà thầu nước ngoài B (*)													
3	Nhà thầu nước ngoài C (*)													
...	...													
	Tổng													

II. PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC KINH DOANH TẠI VIỆT NAM ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GTGT LÀ PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ THUẾ KHẤU TRỪ VÀ NỘP THAY THUẾ CHO NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Mã số thuế của NCCN (nếu có)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước
			Số	Ngày/tháng/năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)	(11)	(12)	[13=(10x11)-(12)]	(14)=(9)+(13)
1	Nhà cung cấp nước ngoài A (*)													
2	Nhà cung cấp nước ngoài B (*)													
3	Nhà cung cấp nước ngoài C (*)													
...	...													
	Tổng													

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: (*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI, HỘ,
CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tax declaration for Foreign providers, Business Households, and Individuals
Conducting Business on E-commerce Platforms

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm.....

Tax period: Month.... Year....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

First time Time of adjustment

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử:.....

Name of Platform operator

[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:

Tax identification number:

[06] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):.....

Name of tax agent, authorized organization (if any)

[07] Mã số thuế:

Tax identification number of tax agent, authorized organization:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:.....Ngày:.....

Contract to tax agent, authorized organization: Number.....Date:.....

Currency/Đơn vị tiền: ...

STT	Nội dung/Contents	Mã chỉ tiêu/Code of contents	Doanh thu/Revenue	Số thuế đã khấu trừ/Tax withhold		
				Thuế GTGT/VAT	Thuế TNDN/CIT	Tổng cộng/Total
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)

I	Nhà cung cấp nước ngoài/Foreign providers					
1	Cung cấp hàng hóa/Goods	[9]				
2	Cung cấp Dịch vụ/Services	[10]				
3	Dịch vụ có gắn với hàng hóa/Services are associated to goods	[11]				
4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ/The transaction relates to goods or services, or the type of service which can not be separated	[12]				
	Tổng cộng/Total (I)			[13]	[14]	[15]
II	Hộ, cá nhân/Individual		Doanh thu/Revenue	Số thuế đã khấu trừ/Tax withhold		
				Thuế GTGT/VAT	Thuế TNCN/PIT	Tổng cộng/Total
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
1	Cung cấp Hàng hóa/Goods	[16]				
2	Cung cấp Dịch vụ/Services	[17]				
3	Sản xuất , dịch vụ có gắn với hàng hóa/ Manufacturing and services are associated to goods	[18]				
4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ/The transaction relates to goods or services, or the type of service	[19]				

	which can not be separated					
	Tổng cộng/Total (II)			[20]	[21]	[22]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:/.....

TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

TAXPAYER or

THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử

(Signature, full name; Title, and seal (if any) / Digital

signature)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI, HỘ, CÁ NHÂN
CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

*Detailed Schedule of Taxes Withhold from Foreign providers, Business Households, and Individuals
Conducting Business on E-commerce Platforms*

(Kèm theo Tờ khai 01/CNKD-NCCNN-TMĐT)

(Attached to Form No.01/CNKD-NCCNN-TMĐT)

[01] Ngày lập: .../.../... **[02]** Lần gửi thứ:....

Date of preparation

Submission No.

[03] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử:

Name of the e-commerce platform operator:

[04] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:

Tax Identification Number (TIN) for withholding and payment on behalf:

[05] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):.....

Tax return No./Decision No./Notice No./Application Identification Number (ID)

[06] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:

Tax period/Decision date/Notice date

[07] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):

Name of the tax agent (if any)

[08] Mã số thuế:

Tax Identification Number (TIN)

[09] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số: Ngày:

Tax agency agreement: No. Date:

I. BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

I. DETAILED SCHEDULE OF TAXES WITHHOLD FOR FOREIGN ORGANIZATIONS

Đơn vị tiền/Currency: ...

[illegible]

II. BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH

II. DETAILED SCHEDULE OF TAXES WITHHOLD FOR BUSINESS HOUSEHOLDS AND INDIVIDUALS

ST T No.	Tên nền tảng thương mại điện tử/ Name of the E- commerce platform	Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán là hộ, cá nhân/Seller identification code on the E-commerce platform	Tên gian hàng/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử/Store name/Account name on the E-commerce platform	Tên hộ/ Họ và tên cá nhân/Name of the business household/Full name of the individual	Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD/Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân/Tax Identification Number (TIN)/Personal Identification Number (Citizen ID No./Passport No./Identification document number of the business household or individual)	Cá nhân không cư trú /Non- resident individual	Nhóm ngành nghề/ Business category	Doanh thu của hộ, cá nhân /Revenue of the business household/individual	Số thuế đã khấu trừ/Tax withhold		
									Số thuế GTGT/ VAT withhold	Số thuế TNCN /PIT withhold	Tổng cộng/ Total
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12) = (10)+(11)
1						☐					
2						☐					
...						☐					
Tổng cộng											

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:/.....

TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

TAXPAYER or

THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử

*(Signature, full name; Title, and seal (if any) / Digital
signature)*

Ghi chú/Note:

Mục I

- Tên nền tảng thương mại điện tử (cột 02): Ghi đầy đủ tên tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

Name of the E-commerce platform (Column 02): Enter the full name of the organization managing the E-commerce platform.

- Nhóm ngành nghề (cột 07): (01) Hàng hóa; (02) Dịch vụ; (03) Dịch vụ có gắn với hàng hóa; (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ. Trường hợp một gian hàng kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc các nhóm ngành nghề khác nhau thì mỗi ngành nghề kê khai một dòng.

Business category (Column 07): (01) Goods; (02) Services; (03) Services associated with goods; (04) The transaction relates to goods or services, or the type of service which can not be separated. Where a seller's store conducts business in goods and/or services belonging to different business categories, a separate line must be completed for each business category.

- Doanh thu của Nhà cung cấp nước ngoài (cột 08): Kê khai doanh thu phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi doanh thu của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

Revenue of the Foreign Supplier (Column 08): Declare the revenue arising during the month for each business category (after deducting revenue from cancelled transactions or returned goods).

- Số thuế GTGT (cột 09): Kê khai số thuế GTGT đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi thuế GTGT đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

VAT amount (Column 09): Declare the amount of VAT withheld during the month for each business category (after deducting the VAT withheld on cancelled transactions or returned goods).

- Số thuế TNDN (cột 10): Kê khai số thuế TNDN đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi thuế TNDN đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

Corporate Income Tax (CIT) amount (Column 10): Declare the amount of CIT withheld during the month for each business category (after deducting the CIT withheld on cancelled transactions or returned goods).

Mục II

- Tên nền tảng thương mại điện tử (cột 02): Ghi đầy đủ tên tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

Name of the e-commerce platform (Column 02): Enter the full name of the organization managing the e-commerce platform.

- Cá nhân không cư trú (cột 07): Tích vào ô này nếu kê khai khấu trừ thuế của cá nhân không cư trú

Non-resident individual (Column 07): Tick this box if declaring tax withheld from a non-resident individual.

- Nhóm ngành nghề (cột 08): (01) Hàng hóa; (02) Dịch vụ; (03) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ. Trường hợp một gian hàng kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc các nhóm ngành nghề khác nhau thì mỗi ngành nghề kê khai một dòng.

Business category (Column 08): (01) Goods; (02) Services; (03) Manufacturing, transportation, services associated with goods; (04) the transaction relates to goods or services, or the type of service which can not be separated. Where a seller's store conducts business in goods and/or services belonging to different business categories, a separate line must be completed for each business category.

- Doanh thu của hộ, cá nhân (cột 09): Kê khai doanh thu phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi doanh thu của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

Revenue of the household business or individual (Column 09): Declare the revenue arising during the month for each business category, after deducting revenue from cancelled transactions or returned goods.

- Số thuế GTGT (cột 10): Kê khai số thuế GTGT đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi thuế GTGT đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

VAT amount (Column 10): Declare the amount of VAT withheld during the month for each business category, after deducting the VAT withheld on cancelled transactions or returned goods.

- Số thuế TNCN (cột 11): Kê khai số thuế TNCN đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi thuế TNCN đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

Personal Income Tax (PIT) amount (Column 11): Declare the amount of PIT withheld during the month for each business category, after deducting the PIT withheld on cancelled transactions or returned goods.

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**
**DETAILED SCHEDULE OF TAX PAYMENTS MADE BY THE E-COMMERCE
PLATFORM OPERATOR**

(Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước:
Số, số tham chiếu, ngày .../.../...)

(Attached to the State Budget Payment Voucher: No., Reference No., Date:
.../.../...)

[01] Ngày lập: .../.../... [02] Lần gửi thứ:....

Date of preparation: .../.../... Submission No.:

[03] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử:

Name of the e-commerce platform operator:

[04] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:

Tax Identification Number (TIN) for withholding and payment on behalf:

[05] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):.....

Tax return No./Decision No./Notice No./Application Identification Number (ID)

[06] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:

Tax period/Decision date/Notice date

[07] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):.....

Name of the tax agent (if any)

[08] Mã số thuế:

Tax Identification Number (TIN)

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số:Ngày:.....

Tax agency agreement: No. Date:

**I. BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ KHẤU TRỪ CỦA TỔ CHỨC
NƯỚC NGOÀI**

**DETAILED SCHEDULE OF WITHHELD TAX PAYMENTS FOR FOREIGN
ORGANIZATIONS**

Đơn vị tiền/Currency: ...

STT No.	Mã số thuế Tổ chức nước ngoài (nếu có) <i>Tax Identification Number (TIN) of the foreign organization (if any)</i>	Tên Tổ chức nước ngoài <i>Name of the foreign organization</i>	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục) <i>State budget payment item (Sub-item)</i>	Số tiền nộp NSNN <i>Amount paid to the State budget</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
	Tổng cộng/Total			

II. BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ KHẤU TRỪ CỦA HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH

DETAILED SCHEDULE OF WITHHELD TAX PAYMENTS FOR BUSINESS INDIVIDUALS

STT	Mã số thuế/Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân/Tax Identification Number (TIN)/Personal Identification Number (Citizen ID No.)/Passport No./Identification document number of the business household or individual	Tên hộ/ Hộ và tên cá nhân/Name of the business household/Full name of the individual	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục) <i>State budget payment item (Sub-item)</i>	Số tiền nộp NSNN <i>Amount paid to the State budget</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
	Tổng cộng/Total			

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH
VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ HOẶC
BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế
số/.....

**TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED
PARTY (if any)**

Full name:

Practitioner Certificate number:

....., ngày... tháng... năm

Date month year

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI
NỘP THUẾ**

**TAXPAYER or
THE LEGAL REPRESENTATIVE OF
TAX PAYER**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng
dấu (nếu có)/*

Ký điện tử)

*(Signature, full name; Title, and seal (if
any) / Digital signature)*

Ghi chú:*Notes:*

1. Mỗi chứng từ nộp NSNN người nộp thuế lập một Bảng kê chi tiết tương ứng.

A separate Detailed Schedule shall be prepared for each State Budget Payment Voucher.

2. Tổng số tiền đã nộp NSNN trên cột (5) trên Bảng kê này phải bằng tổng tiền tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đã nộp trên chứng từ nộp NSNN.

The total amount paid to the State budget shown in Column (5) of this Schedule must be equal to the total amount paid by the e-commerce platform operator as stated in the corresponding State Budget Payment Voucher.

**HỒ SƠ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ SỐ THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP Ở NƯỚC
NGOÀI ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀO SỐ THUẾ THU NHẬP PHẢI NỘP TẠI VIỆT NAM
THEO HIỆP ĐỊNH THUẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết).....
(Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)**

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ Áp dụng cho tổ chức

☐ Áp dụng cho cá nhân

I. NGƯỜI GIẢI TRÌNH

1. Người nộp thuế:

1.1.	Tên đầy đủ:..... Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề ☐ CMND/CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....		
1.2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....		
1.3.	Tư cách pháp lý		
	Pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề độc lập ☐
	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	Cá nhân hành nghề phụ thuộc ☐
	Khác	☐	
	Nêu rõ:.....		
1.4. a.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail: Địa chỉ trên là: Trụ sở chính ☐ Nhà ở thường trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:		
1.4. b.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:		
1.5.	Quốc tịch:		
	Việt Nam ☐	Nước ký kết ☐	Nước khác ☐
1.6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):		
1.7. a.	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:..... Địa chỉ trên là: Văn phòng ☐ Cơ sở thường trú ☐ Nơi làm việc ☐ Nơi lưu trú ☐ Khác ☐ Nêu rõ:		
1.7. b.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:.....Số Fax: E-mail:		
1.8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có).....		

2. Đại diện được uỷ quyền¹: ☐

2.1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ <i>CMND/CCCD</i> ☐ <i>Hộ chiếu</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....															
2.2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....															
2.3.	Mã số thuế (nếu có):.....															
2.4.	Giấy uỷ quyền số: ngày															
2.5.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td><i>Pháp nhân</i></td> <td>☐</td> <td><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td>☐</td> <td><i>Khác</i></td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td><i>Đại lý thuế</i></td> <td>☐</td> <td><i>Nêu rõ:.....</i></td> <td></td> </tr> </table>				<i>Pháp nhân</i>	☐	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>Khác</i>	☐	<i>Đại lý thuế</i>	☐	<i>Nêu rõ:.....</i>	
<i>Pháp nhân</i>	☐	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐													
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>Khác</i>	☐													
<i>Đại lý thuế</i>	☐	<i>Nêu rõ:.....</i>														

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản giải trình này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề</i> ☐ <i>CMND/CCCD</i> ☐ <i>Hộ chiếu</i> ☐ Số: Ngày cấp:...../...../..... tại Cơ quan cấp.....															
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....															
3.	Mã số thuế (nếu có):.....															
4.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td><i>Pháp nhân</i></td> <td>☐</td> <td><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td>☐</td> <td><i>Khác</i></td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td><i>Nêu rõ:.....</i></td> <td></td> </tr> </table>				<i>Pháp nhân</i>	☐	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>Khác</i>	☐			<i>Nêu rõ:.....</i>	
<i>Pháp nhân</i>	☐	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	☐													
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	☐	<i>Khác</i>	☐													
		<i>Nêu rõ:.....</i>														

III. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH

1. Năm áp dụng Hiệp định thuế:
2. Thông tin về số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ vào số thuế thu nhập phải nộp tại Việt Nam:
 - 2.1. Số thuế đề nghị khấu trừ trực tiếp
 - Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:.....
 - Loại thu nhập:
 - Thời gian phát sinh thu nhập:
 - Thuế suất:
 - Số thuế đã nộp ở nước ngoài:

¹ Trường hợp người nộp thuế uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được uỷ quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

2.2. Số thuế được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế tại nước ngoài đề nghị khấu trừ:

.....

- Số thu nhập nhận được ở nước ngoài thuộc diện được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế:

- Loại thu nhập:

- Thời gian phát sinh thu nhập:

- Thuế suất:

2.3. Số thuế đề nghị khấu trừ gián tiếp:

- Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:

- Loại thu nhập:

- Thời gian phát sinh thu nhập:

- Thuế suất:

- Số thuế đã nộp ở nước ngoài:

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH THUẾ

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch và lý do được khấu trừ thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài vào số thuế thu nhập phải nộp tại Việt Nam theo Hiệp định thuế:

.....

.....

2. Giải trình khác:

.....

(Trường hợp do quy định của nước ngoài, người nộp thuế không cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của Hồ sơ đề nghị khấu trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam theo Hiệp định thuế, người nộp thuế có trách nhiệm giải trình cụ thể tại điểm này.)

3. Tài liệu gửi kèm:

1.

2.

3.

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngàythángnăm

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC
HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ
TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên
môn về thuế số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/Ký điện tử)